# VĂN HỌC

**tạp chí sáng tác nhận định văn nghệ**

nguyễn trọng khôi

**Số 68 tháng 10 năm 1991**

# VĂN HỌC
## TRONG SỐ NÀY:

● **THƯ TÒA SOẠN** *trang* 1 ● **THẾ UYÊN** văn nghị luận của miền nam 1923 qua hồ biểu chánh *trang* 2 ● **KHOA HỮU** thơ *trang* 7 ● **THỤY KHUÊ** thơ, văn xuôi và văn vần *trang* 10 ● **KHẾ-IÊM** thơ *trang* 19 ● **HỒ ĐÌNH NGHIÊM** ngôi sao xấu *trang* 21 ● **THƯỜNG QUÁN** thơ *trang* 34 ● **KATHERINE MANSFIELD NGUYỄN THỊ CHÂN QUỲNH** dị ch "the garden party" vị nh lưở i liề*trang* 37 ● **TRẦN MỘNG TÚ** thơ *trang* 76 ● **TRẦN THỊ DIỆU TÂM** ngày hè trên biển *trang* 77 ● **LUÂN HOÁN** thơ *trang* 89 ● **VĂN CŨNG THƯỜNG** đêm trăng đầy ở làng saint rémy *trang* 91 ● **PHAN NI TẤN (N.D.)** thơ *trang* 108 ● **LA TOÀN VINH** thơ *trang* 109 ● **QUỲNH GIAO** hoài bắc phạm đình chương, một thời đã qua... *trang* 110 ● Tranh bìa **NGUYỄN TRỌNG KHÔI** ● Phụ bản **KHÁNH TRƯỜNG**

**BAN CHỦ BIÊN:**

Nguyễn Mộng Giác ☼ Nguyễn Xuân Hoàng ☼ Cao Xuân Huy ☼ Hoàng Khởi Phong ☼ Trịnh Y Thư ☼ Khánh Trường ☼ Trương Vũ

**Chủ bút: Trịnh Y Thư**

**Tổng thư ký: Cao Xuân Huy**

**Mỹ thuật: Khánh Trường**

Đại diện Văn Học ở Âu châu: Mrs Lê Tất Luyện

15 Place Souham, 75013 Paris, France. Phone: 45.831.912

Đại diện Văn Học ở Úc châu: Nguyễn Khắc Phú

14 Lester Rd, Padstow N.S.W. 2211 Australia. Tel: (02)771.1770

Thư từ tiền bạc xin gửi về: Văn Học

P.O. Box 3192 Tustin CA 92680 USA

Phone: **(714) 898.9074**

Số đăng ký tại Thư Viện Quốc Hội Hoa Kỳ: ISSN - 0885 - 128X

# THƯ TÒA SOẠN

Chủ điểm của Văn Học số này là ba bài thơ mới nhất của Khoa Hữu mới chuyển từ trong nước ra. Trong thời gian qua, một số thơ của nhà thơ cựu sĩ quan quân lực VNCH này được đăng tải trên một số báo chí tại hải ngoại, hầu hết trên tạp chí Văn Học, và đã có không ít độc giả xa gần liên lạc về tòa soạn hỏi han về thân thế ông. Để trả lời chung, một ngày gần đây, tổ hợp xuất bản Tân Thư - Thời Văn sẽ cho ra mắt một tập thơ của ông gồm những bài thơ bi tráng như tiếng con thiên nga cất tiếng kêu cuối cùng, không hề biết lùi sợ trước bạo lực cùm gông.

Nhà văn Thế Uyên đến với độc giả kỳ này, sau một thời gian vắng bóng trên Văn Học, qua một bài viết về lối văn nghị luận của Hồ Biểu Chánh, và nhân đó ông cũng lược sơ qua những gì hậu sinh làm được theo lời khuyên của nhà văn chuyên viết truyện đồng quê miền Nam trong thời kỳ chữ quốc ngữ còn phôi thai này. Nhà phê bình Thụy Khuê tiếp tục loạt bài viết về thơ, nói đến yếu tính "vần" trong thi ca và xem đó là sự khác biệt căn bản giữa thơ và văn xuôi.

Quỳnh Giao, một nữ ca sĩ tên tuổi của âm nhạc Việt Nam và cũng là cây bút viết điểm sách, giúp chúng ta đốt nén hương lòng tưởng nhớ nhạc sĩ Phạm Đình Chương, người vừa từ giã cõi đời về với cát bụi, để lại một mất mát rất lớn trong chúng ta, những người thương mến ông nói riêng và trong lòng dân Việt nói chung. Nhưng những nhạc phẩm ông để lại thì bất diệt, chúng ta sẽ còn mãi mãi hát và mãi mãi nghe nhạc Phạm Đình Chương.

Văn Học

THẾ UYÊN

# văn nghị luận của miền nam 1923 qua hồ biểu chánh

*

Trong công tác sưu khảo thực hiện gần đây cùng giáo sư John C. Schafer (đại học Humboldt, Arcata, California), người viết tình cờ được đọc một bài văn nghị luận rất đáng chú ý do Hồ Biểu Chánh viết vào năm 1923, nghĩa là cách đây 63 năm. Để tăng thêm kiến thức văn học chung của tất cả, người viết sẽ trình bày và phân tích bài văn đó về phương diện từ ngữ sử dụng, cách thế viết văn nghị luận của thời kỳ khá xa trong quá khứ ấy. Ngoài ra vì trong bài Hồ Biểu Chánh cũng đề ra nhiều đường lối, nói lên vài khát vọng về văn học Việt-nam, chúng ta sẽ cùng xét xem những ước nguyện của người xưa ấy các hậu sinh đã thực hiện được tới đâu và ra sao.

**Vài hàng về tiểu sử Hồ Biểu Chánh**

Hồ Biểu Chánh sinh năm 1885 tại làng Bình-thạnh, tỉnh Gò-công, con của một xã trưởng. Khi ông sinh ra đời, Nam-kỳ đã thuộc Pháp được 23 năm. Tuy thế năm lên tám ông vẫn bắt đầu đi học chữ Hán theo nền giáo dục Nho học. Mãi ba năm sau ông mới chuyển sang học quốc ngữ và Pháp văn. Nhờ học giỏi ông được cấp học bổng học trung học tại Mỹ-tho (trường Nguyễn Đình Chiểu hiện nay) rồi Chasseloup-Laubat, Sài-gòn (trường Lê Quí Đôn hiện nay) và tốt nghiệp năm 1905. Năm sau ông trúng tuyển kỳ thi làm thư ký hành chánh cho Soái phủ Nam-kỳ và tiếp tục làm quan chức cho chính

quyền địa phương tới 30 năm. Ông phục vụ tại nhiều nơi trong Nam-kỳ với nhiều chức vụ khác nhau, có lúc làm quan huyện nữa, nhưng lúc nào cũng liêm khiết nên được cả dân lẫn chính quyền đương thời kính trọng. Ông về hưu năm 1941 và được chính quyền Pháp ban thưởng Bắc đẩu Bội tinh.

Về văn học, ngoài việc viết văn, ông cũng còn làm báo. Ông ra *Đại Việt Tạp Chí*, tờ báo đầu tiên ở Long-xuyên năm 1918 và hợp tác xây dựng nhiều báo khác nữa. Nhưng bị chế độ kiểm duyệt của chính quyền Pháp làm khó dễ, ông bỏ địa hạt báo chí, chuyển sang viết văn. Dù làm một ký giả hay một nhà văn, Hồ Biểu Chánh lúc nào cũng tỏ rõ tấm lòng yêu nước thương dân. Nhưng ông lại chủ trương không làm cách mạng chống Pháp, chỉ nên dùng hết tài năng của trí thức để lo khai hóa, giáo dục cho lớp trẻ hậu sinh mà thôi. Tác phẩm đầu tiên ông viết là *U Tình Lục* năm 1909. Đây là một truyện dài bằng thơ như *Truyện Kiều, Lục Vân Tiên* nhưng khác biệt ngay từ đầu là hai truyện trên viết bằng chữ Nôm, còn *U Tình Lục* được viết thẳng bằng quốc ngữ và lấy nhân vật toàn là người Việt sống ở miền châu thổ Cửu-long. (Chúng tôi sẽ trở lại trình bày kỹ về tác phẩm này trong một biên khảo khác).

Năm 1942 ông đã nhận tài trợ của chính quyền Pháp Nam-kỳ để ra hai tờ báo ca tụng thống chế Petain và chính phủ Vichy ở Pháp (chính phủ này ký hòa ước đứng về phe Đức Quốc xã trong đệ nhị thế chiến). Sự hợp tác này làm hại danh tiếng của ông khá nhiều. Nhưng mặc dù vậy, công của ông đối với văn học miền Nam nói riêng và Việt-nam nói chung đã quá lớn nên chính quyền Việt-nam Cộng-Hòa và chính quyền Cộng sản Việt-nam sau 1975 vẫn tôn trọng văn nghiệp của ông. Con đường nhỏ mang tên Hồ Biểu Chánh vẫn còn tồn tại tới giờ phút này ở Sài-gòn.

**Bài diễn văn 1923 của Hồ Biểu Chánh**

Bài văn này được đăng trên tạp chí *Đông Pháp Thời Báo* (Le Courrier Indochinois) do Nguyễn Kim Đính chủ trương, xuất bản tại

Sài-gòn 1923. Vì bài quá dài nên người viết chỉ sử dụng phần III, "Bồi đắp nền văn chương", nguyên văn như sau:

**Bài Của Quan Huyện**

**HỒ-VĂN-TRUNG**

**Diễn thuyết tại Nam-kỳ Khuyến-học-hội đêm 17 Mai 1923.**

III. BỒI ĐẮP NỀN VĂN-CHƯƠNG

*Thưa các ngài.*

*Có một việc chấn-chỉnh rồi phổ-thông chữ quốc ngữ mà nảy giờ tôi thêu dệt dông-dài làm cho các ngài ngồi nghe có khi cũng đà mỏi trí. Thiệt tôi cũng muốn nói dứt phứt cho rồi đặng khỏi nhọc lòng các ngài. Nhưng mà nói chuyện quốc-văn mà bỏ văn-chương đi, thì chắc không khỏi mang tội sơ sót. Vậy xin các ngài vui lòng cho phép tôi tỏ bày sơ lược thêm ít lời về văn-chương Annam, luôn thể.*

*Phận tôi tuy học thức sơ sài, trí tài siển lậu, nhưng mà tôi cũng biết được rằng hiện nay người nói tiếng Annam có nhiều lắm là 20 triệu mà thôi, còn người nói tiếng Pháp hoặc tiếng Ăng-lê kể đến số trăm triệu. Đã vậy mà nước Pháp với nước Ăng-lê đều là nước phú cường, người Pháp với người Ăng-lê đã xuất dương cư ngụ khắp trong địa-cầu mà khai thương lập xưởng, văn-chương nước Pháp với văn-chương Ăng-lê chấn-chỉnh dồi-mài đã nhiều đời rồi, nên ngày nay đã đẹp đẻ, đã cao sâu, mà lại cũng đã rộng rải nữa.*

**Nhận xét về cách dùng chữ đặt câu**

Điều đầu tiên có thể nhận thấy dễ dàng là Hồ Biểu Chánh đã phạm những lỗi thông thường về chính tả của dân Nam-kỳ, thí dụ như là lộn dấu hỏi dấu ngã, viết sai phụ âm chót, đặc biệt phụ âm g.

Ngoài ra Hồ Biểu Chánh cũng dùng những từ khó hiểu cho hậu sinh. Thí dụ: *Lại có hiếm người tập tành nhiều lối tệ lạ lùng* (lại có một thiểu số người viết văn theo một lối tệ hại lạ lùng); *chớ nhầm chỗ mình đã có sẵn chữ của mình* (khi mình đã có sẵn tiếng Việt để dùng); *dùng nhầm nghĩa* (dùng đúng nghĩa); *bổn tuồn* (bản tuồng), v.v...

Về cách đặt câu, nếu đặt trong hoàn cảnh của thời kỳ 1923, chúng

ta phải công nhận Hồ Biểu Chánh đã đặt câu tương đối ngắn và đúng văn phạm.

Xét chung, một độc giả 1991 đọc bài nghị luận 1923 trên của Hồ Biểu Chánh, sẽ dễ dàng hiểu được nội dung, dù đôi chỗ phải ngừng lại ngẫm nghĩ một chút.

Điểm quan trọng nhất là về văn phong, Hồ Biểu Chánh đã bộc lộ hoàn toàn mình là dân Nam-kỳ. Từ lối dùng chữ đến lối trình bày ý tưởng rất trực tiếp cụ thể, tung ra nhiều thí dụ lấy từ cuộc sống trước mặt. Khác hẳn lối văn phong hoa mỹ cổ kính của những nhà nghị luận miền Bắc, thí dụ như của nhóm *Nam Phong* của Phạm Quỳnh.

**Nhận xét về nội dung**

Hồ Biểu Chánh đã dùng nhiều đoạn của bài văn để đả kích cái lối viết dùng quá nhiều thơ xen kẽ và sử dụng quá nhiều những từ ngữ điển tích Trung-hoa có sẵn. Ông hô hào dùng nhiều tiếng Việt hơn nữa.

Điều ao ước thứ nhất này của ông đã được hậu sinh nghe theo và thực hiện. Chưa đến mười năm sau, tại miền Bắc, từ ký giả Hoàng Tích Chu đến các nhà văn trong *Tự Lực Văn Đoàn*, tất cả đều làm theo nguyện ước của Hồ Biểu Chánh. Văn nghị luận trở thành trong sáng, rõ ràng, dùng toàn chữ Việt phổ thông, tránh tối đa điển tích cũ. Điều mà Hồ Biểu Chánh hô hào "*kẻ thanh niên tân học phải rán mà tập viết chữ quốc ngữ, tập làm văn Annam, khuyên nhà tư bổn phải lấy lòng công ích, đậu vốn đậu tiền, rồi hoặc lập nhà in, hoặc dặt lập phần thưởng để giúp đỡ phổ thông sách quốc ngữ...*" đều đã được thực hiện khá nhanh trong hai thập niên sau.

Trong đoạn kết, Hồ Biểu Chánh ao ước một điều nữa quan trọng hơn: "*Trước hết chúng ta phải lo chế sửa thế nào cho từ Nam chí Bắc viết giống nhau một cách, đáng cho chữ quốc ngữ thành quốc văn.*"

Về ao ước này thì hậu sinh đã tiến hành như Hồ Biểu Chánh mong ước, nhưng với các đặc tính như sau:

1. Về sáng tác, thời kỳ những nhà văn miền Nam viết y hệt như nhà văn miền Bắc (như trường hợp Dông Hồ, Bình Nguyên Lộc) đã qua rất mau, thay thế bằng lối viết tôn trọng từ ngữ văn phong mỗi miền.

Những từ ngữ địa phương xuất hiện đầy trong các sáng tác, nhưng có chú giải để người đọc cả nước có thể hiểu. Càng về sau, các tác giả càng lười chú giải nên chỉ dùng những "từ ngữ thổ sản địa phương" nào mà người ngoài có thể hiểu dễ dàng. Những chữ "răng, tê, mô, chừ" và những từ ngữ "thầy hai, cô ba, ổng, ảnh, cổ" không hề làm phiền bất kể độc giả nào.

2. Về nghị luận, sự thống nhất đạt tới mức cao nhất. Mở báo chí trước tháng 4-75 ra đọc các bài quan điểm và nghị luận đủ loại, nếu tòa soạn không chú giải, khó độc giả nào biết được tác giả là người miền Bắc, Nam hay Trung. Giấc mơ 1923 của Hồ Biểu Chánh kể như đã được thực hiện một trăm phần trăm.

**Một chút viễn tượng**

Nhưng sự thống nhất về ngôn ngữ trong văn nghị luận ấy lại gặp trục trặc sau tháng 4-75. Những người ở hải ngoại tiếp tục viết văn nghị luận theo kiểu y như thời kỳ ở trong nước trong khi tại nội địa đã sử dụng rất nhiều từ ngữ mới xuất phát từ miền Bắc, nơi do sự theo đuổi chủ nghĩa Mác-Lênin đã phải sản xuất ra rất nhiều từ ngữ mới về địa hạt kinh tế và khoa học xã hội nói chung. Không biết một cán bộ đảng Cộng-sản Việt-nam ở Hà-nội khi đọc văn nghị luận hải ngoại có gặp nhiều khó khăn không, nhưng người hải ngoại đọc những bản văn biên khảo nội địa, đặc biệt là về kinh tế, lắm lúc thấy mù mịt sương khói quá.

Bây giờ sự giao lưu văn hóa giữa hải ngoại và nội địa còn thấp thì mạnh ai người ấy viết theo kiểu của mình. Nhưng trong một thập niên nữa, sự giao lưu trở thành bình thường, chắc chắn hai bên sẽ tác động qua lại để tạo thành một văn phong nghị luận mới, dễ đọc dễ hiểu cho tất cả. □

Đón đọc:

**KHUNG RÀO HẸP**

Chuyện ngắn Nguyễn Đức Lập

*KHOA HỮU*

# TIỄN BẠN DIỆN HO ĐI MỸ

*

*Người ra đi người đến phương nào*
*như mây bay lang bạt trời sâu*
*từ núi từ sông từ biển lớn*
*nhìn người đi hay nhìn mai sau.*

*Cả không gian coi hẹp dưới chân*
*nhưng thời gian là sợi máu hồng*
*buộc tương lai vào ngày bất tử*
*buộc con người vào đất quê hương.*

*Người ra đi sao người ra đi*
*bốn nghìn năm lịch sử nằm nghe*
*tám mươi năm bước chân xiềng xích*
*những đau thương theo gió gọi về.*

*Ta tiễn người hay tiễn đời ta*
*những ngày những tháng cắt thịt da*
*ôi trái tim của thời nô lệ*
*như vết thương đau mãi không già.*

*Người ra đi và người ra đi*
*ba mươi năm huyết nhục còn nghe*
*dù nước Cửu long mài gươm bén*
*dù đá Trường sơn dựng lời thề.*

*Viên đạn nào trong trí nhớ tôi*
*hay dấu bom xâm trên hình hài*
*là vết thương của nghìn sự thật*
*là lương tâm Việt Nam, một mai...*

# TRONG CÔNG VIÊN

*

*Buổi sáng nhẫn nhục chiều cam phận*
*cây cành và lá giấc, chiêm bao*
*ngày cầm điếc gió trốn u uất*
*vài tấm bia tôi tớ đứng hầu.*

*Trên băng ghế ta ngồi bất động*
*cùng tóc râu điểm trắng thời gian*
*ngó bức tượng hành hình vô vọng*
*bầy trẻ thơ xanh xám như chàm.*

*Những con đường dĩ vãng gầy guộc*
*thắt vào như buộc một vòng dây*
*kẻ đến và đi rồi bật khóc*
*còn ta da bọc lấy vai gầy.*

*Hoa giả chết và cỏ trần trụi*
*khói hương bay trời đỏ tháp mây*
*tay ngày tháng mài tung tro bụi*
*mắt đá mù mắt mở như ngây.*

*Ta xé đôi đời còn dẫm máu*
*một mảnh còn một mảnh đã quên*
*ta hôn mãi môi đời yêu dấu*
*một lũ khờ quanh một gã điên.*

# GIẢ THIẾT VỀ NỖI CÔ ĐƠN

*

*Ta buồn ta lạnh lùng như núi*
*ta buồn bất tận như nước sông*
*vườn hồi tưởng cây già oan trái*
*lá hoa niên thay tuổi phong trần.*

*Tưởng có lúc ta người đào huyệt*
*đào thời gian tìm phút yên vui*
*đất bỗng đỏ bàn tay như huyết*
*đất máu anh em đã ngậm cười.*

*Ta về lại đời ta tháng tám*
*thấy dưới mồ thấy dưới vầng trăng*
*đã chôn sống quê hương bè bạn*
*còn trái tìm ta thở làm bằng.*

*Thấy lịch sử dường lầm cát bụi*
*người với người bịt mắt nhau đi*
*thù với hận và công với tội*
*trả oán đền ơn thấy được gì?*

*Cánh cò trắng về trên đồng lúa*
*một linh hồn oan khuất về chăng*
*về nhìn lại trời xưa quê cũ*
*đất cơm dau trời chẳng dành lòng.*

*Động lòng ta dau lòng nhân loại*
*huyệt ta đào trên đất hứng vong*
*máu ta viết thơ ta giữ lại*
*đời ta chôn dưới đáy thăng trầm.*

THỤY KHUÊ

# thơ, văn xuôi và văn vần

*

Khái niệm về *Thể* (Forme) đối với chúng ta thường mơ hồ, tuy cần thiết để nhận diện cái *Đẹp*. *Thể*, đây không chỉ là hình thức mà gần gụi với kết cấu, thể bao gồm cả hình thức lẫn nội dung: Tại sao cái bình này đẹp? Cái kia xấu? Tại sao miếng đá ong xù xì kia lại có gì quyến rũ ta trong khi viên thạch cao nhẵn nhụi, phẳng lì, không gợi trong ta một cảm xúc nào? Tại sao câu thơ này hay? Câu thơ kia dở? Ta nhận diện sự vật đầu tiên bằng trực giác qua thể. Theo Valéry, *"Nếu bạn là nhà thơ, thì bao giờ bạn cũng hy sinh ý tưởng cho thể, vì thể là cứu cánh và chính là động tác sáng tạo"*.

*Thể* tức khắc cho chúng ta biết có thể *cảm* hay không cảm: Bức tranh xấu hay đẹp, bài hát hay hay dở. Vậy thể tiềm ẩn trong hình thức hay nội dung? Ở bên ngoài hay bên trong sự vật?

Các nhà mỹ học và các nhà phê bình không dứt khoát trong định nghĩa hoặc nhận định chính xác về thể, nhưng dường như cùng đồng ý với nhau ở một điểm: *Thể hiện ra một cách tổng quát, toàn bộ*. Thể là một *toàn thể duy nhất* bao gồm những thành phần mà tâm trí có thể tách rời: Thể trong hội họa là bức tranh hoàn tất. Thể trong điêu khắc là bức tượng thành hình. Thể trong ca nhạc là bài hát hát lên. Thể trong thơ là toàn bộ *"hình ảnh (còn gọi là hình tượng), âm thanh, ý và từ thơ"* quyện với nhau, gây nên *cảm xúc*. *Thể* là nhân, *cảm xúc* là quả. Thể truyền cho người đọc cảm xúc, rung động. Và ở đâu có rung động là có thơ: Tình yêu là một bài thơ không chữ, không vần.

Chúng ta cảm thơ như cảm một mùi hương, một bức tranh, một bài hát, mà đôi khi không hiểu tại sao nhà phê bình căn cứ vào thể, và đựa

theo một số quan niệm về cái đẹp để nhận định, giúp chúng ta *hiểu* sau khi *cảm* tác phẩm nghệ thuật. Vậy tìm hiểu thơ đi đôi với tìm hiểu cái đẹp.

*

Định nghĩa xa xôi nhất về cái đẹp đến từ Socrate: "*Cái đẹp là cái bổ ích*" (le beau est l'utile). Gần đây hơn, Jacobson định nghĩa: "*Thơ là ngôn ngữ trong chức năng thẩm mỹ của nó*" và nhóm Xuân Thu Nhã Tập nhận diện tính chất của thơ: "*Nó hòa hợp ta trong cái Đẹp và ấp ta nằm trong Sự Thật*".

Thơ, cũng như mỹ quan hay cái đẹp, mang hai tính chất chung của nghệ thuật: *đồng tại* (Synchrronique) vì mỗi thời có một số quy luật về cái đẹp, mỗi thời có một lối suy nghĩ, một hành trang tư tưởng... và *lịch đại* (diachronique) vì quan niệm đẹp, quan niệm sống, hành trình tư tưởng... biến đổi và tiến triển theo thời gian.

Cho nên, thơ, văn hay bất cứ công trình nghệ thuật nào muốn đi vào vĩnh cửu, trước hết phải đáp ứng tiêu chuẩn mỹ quan và hành trang tư tưởng của một thời và sau đó còn phải chịu đựng sự thử thách, dãi dầu qua nhiều thế hệ.

Ngược lại, nhà phê bình muốn nhận định đúng mức một tác phẩm cổ điển, không thể chỉ căn cứ vào những mẫu mực về cái đẹp, về chiều hướng tư tưởng của "hôm nay" để đánh giá những công trình nghệ thuật dựa trên những tiêu chuẩn về cái đẹp, về lối suy nghĩ, về thao tác văn chương của "hôm qua".

*

Trở lại địa hạt thơ-văn: Văn chương truyền khẩu truyền tụng từ thế hệ này sang thế hệ khác qua thơ mà không qua văn; vì sao thơ lại có tác động trong trí nhớ con người như thế?

Có ba lý do:

1- Vần: Vần có tác dụng tạo nhạc điệu cho câu nói, câu văn, do đó không phải là sở hữu và sở đắc của thơ hay ca dao. Vốn là thành tố của nhịp điệu: nhịp câu nói, có khi cần vần "*ăn vóc học hay*", có khi không cần vần "*uống nước, nhớ nguồn*".

Từ chức năng đó, vần có tác dụng giúp trí nhớ, chủ yếu trong tục ngữ, ca dao; đôi khi người ta còn dùng như một phương tiện giáo khoa: học chữ Hán (Tam tự kinh) hay lịch sử (Đại Nam quốc sử diễn ca) bằng văn vần. Thậm chí còn học chữ Pháp, học toán bằng văn vần. Thời mà sách in còn khan hiếm, thì các truyện Nôm, mục đích để truyền khẩu được sáng tác bằng văn vần, từ thể Đường luật như *Truyện Vương Tường* (thế kỷ 15-16) đến thể lục bát như *Tống Trân Cúc Hoa, Trê Cóc* (thế kỷ 18-19). Các truyện *Hoa Tiên, Nhị Độ Mai, Phạm Trần, Kiều, Bích Câu Kỳ Ngộ, Lục Vân Tiên*... nằm trong truyền thống đó.

Nhưng người xưa đã phân biệt *thơ* (thi) với *văn vần* (vận văn) và diễn ca. Chúng ta có nhiều thi tập từ thời Nguyễn Trãi như *Quốc Âm thi tập, Ức Trai thi tập*. Không thể nhầm lẫn với những tập diễn ca như *Đại Nam quốc sử diễn ca*... Sau này, thơ tuyên truyền, thơ quảng cáo thuốc cao đơn hoàn tán... Cũng dựa trên chức năng ứng dụng của vần để ghi vào trí nhớ.

Tuy nhiên, *vần chỉ là điều kiện cần mà chưa đủ*. Ví dụ những câu như:

*Hoan hô đồng chí Võ Nguyên*
*Giáp ta thắng trận Điện Biên lẫy lừng*

thì không có hy vọng gì sẽ được thiên hạ "để dời".

Thật vậy, *vần chỉ có tác dụng trong trí nhớ con người nếu vần quyện với lời hay hoặc với ý đẹp. Cho nên vấn đề đặt ra ở đây là:*

a. Những câu vớ vẩn, nhớ làm gì? Thà nhớ một kinh nghiệm thường thức "*được mùa lúa tía mùa cau, được mùa cau đau mùa lúa*" hay bài học hữ Hán, hay công thức toán chớ sao lại nhớ những câu đại khái như:

*Trèo lên cây bưởi hái hoa*
*Bước xuống vườn cà hái nụ tầm xuân*
*Nụ tầm xuân nở ra xanh biếc*
*Em đã có chồng anh tiếc lắm thay*

Không những vớ vẩn mà còn vô lý. *Anh tiếc lắm thay* thì ăn nhập gì

đến hoa bưởi, hoa cà? Nhà thơ mới Thanh Tâm Tuyền, rất mới, đã có lần đặt câu hỏi đó trong một bài báo nổi tiếng!

Người dân tầm thường nhớ câu hát ví lời nói đẹp, diễn tả tâm trạng nhớ nhung, tiếc nuối. *Trèo lên, bước xuống...* những cử chỉ bâng quơ của kẻ lạc mất người yêu: không có em, vũ trụ trở thành trống trải, phi lý và mọi cử chỉ của anh đều trở thành vô nghĩa; chút hương hoa bưởi, âm thầm như nỗi nhớ, khuya khoắt như trăn trở ăn năn, màu hoa cà tím nhạt bâng khuâng đi tìm mùa xuân qua nụ tầm xuân... Cả không gian thiết tha dồn lại ở vần *xanh biếc, tiếc lắm thay* như lấp một khoảng trống; câu trước không vần, nhịp điệu được thay thế bằng hình ảnh, luyến láy *nụ tầm xuân... nụ tầm xuân* trả lại lời gọi vô vọng vì không còn đối tượng. Vần *tiếc* làm trung tâm của đoạn ca dao: tất cả hình ảnh, âm thanh đồng quy về niềm tiếc nuối, trái tim gọi về mọi huyết cầu. Giữ vần lại mà thay nghĩa đi: *Em đã có chồng nhiều việc lắm thay* thì toàn bộ bài ca dao sẽ trở nên vô nghĩa, vô duyên.

b. *Ngược lại, người ta cũng nhớ một câu thơ vô ý nghĩa*. Trong truyện *Lục Vân Tiên:*

*Kim Liên ơi hỡi Kim Liên*
*Đẩy xe cho chị qua miền Hà Khê*

Câu này nhiều người nhớ vì dư vang của từ ngữ, chứ Kim Liên là ai, Hà Khê ở đâu, người ta không cần biết, mà có biết cũng không ích lợi gì. Trái lại:

*Trai thời trung hiếu làm đầu*
*Gái thời tiết hạnh làm câu trau mình*

là một câu xoàng, nhưng tóm lược được nội dung luân lý của tác phẩm và tư tưởng Nguyễn Đình Chiểu. Chỉ còn nhớ một câu ấy thôi là đủ. .

Mấy câu mở đầu truyện Kiều cũng vậy, kiến trúc ngôn ngữ tầm thường:

*Trăm năm trong cõi người ta*
*Chữ tài chữ mệnh khéo là ghét nhau*
*Trải qua một cuộc bể dâu*
*Những điều trông thấy mà đau đớn lòng*

Phan Ngọc, trong cuốn *"tiêu biểu phong cách Nguyễn Du trong truyện Kiều"* (NXB Khoa Học Xã Hội - Hà Nội 1985) đã chứng minh bốn câu thơ tầm thường trên đây phản ánh thuyết *"Tài mệnh tương đố"* - chủ đề của truyện Kiều - *là một lý thuyết độc đáo mà Nguyễn Du tìm ra - phát xuất ở chính sự chiêm nghiệm cuộc đời trong thời Lê mạt - Nguyễn sơ, chứ không phải là một sáo ngữ tầm thường như ta vẫn tưởng.*

Cái thiên tài của người nghệ sĩ la đã nói lên tư tưởng của thời đại, nhưng qua đó Nguyễn Du biểu dương chân lý muôn đời, vì lý do ấy mà những câu Kiều trên đây đã trở thành bất tử.

C. Khi vần liên kết chặt chẽ với ý và lời: nghệ thuật âm thanh và hình ảnh cùng giao hưởng với ý nghĩa ở cao độ; sáng tác trở thành tuyệt tác; âm thanh tan loãng, phai nhòa trong ý:

*Ao thu lạnh lẽo nước trong veo*
*Một chiếc thuyền câu bé tẻo teo*
*Sóng biếc theo làn hơi gợn tý*
*Lá vàng trước gió sẽ đưa vèo*
*Tầng mây lơ lửng trời xanh ngắt*
*Ngõ trúc quanh co khách vắng teo*
*Tựa gối, ôm cần lâu chẳng được*
*Cá đâu đớp động dưới chân bèo*

Chẳng phải vì tình cờ mà Nguyễn Khuyến làm bài *Thu Điếu*. Những từ ghép mang vần eo, một số lớn đã ấp ủ những "nét thu" ở trong. Nét thu đây có thể là nỗi buồn tê tái *"Buồn gieo thu gió veo hồ"* (Huy Cận) hay cái héo hắt trong thu như: *heo may, quắt queo...* hay chỉ là phong cách, dáng dấp, tâm tư lo âu, khắc khoải của người đàn bà:

*Gà eo óc phòng loan uốn éo (Gia huấn ca)*
*Eo xèo mặt nước buổi đò đông (Tú Xương)*

Trong *veo*: là trong vô cùng, có thể nhìn thông suốt tới đáy. Teo là co rút lại.

Nét thu trong *Thu Điếu* không dừng mức độ "Ao thu lạnh lắm" mà còn được sự láy trong âm *"lạnh lẽo"*, *"tẻo teo"* phù trợ với âm *veo* và vèo, khiến cái lạnh đã biến dạng, chuyển từ thể tĩnh qua thể động: thấm qua, thông suốt đến tận đáy lòng (qua trong veo), co dãn, quắt

queo trong dạ (qua âm teo); rồi theo ngọn gió xuyên vút, tấp vào hồn (qua âm vèo).

Vần *eo* trong *Thu Điếu*, như ta vừa thấy, ngoài chức năng thẩm mỹ, còn có chức năng nghĩa ngữ, tương quan với nội dung bài thơ, chủ yếu là cảnh và tình thu. Ngoài ra, âm *eo* còn có vần và có ***tương quan đồng ngữ nghĩa*** với âm *iu:*

*Quạnh hơi thu lau lách đìu hiu*
*Người xuống ngựa, khách dừng chèo (Tỳ Bà hành)*

Ngược lại, âm *eo* có ***tương quan đối lập nghĩa ngữ*** với âm *oe*: tương quan đối lập này thể hiện dưới cùng một không gian mùa thu, trong thơ Nguyễn Khuyến, qua *Thu Điếu* và *Thu Ẩm*:

*Năm gian nhà cỏ thấp le te*
*Ngõ tối đêm sâu đóm lập lòe*
*Lưng giậu phất phơ màu khói nhạt*
*Làn ao lóng lánh bóng trăng loe*
*Da trời ai nhuộm mà xanh ngắt?*
*Mắt lão không vầy (1) cũng đỏ hoe*
*Rượu tiếng rằng hay, hay chả mấy*
*Độ dăm ba chén đã say nhè*

Trên bình diện ngữ nghĩa, *eo* diễn tả ý niệm nhỏ lại, đóng lại, *khép* lại: eo hẹp, eo biển, quắt queo, hắt heo:

*Đứng trẻo trông theo cảnh hắt heo*
*Đường đi thiên thẹo quán chèo leo*
*Lợp liếu, mái cỏ tranh xơ xác*
*Xỏ kẻ, kèo tre đốt khẳng kheo*
*Ba trạc cây xanh hình uốn éo*
*Một dòng nước biếc, cỏ leo teo*
*(Hồ Xuân Hương)*

Trong *Thu Điếu*, âm *eo* còn đi đôi với thái độ *khép, đóng lại*, rầu rĩ của anh chàng "*tựa gối ôm cần*" mà chẳng câu được gì cả.

Âm *oe* ngược lại, diễn tả ý niệm *mở ra*: từ chỗ hẹp ra chỗ rộng: toe (nở ra), toe toét; tóe (tóe khói), tỏe (đầu nhọn tỏe ra), loe (quần ống loe), tòe loe, lòe (khuyếch đại các điều tốt), lóe ra, lòe loẹt v.v...

*Xanh om cổ thụ tròn xoe tán (Hồ Xuân Hương)*
*Vắng vẳng tai nghe tiếng chích chòe (Nguyễn Khuyến)*

Trong *Thu Ẩm*, các âm oe: *đóm lập lòe, bóng trăng loe, đỏ hoe* gieo ấn tượng *mở ra, bung ra* đi đôi với thái độ loạng choạng, khật khùng, buông thả, mặc kệ đời của anh chàng say bét:

*Rượu tiếng rằng hay, hay chả mấy*
*Độ dăm ba chén đã say nhè*

Do đó, vần, ngoài chức năng thẩm mỹ, chức năng tiết điệu, còn có chức năng ngữ nghĩa trong thơ.

Từ đó rút ra sự khác biệt sâu xa giữa văn vần và thơ: chỉ khi nào *vần đáp ứng được ít nhất một trong hai chức năng: thẩm mỹ hoặc ngữ nghĩa, mới có thơ.* Khi cả ba chức năng: tiết điệu, thẩm mỹ và ngữ nghĩa đều hội tụ, chúng ta được hưởng những dòng tuyệt bút:

*Long lanh đáy nước in trời*
*Thành xây khói biếc, non phơi bóng vàng (Kiều)*
*Bốn dây như khóc như than*
*Khiến người ngồi đó cũng tan nát lòng (Kiều)*

Tóm lại, khi vần kết hợp với lời và ý, tạo bối cảnh, cho âm thanh và hình ảnh giao thoa: Thơ đã đạt tới tuyệt đỉnh mà Valéry gọi là tiếng nói phi thường (Parole extraordinaire): "*Tiếng nói phi thường ấy được nhận diện bởi tiết tấu và hòa âm liên kết một cách mật thiết và huyền diệu với ngôn ngữ đến độ âm và ý không thể tách rời nhau ra được và giao hưởng mãi mãi trong trí nhớ*".

Từ đó xuất hiện vai trò của trí nhớ, và cũng là lý do thứ nhì khiến thơ đứng vững với thời gian:

2- *Trí nhớ là cơ quan dãi lọc cái đẹp một cách thuần khiết nhất của ngôn ngữ và hình ảnh.*

3- *Thơ là thể cô đọng nhất của văn chương:*

Một thông điệp truyền đi, muốn được ghi nhận tức khắc, phải quy tụ những điều kiện: ngắn gọn và súc tích. Ví dụ khi đánh điện tín, bạn viết: "*Mẹ mất, anh về ngay*" chứ không viết: "*Mẹ bị bệnh ung thư, mất ngày hôm qua, mồng ba tháng 9 năm 1991 tại Sàigòn, đau đớn lắm. Anh*

*có thể thu xếp công việc và ngay được không? Nếu tiện mua cho em và các con...".*

Vì những lý do: Viết dài dòng tốn tiền bưu điện, và viết dài thì hai thông điệp chính "*mẹ mất*" và "*anh về ngay*" bị loãng đi, không còn sức mạnh lôi cuốn và bức thiết người chồng phải thu xếp để lập tức trở về (nếu nhất là người chết lại là mẹ vợ).

Tóm lại: thông điệp càng ngắn, càng gọn, càng súc tích bao nhiêu, càng dễ nhớ, càng dánh mạnh vào tâm lý người nghe hoặc người đọc chừng nấy.

Tác dụng của thơ trong trí nhớ, cũng có điểm tương tự như tác dụng của một lời tri hô "*gấp!*" hay thông điệp: "*mẹ mất*" v.v... Trong ngôn ngữ thông dụng hằng ngày. Tuy nhiên, nội dung những lời tri hô hay bức điện tín, vì không có tính cách nghệ thuật, nên chỉ ngự trị trong trí nhớ một thời gian rồi tắt.

So sánh gần hơn: Thơ là cái gì xa xôi nhất đối với một công thức toán học, nhưng người ta cũng nhớ thơ như nhớ một công thức toán học, nghĩa là nhớ toàn thể, không thêm, không bớt, không đổi thay ngôi vị bất cứ chỗ nào. Chức năng của thơ trong văn chương cũng giống như chức năng của định đề, biểu thức trong toán học: *Thơ là thể cô đọng nhất của văn chương*. Nói theo ngôn ngữ Jakobson: thi ca là một ngón đề nhắm vào biểu thức (un énoncé visant l'expression). Do đó, chúng ta có thể coi thơ như một sự *kết tinh trong cách biểu đạt tư tưởng bằng ngôn từ*. Nói cách khác: văn là cách diễn đạt tư tưởng bình thường (đôi khi dài dòng). Thơ là sự gạn lọc, đúc kết, là phần cô đọng nhất, trong cách diễn dạt tư tưởng và truyền cảm bằng ngôn ngữ. Từ đó, chúng ta có thể chọn cho thơ một hình ảnh rất "nên thơ": Thi ca cũng giống như người đàn bà trong thơ Brassens, người ta ao ước mang đi, trọn vẹn, khuất lấp, nơi xa khơi nào đó:

*Tout est bon chez elle, y a rien à jeter*
*Sur l'Ile désert, il faut tout emporter*
*(Của nàng ngon, không chỗ nào vứt bỏ*
*Trên đảo hoang, tất cả ta mang theo)*

*

Khi viết "*nhà thơ coi chữ như đồ vật chứ không coi như những dấu hiệu*" (le poéte considére les mots comme choses et non comme signes), Sartre đã đối lập hai lãnh vực thơ và văn: chữ trong văn xuôi là những dấu hiệu để chỉ định, diễn tả. Chữ trong thơ là "đồ vật" (chose) tức là một *thể* hoàn tất. Từ đó suy ra: *chức năng, ngữ học của văn xuôi là định danh và biểu đạt, chức năng ngữ học của thơ là khơi gợi trí tưởng tượng.*

Về phong cách, nhà văn dùng ngôn ngữ để giải thích, kể lể... Nhà thơ để ngôn ngữ tiếp xúc trực tiếp với chúng ta, cũng giống như họa sĩ để tranh "nói chuyện" với người xem, nhạc sĩ để âm giai "đi vào" thính giả; cũng như miếng đá ong xù xì trên kia đã quyến rũ ta, có thể vì nó gợi lại trong ta một dĩ vãng xa xôi nào đó, tiếng võng cót két của chị Thắm ru con bên giếng nước *nhà đôi* (2) dựng trên "*đất đá ong khô nhiều ngấn lệ*" (3)...

Cho nên, thơ hiện ra dưới một *thể* hoàn bị, khác biệt với văn và rất gần với những ngành nghệ thuật tạo âm và tạo hình khác như âm nhạc, hội họa, điêu khắc, điện ảnh, kịch nghệ v.v...

Về mặt cấu trúc, *văn lấy ý nghĩa làm biểu tượng, thơ gợi trí tưởng tượng bằng hình ảnh* (hay dùng hình ảnh làm biểu tượng, cho nên *hình ảnh trong thơ còn gọi là hình tượng*).

Nói rằng: thi nhân tạo linh hồn cho vạn vật (hay nhân cách hóa vạn vật) có nghĩa là trên phương diện ngữ học, nhà thơ đã làm một phép tu từ để tạo hình: *Em tự ngàn xưa chuyển bước về*

*Thuyền trao sóng mất dần trăng đi*
*Những dòng chữ lạ buồn không nói*
*Nét lửa bay dài giấc ngủ mê (Đinh Hùng)* □

(còn tiếp)

---

(1) Vậy: tiếng cổ ngữ là vầy vò, giụi, sờ, mó

(2) Nhà đôi: truyện ngắn của Quang Dũng

(3) "*Đất đá ong khô nhiều ngấn lệ*": thơ Quang Dũng

*KHẾ-IÊM*

## TỪ BIỆT

★

*Có dòng sông*
*Ngủ mãi*
*Trong hầm mộ*

*Có biển rộng*
*Tắt*
*Nơi khe sâu*
*Con sư tử*
*Nằm vuốt*
*Sắc*
*Gió*
*Để ngày xanh rơi vào miệng vực*

*Một cành non*
*Mọc*
*Giữa rừng độc*
*Ta tàn hơi...*

## TIN BÁO

*

*Những người đưa ta từ bao đời trước đến*
*Những người chôn ta từ bao đời sau về*
*Âm binh...*
*Cơn gió nào thổi tan lời nguyện*
*Con sói về ăn những mảnh trăng*
*Bên cõi người một hồn nắng tuyệt*
*Có tiếng cười ở giữa lòng xăng*

*Tin báo rằng mặt trời đã tận*
*Trái đất là một thoáng lửa trôi*
*Một mùi hương của trần gian hóa*
*Đã cuốn theo một lũ ma rồi.*

HỒ ĐÌNH NGHIÊM

# ngôi sao xấu

*

Buổi chiều đã thật sự bỏ đi. Nó bàn giao lại cho bóng đêm những ngọn đèn lần lượt thắp sáng. Những ngọn đèn vàng bừng lên bên trong mấy vuông cửa. Những ngọn đèn tái xanh hiện mọc lưng chừng giữa khoảng không, nơi chạy dài một con đường dẫn tới cây cầu thoát ra ngoại ô. Ở đó, dẫn về chập choạng những bóng người đen đủi hối hả gò lưng trên xe đạp trông như một đàn dơi bị động ổ.

Tôi bỏ chỗ ngồi bắt đầu có nhiều muỗi. Tôi đi bộ xuôi theo con dốc, xây lưng với dòng sông cùng những mùi rác rưởi theo gió cuốn thổi ngang. Buổi chạng vạng xây xẩm chóng mặt, có lời ru con của bà mẹ nào yếu hơi đuổi theo sau lưng nghe thật ray rứt. Tôi nhớ Diệp đến muốn khóc... "*Ví dầu cầu ván đóng đinh, cầu tre lắt lẻo gập ghềnh khó đi*". Người đàn bà ru con kia cũng là một con đơi cái. Chỉ khuấy động khi đêm xuống, chỉ vỗ về trong bóng tối và ban ngày thì chẳng nghe ra tăm hơi. Hai mắt tôi cộm sưng. Ngủ lì bì cả mấy giờ đồng hồ giữa thanh thiên bạch nhật với tiếng khóc ằng ặc của đứa nhỏ khuất mặt ở đâu đó vọng tới như một thứ kinh cầu úp chụp xuống người, làm mình mê thiếp trong giấc nặng nề. Tôi gọi thầm tên Dung, Dung hai ba lần trên môi khô...

– Tối có về ngủ không để tao đợi cửa?

– Chưa biết. Mà chắc là về ngủ đây chứ đi đâu?

– Nếu về thì đừng có khuya quá để tao còn biết đường mà mò.

Bà chị trao cho tôi ít đồng dẫn bọc. Những tờ giấy cáu bẩn, nhàu nát và hôi hám. Tôi nhìn những nếp nhăn trên gương mặt người đàn bà tuổi đã ngoài bốn mươi. Đầu óc tôi lớn vớn một dấu hỏi về tất cả những giá trị.

– Biết rồi.

– Có hẹn với con Dung sao? Tôi dộng cả cái đầu vô lu nước tanh.

Kiếm cho ra một đồng tiền, đó không phải là điều dễ. Hôm nay sao chẳng nghe bà ấy nói câu đó? Tôi mở mắt nhìn những con loăng quăng vùng vẳng hoảng sợ dưới đáy lu. Mắt tôi cay và tai tôi lùng bùng.

– Mau tránh ra cho tao rửa chân. Làm cái gì kỳ cục thế?

– Tôi có gánh cho chị hai thùng nước giếng để trong bếp.

– Sao không ngủ lại ở nhà con Dung một đêm coi thử có được không?

– Chị dừng nói tầm bậy.

– Là sự thật. Tao không có dụng ý gì khác. Để biết là bây giờ khó mà tá túc lại bất kỳ nhà một ai...

– Tôi hiểu ý chị rồi.

Tôi để đầu tóc ướt như vậy ra ngồi ở những bậc cấp sứt lở trước mặt nhà hồi lâu. Dung nói tối nay nhé. Tóc tôi khô và tôi đợi buổi chiều chết hẳn mới bước dần vào thành phố. *Cầu tre lắt lẻo gập gềnh khó đi*. Tôi không hiểu hết ý của những câu hát ru con kiểu đó. Và tôi cũng không hiểu được việc gì mà mấy bà mẹ phải nhọc lòng nói cho con dại nghe những điều rối rắm nọ. Bú đi sữa mẹ ngọt. Ăn đi cơm mẹ ngon... Như thế nghe có phải sướng cái lỗ tai hơn không? Dung, tôi đang đi tới gần Dung trên một cái cầu tre lắt lẻo dài ngoằng đây. Tôi tránh những kẻ đi xe đạp vùn vụt xẹt ngang như đang cưỡi xe gắn máy. Tôi né mấy bà gồng gánh đồ đoàn đi chiếm lối nhún nhảy ngang qua như biết môn khinh công. Tôi tránh những chai lít đựng xăng dựng bán khơi khơi ngoài lề đường. Tôi lòn lách qua mấy tủ bán thuốc lá mọc không thứ tự giữa lối đi. Những cục đá lớn lăn lóc. Những ổ gà ám tối khô có, nước có, đọng vũng bùn lầy... Chắc tôi là kẻ không bao giờ biết tới mộng du, bởi tôi sẽ chết ngay phút đầu nếu đêm hôm nhắm mắt vùng ra khỏi giường đi lơ ngơ một mình trong thành phố này.

– Dù má mày... Ê, ê đứng lại...

– Chuyện gì vậy?

– Nó giựt nguyên cả bao thuốc lá. Khốn nạn thật. Có nhớ mặt nó không?

– Không.

– Đồ chó dẻ. Cho mày hút đến ho sặc máu luôn.

– Còn chửi gì nữa? Lần sau thì nhớ xé rộng miệng để lấy từng điếu cho mau.

Tôi dừng lại bên tủ thuốc của ông vừa làm quân sư mua ba điếu thuốc đen. Cây đèn dầu thấp đỏ một hột lửa đứng yên trông như đồ giả.

– Mấy giờ rồi? Tôi hỏi.

Hấn thu tay lui sau một hồi rồi đảo mắt thật nhanh.

– Tám. Chắc là đúng.

Tôi cười. Mà hấn cũng nhăn răng ra.

– Có nhiều khi nó chạy ăn gian lắm. Ô-tô-ma-lắc mà. Có ít khi thì dậm chân tại chỗ.

Tôi thấy đói bụng khi hút vào người vài hơi khói. Cỡ này cũng phải tám giờ rưỡi là tệ lắm. Chắc Dung đã có mặt trước để chờ đợi. Quán cà phê Biển Vắng. Chẳng hiểu sao bỗng dưng dâm kiểu cách thế. Lời lớn một chuyến hàng và ăn mừng hay sao?

Quán có giấy phép được mở nhạc hòa tấu nên luôn đông. Phải ở giai đoạn này mới thấy hết giá trị của âm nhạc. Mới thấy những bài bản trước đây nghe chẳng ra gì bỗng trở nên "thăng hoa" tức thì. Là những cơn mưa rào xuống một vùng đất khô. Tôi không có chút lãng mạn nào như Dung. Tôi thích những quán thật vắng lặng, nằm lộ thiên ở một khoảng vườn càng tốt. Chúng ta nhìn sâu vào mắt nhau, dưới mênh mông trời đêm hạn hán hơn là mỗi đứa đều bị phân tâm bởi ngàn cơn sóng kỷ niệm đánh dạt về theo dàn guitar búng réo rắt những bóng mây ngày cũ, theo tiếng kèn đồng ai oán thổi lên buốt đâm da thịt.

Dung ngồi ở bàn sát vách, trên treo một bức tranh màu lạnh mà ánh sáng vây quanh chỗ ngồi không cho nhìn thấy rõ những đường nét. Có thể vì màu áo đỏ của Dung đã khỏa lấp tất cả. Nó đẩy mạnh sắc độ ấy ra khiến mắt nhìn phải chịu tập trung.

Tôi kéo ghế đối diện. Dung như vừa thoát ra một cơn mơ chưa đi tới đích. Dĩ nhiên là mơ đẹp. Mặt Dung còn ngơ ngác hối tiếc một điều gì xa vời. Hai tay Dung đều để trên bàn. Màu da ăn nắng với những

ngón trông mạnh khỏe. Đôi bàn tay di hái tiền suốt ba miền thống nhất. Mặt bàn trống không.

– Chờ anh đúng hai bản.*

– Chưa gọi gì sao?

– Nhủ lòng sẽ gọi khi hết bản nhạc thứ ba.

Tôi chưa ngồi xuống ghế. Tôi nhìn Dung, nhìn những mái đầu, nhìn những cụm khói không biết sẽ loãng tan ở đâu, bay dật dờ.

– Ngồi xuống đi. Ở đây mình dễ nói chuyện hơn mấy quán khác.

Dung như đọc được lời rủ rê còn nằm trong đầu tôi.

– Uống cà phê đen nghe.

– Hôm nay là ngày gì vậy?

– Là ngày vui cuối cùng... Có một bà bán cháo cá rất ngon, nhưng để khuya một tị rồi hẵng đi ăn.

– Ngày mai lên xe hoa sao?

– Cũng gần được xem như thế. – Chúc hạnh phúc.

Dung nhìn vào mặt tôi bằng ánh mắt của Diệp. Đó là sự trao gửi nhiều điều của một người tình này dành cho một người yêu khác. Dung sờ lấy tay tôi, chậm chạp bò những ngón lên và sau cùng bóp vào thật chặt. Tay tôi đổ mồ hôi ra, nó tiếp xúc với mặt bàn và xúc giác cho tôi biết đó là một mặt gỗ rít rát cả đường. Tay Dung mát, mềm mại và có thể đêm mai đây sự cảm nhận bồi hồi này sẽ hết còn đến với tôi.

– Dung không nhận lời chúc ấy đâu.

– Vì sao vậy? Cả hai đều không thật lòng. Có phải vậy không?

Dung thôi nắm tay tôi. Tôi có ý tưởng lạ lùng mình là một đứa bé sơ ý để cho quả bóng đỏ bay vút lên trời cao. Sợi dây nhỏ bé biến mất giữa thiên thanh, chỉ còn trông ra một chấm màu đỏ nhỏ lần, xa dần.

Dung ngẩng đầu nói với một cô bé chạy bàn vừa tới.

– Hai cà phê đá.

Một cái gật đầu đáp lời. Một cái giẻ ướt át vắt xuống bàn, cô bé để tay lên khom mình xoa qua lại những vòng cung. Bàn tay nhỏ nhắn ấy như một cái gạt nước gắn trên mặt kính xe hơi. Tôi nhìn chăm chú,

thấy mưa đổ mù mịt trước đường và bàn tay vẫy của Diệp thò ra từ chiếc xe đò chạy hục hặc rời bến. Lần đó Diệp giấu ruột tượng đựng thuốc Tây đeo ở bụng, Dung thì bột ngọt và lỉnh kỉnh những thứ hiếm quý khác. Những vòng tay ôm vội vàng dưới mái hiên nhỏ nước se lạnh. Hẹn hò một khoảng thời gian sẽ quay lại bến gặp gỡ và những lời chúc tốt lành mong cho chuyến đi buôn thành công. Chuyến đi thành công thật sự như lời ao ước của tôi. Có điều đó là bước đi dặm dài mà không hề trở lại với đôi hia dối gạt. Dung câm lặng cả tuần lễ để sau chót loan tin: Nó thoát rồi! Đó là lần đầu tiên tôi biết tới chữ Bi-đông. Bi-đông không là tên gọi một địa danh, nó hàm chứa ý nghĩa dứt bỏ đoạn tình đối với kẻ này, tiếp cận thiên đường đầy cám dỗ đối với kẻ khác.

Tôi ngồi vòng tay chờ đợi mặt bàn khô ráo. Chờ Dung sẽ loan đi một cái tin mới. Có lẽ tôi đã qua khỏi những cơn đau tim. Tháng ngày này tôi nghe ra lòng mình có những khi trống lạnh đến dửng dưng. Tôi từng mở trừng con mắt nhìn người ta cầm con dao đâm sâu, ngoáy vào cổ họng thọc huyết con chó đói. Con vật vùng vẫy một cách quái đản cho đến khi tàn hơi giữa tiếng cười man dại của bọn thú hai chân đứng vây quanh. Và thay vì lợm giọng tôi lại đẻ sinh ra được một động từ nuốt nước miếng. Cũng đừng lấy làm lạ. Bà chị tôi vẫn hay kể chuyện giữa mâm cơm "cần kiệm" mà khi cúi đầu ăn tôi vẫn luôn nhai thêm những mặc cảm uất nghẹn. "Mi đừng có tơ tưởng, thời này họ ăn rau rác tới dộ cây mọc lá còn không kịp nữa đó". Tôi biết, tôi biết rồi. Sao chị không nói thêm là thằng gì đó đi ăn nấm mọc hoang phải sùi bọt mép, hai con mắt trợn trừng trắng dã. Tôi chửi thề trong đầu. Đụ má cái thằng cà chớn kia không chịu trăn trối lại thứ thuốc tiên đó mọc bí mật ở đâu cho bà con nhờ. Tôi sẽ vất chị ở lại một mình giữa đời sống côi cút này và sẽ dõi trông phù hộ tới chị bằng hai con mắt trợn lên trắng dã. Chị đừng vuốt mắt tôi làm gì. Đừng bù lu bù loa náo động phường khóm, sao mà oan khiên xảy tới dồn dập trong gia đình này thế hở trời? Vô ích hết thảy. Có ai kêu thấu trời đâu? Hãy yên lặng mà trốn đi ăn nhờ ở đậu tới đất nước người ta thì họa may còn thấy một khoảng trời xanh hy vọng. Diệp, hơn một năm rồi em có chứng giám giùm là điều đó đúng hay sai?

– Bản này hay quá.

– Cái gì?

– Hình như người yêu ông ta chết và ông sáng tác bài này ngoài biển.

– Thật à?

– Nhớ không lầm là người đàn ông tội nghiệp đó cố thử vẽ lại chân dung người xấu số trên mặt cát. Ông ta làm công việc kia như một con dã tràng trước sóng biển. Ông chỉ hơn con dã tràng có một điểm là biết gào tên người yêu thật to. Và ông khóc.

– Cũng chẳng hơn gì cả ở cái lối biểu lộ thứ hành động tuyệt vọng kia.

– Có còn hơn không chứ. Như bị dồn ép tới chân tường buộc mình phải hét lên cho thoát ra chút đớn đau.

Tôi nhìn Dung thăm dò. Có lẽ Dung ngầm thắc mắc về cuộc tình giữa tôi và Diệp. Diệp bỏ đi, xem như một người đã qua bên kia thế giới. Tôi ở lại và tôi không ra biển để gào thét lên. Tôi thích sự yên lặng khi chịu đựng một đổ vỡ biết là vô phương cứu chữa. Và thích ngậm câm, không tranh cãi trước một chuyện nghĩ đã muộn rồi. Tôi nghĩ, Dung vô tâm. Hoặc Dung chưa một lần hiểu tôi. Sau cùng thì Dung nói:

– Cũng có thể hình ảnh đó dễ làm mình xúc động bởi vì nó chỉ xảy ra riêng cho một cá nhân. Ở bờ biển này, thử tưởng tượng ai cũng để xổ ra kiện tụng kêu gào nỗi khổ trước thiên nhiên thì coi kỳ cục hết sức.

Tôi giấu ý nghĩ tất cả chỉ là một bọn người khốn khó, một lũ điên. Tôi làm thinh, đưa mắt định thần để trông ra toàn bộ nét vẽ của bức tranh treo trên đầu Dung. Đó là tấm lưới cá giăng ngang án che tầm nhìn một mặt biển mênh mông rộng. Vài con cá khô phơi cứng ngắc trên lưới. Đơn giản nhưng thật gò bó khó chịu trong bố cục khiến mắt nhìn mong sao đừng có tấm lưới kia thì bức tranh sẽ khoáng khoát dễ chịu biết bao. Ông họa sĩ nào muốn "dọa" người thưởng ngoạn? Bất ý nghĩ mình phải liên tưởng tới số phận, tới sự kiềm tỏa và giới hạn của kiếp sống.

– Diệp có viết thư về cho anh không?

– Không. Chỉ độc có một bức mà Dung đã từng đọc qua.

Miệng tôi đắng. May mà ly cà phê chờ đợi đã mang đến.

– Anh có giận Diệp điều gì không?

– Tôi có rất nhiều thì giờ để nghĩ quẩn. Tôi nhớ Diệp hoài và tôi không tìm ra một lỗi lầm nào ở cô ấy. Tôi là một thằng vô dụng hết sức.

– Anh cần mấy muỗng đường?

– Một. Dung khuấy tách cà phê cho tôi rồi dội vào ly đựng nước đá. Tôi ngắm từng cử chỉ nhỏ nhặt của Dung để nghe ra những mạch máu trong người như vừa có ai chuyền vào đó một dòng suối chảy êm. Tôi muốn nắm lấy đôi bàn tay đó để áp lên môi mình. Tôi sẽ ngậm mút từng ngón thay vì nhâm nhi ly cà phê đá hơn hai ngày chưa được uống. Bà chị tôi nói, một lon gạo trắng có khi quý hơn một chục cục vàng nếu mà người ta sống chỉ để biết ăn khoai sắn trường kỳ. Bà ưa nói những điều ngược ngạo trái tai nhưng đôi khi thấy đúng cho lối so sánh tội nghiệp ấy. Suốt một đời, tôi nào có được ai ban phát cho một thái độ săn sóc như hành động của Dung vừa rồi. Một thằng bạo chúa ôm cả kho tàng sống trong cô đơn thì chắc chẳng còn gì đau khổ hơn...

– Sao anh không thử viết thư cho Diệp? Sự yên lặng cũng có khi gieo cho người khác lòng ngờ vực, một ngộ nhận.

– Không ích gì cả Dung à. Vả lại nếu có ngộ nhận, thì người ôm giữ nó phải là tôi chứ không là Diệp.

– Anh cứ sống chịu đựng như vậy hoài sao? Anh có từng ước ao một điều gì không?

Tôi nhai một cục nước đá, trệu trạo với hai chữ ao ước mà Dung hỏi. Mồm tôi nóng nên cục đá tan chảy thật vội. Tôi chợt có một ý nghĩ thú vị, vậy thì nước lạnh sẽ không dội được vào người tôi đang nóng ran một ham muốn, nó chẳng là gì cả để khiến tôi phải lay tỉnh, đúng không? Ước muốn... Tôi chưa từng biết qua hơi hám của một người đàn bà, Dung biết không? Tôi còn là một thằng con trai và tôi muốn ngủ thử một đêm với Dung...

– Một số tiền hay một dự tính đi gặp lại Diệp chẳng hạn?

Dung gợi ý để rồi chăm mắt ngó tôi. Phải chi tia nhìn đó có thể xuyên thủng vào đầu tôi u ám? Hai chân tôi mỏi. Mồ hôi ứa ra khắp châu thân. Tôi áp ly cà phê đá lên má, ịn vào trán để thử xua đuổi hình ảnh một mặt nệm trũng xuống có thân xác trần truồng của Dung hằn dấu trên cái giường luôn chao đảo oằn oại.

– Sao bỗng nhiên mặt anh đổi sắc thế?

– Ngộp thở quá. Tôi muốn... tôi muốn... đi một vòng ở ngoài cho thoáng.

Dung chìu ý. Có vài tiếng huýt sáo tiễn chúng tôi ra khỏi quán. Dung mặc quần đen may bó lấy người, tôi biết ở mông Dung nhún nhảy vẫn còn dính cứng những tia nhìn bám theo. Tóc Dung dài, một nửa buông xõa sau lưng, một nửa vướng chảy ở ngực. Gió không có nhưng một trời đầy sao trên cao làm tôi nhẹ người.

– Mình đi đâu?

Dung hỏi. Tôi nhìn dáo dác. Con đường chạy dài một đàng về nhà người chị, hướng khác là một đầm bổ uốn lượn tận cùng bởi nhà Dung. Cắt thân nó ra ngang dọc bằng những ngõ ngách chỉ trần trụi nhà cửa và bụi cát nhựa đường. Một lối đi có hai hàng cây lưu giữ nhiều bóng tối bỗng dưng hiếm. Thật sự nó cũng có dấy nhưng muốn tới phải bằng một thứ phương tiện nào khác, nhanh lẹ hơn chân lê bước mỏi.

– Thôi được rồi, đi theo Dung. Tôi để ý Dung kẹp ở nách một vuông giấy báo xếp nhỏ. Nó trông như cái bóp dựng tiền mà trẻ con ưa xếp lấy để giả bộ đi chợ mua hàng. Có điều, là người lớn như Dung thì hẳn nhiên "cái bóp đầm" ấy phải vuông vức dầy cộm lên theo cho đúng với tỷ lệ thuận. Tôi mong sao Dung dắt tôi đi qua một cánh cửa vô hình, tới một nơi mà mọi người ở đó có lối mua bán đổi chác rất dễ tính và tùy tiện. Một miếng gạch bể từ mái ngói được gọi là thịt, hai ba chiếc lá dâm bụt ngắt ngoài hàng rào gọi là rau. Vắm chặt nó cho nhuyễn, cho nhờn nhớt ra gọi là tương. Một trăm chưa mua nổi một hòn sỏi thì cứ lấy viết thêm một số không trên mảnh giấy lộn gọi là tờ ngàn để đem về rồi bày dặt chắc lưỡi: Xí, thời buổi chi mà gạo châu của quế...

– Nhớ chỗ này không?

Mắt tôi đảo quanh. Tôi không nhận diện được. Góc phố này nó có gì đâu? Một đôi khi nó lạ lẫm đến sững sờ và đôi khi quen thuộc đến độ nhàm chán.

– Khi xưa có đặt gian hàng hội chợ Tết và bọn mình bỏ chạy vất lại cả dép guốc vì... đặc công đặt chất nổ.

Tôi thử mường tượng ra những điều Dung vừa nói. Chất nổ? Không, tôi chỉ nhớ là có một tối hai chị em tôi đi xi nê và khi hết phim về tới nhà lúc mười một giờ rưỡi thì cái mái ấm ấy đã bị ăn nguyên một trái hỏa tiễn từ núi pháo kích xuống. Tôi không chứng kiến được phút giây đó nhưng mãi tới giờ này mỗi khi nhớ tới những khuôn mặt thân yêu, tai tôi nghe lùng bùng vang vọng một tiếng kêu gì đó thật dữ dội. Nó gây chấn thương, nó xé toạc ở trong tôi những thù hằn không lối thoát. Dung biết không? Nhưng đồng thời, với tôi giờ này, ngày cũ nó như đã ở hẳn bên kia một bức tường dày đặc bóng đen. Năm khi mười họa phát hiện một lỗ thủng trên tường và tình cờ ghé mắt vào, nhìn ra ánh sáng.

Tôi chỉ tay:

– Cái ghế đá dàng kia hình như có lần Dung và Diệp ngồi bên nhau để cho tôi chụp ảnh?

– Ừ. Đúng rồi. Trí nhớ anh cũng không đến nỗi tệ. Tụi mình đi chậm ngang đây để tưởng tượng như có hình bóng Diệp lẩn khuất quanh đây.

– Dung nói làm gây cho tôi cái ý nghĩ rằng Diệp đã chết.

Tôi ôm lấy vai Dung, như chứng minh thêm lòng sợ hãi về một hồn ma. Vai Dung tròn, ấm và tay tôi đón nhận một nỗi dịu dàng mê hoặc.

– Đã lâu không có tin. Chẳng biết nó ra sao rồi?

– Tôi tin là Diệp bắt đầu làm lại một con người mới.

– Là sao?

– Là cứng rắn như Diệp thì chóng thích nghi với hoàn cảnh. Làm ra tiền, lập gia đình và tẩy xóa đi mau những ngày nhọc nhằn cũ. Mà tại sao chúng ta lại phải quan tâm tới một kẻ thứ ba đang ở trên cao?

Dung hãy nhìn ngang hoặc cúi đầu ngó xuống. Ngang là tôi đang đi đây, mà xuống cũng là tôi...

Tôi kéo tay Dung ngồi xuống một băng ghế. Đêm chưa đi sâu nhưng mặt xi măng đã vội ẩm ướt. Cát luồn vô dép phủ ngập những ngón làm nhột. Dung để gói giấy báo dưới mông, không hẳn vì sợ dơ quần. Nàng nắm tay tôi vụng về rờ rẫm những ngón như một đứa trẻ không thiết tha với món đồ chơi có trong tay.

– Ngày mai Dung sẽ không còn có mặt ở đây. Cách trốn chạy của Diệp là một việc làm không nên có. Vì vậy Dung muốn gặp anh lần cuối.

Những ngón tay rời rã, không phản ứng trong cuống quít mười ngón của Dung. Đó là chân cẳng của hai con đã tràng khi đã ý thức được việc chúng nó hằng làm là vô bổ.

Tôi muốn hỏi Dung một vài câu nhưng không biết sắp đặt thứ tự. Cũng chẳng ích gì, Dung đã lựa chọn và sắp đặt sẵn những lớp lang. Ý nghĩ chiếm đoạt Dung vì thế cứ mãi lởn vởn, mỗi lúc một gia tăng. Thấy bần tiện, đốn mạt và khó tha thứ như một thằng vô sản bòn được đồng nào hay đồng nấy trước một kho báu sắp đến hồi cạn đi, biến mất. Tôi quay mặt qua Dung để ghì hôn nàng vội vã. Tôi không biết môi hôn đó nó thơm ngọt ra làm sao, nó mềm mại đê mê như thế nào. Đầu óc tôi tự động tối sầm hẳn lại. Dung vùng vẫy đẩy xô tôi ra. Dung vòng tay trước ngực, một hàng nước mắt chảy xuống, nhìn thấy trước khi mái tóc rũ che mà nàng cúi đầu thổn thức.

Tôi bứt rứt châm lửa một điếu thuốc và tôi nói nhẹ trong hơi khói:

– Xin lỗi.

– Dung sẽ đi gặp lại Diệp. Người ta cho Dung một chỗ ngồi với điều kiện duy nhất là...

Tôi ém hết những hơi khói đầy trong lồng ngực. Đầu điếu thuốc cứ thế sáng rực ra từng chặp như một ngọn hải đăng mọc lên mù mờ ở một cồn biển xa xăm. Nó sẽ chóng tàn, nó sẽ tắt lịm và người ta sẽ lạc mất không tìm ra phương hướng.

– Trong cuộc chơi, Dung không thích mình là kẻ ăn gian. Dung sẽ

mang trả lại món hàng này về cho họ và giữ gìn để không bị chợt vẹt trầy trụa. Anh hiểu không? Dung không thể làm khác hơn được. Dung không còn là của Dung...

Tôi thật sự không hiểu. Tôi bất lực ngồi nhìn những giọt lệ của Dung chảy xuống. Tôi ngó sững đường bay của mẩu thuốc cụt vừa ném hằn học, nó rớt trên một bãi cỏ để nghi ngút cháy những đợt khói cuối cùng.

– Gói giấy này như một món quà sau chót, thế chân Dung để ở lại cùng anh. Giữ gìn sức khỏe nhé, và đừng có...

Dung ngập ngừng nói không hết câu. Tay run lên khi trao cái "bóp đầm" cho tôi. Gói giấy còn nóng bởi da thịt Dung truyền nhiệt qua. Dung hôn một bên má tôi và rồi đi như chạy ra khỏi công viên cắn cỗi những cây non mới trồng. Tôi đuổi theo nhưng đôi dép bị đứt quai làm cản trở. Đến khi đứng dưới vũng sáng ngọn đèn đường, đã không còn nhìn ra Dung. Những chiếc xe đạp vùng vằng chạy mỗi lúc một xa, có thể màu áo đỏ bị nhận chìm trong vũng tối, chiếc xe ôm quờ quạng kia chắc chở Dung khuất sau một ngã rẽ xa vời. Tôi ngó chăm vào gói giấy, thấy cánh tay khẳng khiu mình bệnh hoạn một màu da. Tôi bị bệnh hay ngọn đèn trên cao đổ đau? Tôi hoài nghi với một cơ thể đã chẳng còn muốn di chuyển. Còn ít đồng, tôi vẫy một chiếc xe ôm. Đêm nồng mùi muối mặn, những đứa trẻ đi thu hoạch giấy vụn và bao ny lông cầm dùi lẻ sắp hàng đi ngang như sắp sửa dàn trận tựa trong phim "Trận giặc nút áo" tôi xem hồi còn nhỏ. Chúng nó chửi thề vang rân làm mất đi sự thơ mộng mà tôi vừa hồi tưởng, đồng thời người ngợm chúng nó thúi hoắc làm mình ngửi thấy phải bàng hoàng.

Tôi biểu ông già đang thở hào hển kia dừng lại. Chị tôi sẽ ngạc nhiên vô ngần nếu thấy tôi từ trên xe ôm bước xuống. Và dĩ nhiên là bà sẽ chửi cho nát óc, ăn không xem nồi ngồi không xem hướng. Tôi biết bà chưa ngủ đâu, những hôm đi về khuya khoắt vẫn còn nghe tiếng bà lục đục lui cui làm gì ở sau bếp. Những người đàn bà, hình như trời sinh họ ra để phải loay hoay làm lụng những việc tẩn mẩn. Có lúc họ nhỏ mọn day nghiến nhiều lời. Có khi họ im tiếng chịu đựng những niềm

đau tưởng như chẳng còn gì để so sánh. Nhơ nhuốc cũng là đàn bà. Mà vĩ đại, vô vàn kính yêu cũng chính thảy là họ. Tôi đã trót không còn một người mẹ để thờ kính. Tôi đã vụng về chẳng thể thốt lên cho Dung một lời chúc, dẫu thừa thãi và nàng luôn từ chối. Tôi bước lên những bậc thềm, tôi nhắm mắt. Mẹ ơi, xin hãy phù hộ cho Dung, người bạn gái của con được ra đi trời yên biển lặng, đến được một chỗ mà Dung muốn đến.

Tôi gõ cửa. Tôi biết chị tôi chưa ngủ. Chị sẽ hỏi mày đi gặp con Dung rồi sao nữa? Có biết tin chi về con Diệp không? Cái con chi mà bủn xỉn tuyệt tình, ừ như người khác thì tươi lắm cũng gửi về cho mi một chút quà mọn gọi là... Tôi đập mạnh tay lên tấm gỗ. Thế nào chị cũng hỏi mi ăn chi chưa và không đợi trả lời, bà sẽ tới bàn đưa tay dở chiếc lồng bàn ra. Thường thì một khúc cá nục kho khô với thơm, ớt trái. Một dĩa rau muống luộc. Một nồi cơm vơi hơn phân nửa, đen đúa những lát khoai nằm lởm chởm bên trên. Tôi thấy đói bụng, thoáng tiếc về hàng cháo cá không ăn được cùng với Dung. Có tiếng động bên trong nhà, chuỗi âm thanh nghe có vẻ gấp gáp lạ tai. Cánh cửa vụt mở thình lình và một bóng đen lao vội ra. Nó gửi ngang mũi tôi một mùi mồ hôi nồng độ chua, dụng vào cánh tay tôi một mảng lưng trần trơn láng như có thoa mỡ. Tôi đè tay lên ngực mình để trấn áp nhiều nỗi niềm hoang mang. Tôi bước vào nhà để sờ soạng cái công tắc đèn vốn bắt ở một chỗ quen thuộc. Ngọn đèn 40 watts sáng lòa với tốc độ đau mắt.

– Dừng. Tắt đèn đi... tắt đi. Có nghe tao nói không? Tắt đèn rồi đóng kín cửa lại.

Tôi nghe lời người chị, nhưng chỉ một nửa. Không việc gì phải tiết kiệm điện trong lúc này cả. Sợ trộm cướp nó vào nhà thì có lý hơn. Tôi đưa chân đá mạnh cánh cửa. Chiếc dép đứt quai văng bắn lên trần để rồi lăn lóc trên mặt chiếu. Chiếu đã phai màu những chữ Phước chữ Thọ, đã nhạt hẳn những long lân qui phụng, nhưng chính vì vậy nó làm nổi hẳn cái thân thể co quắp của chị tôi. Chị cào cấu cái mùng nhà binh cột rũ ở phía dưới chân lên để mong che đậy hết những da thịt lộ liễu.

– Đồ mất dạy. Mày còn đứng đó trơ mắt ốc để nhìn chị mày à?

Chị chửi tôi. Như thế là phạm luân thường đạo lý? Tôi đau khổ không biết phải dùng chữ gì để lên án hành vi của chị. Chị là một con đĩ, có đúng không? Tôi á khẩu rồi. Tôi chết đứng rồi. Nhưng tôi vẫn muốn nhìn cho rõ con người chị.

– Mày đi đi, đừng có về căn nhà này nữa thằng khốn nạn!

Tôi thấy những đồng bạc nằm xô lệch khi người đàn bà nắm cái gối lên để ném vào mặt tôi. Một hai cái túi đựng áo mưa sáng chói kỳ lạ bởi thứ giấy bao bên ngoài. – Phải. Tôi khốn nạn hơn cả tôi tưởng. Tôi ở với chị bấy lâu mà tôi vẫn như một thằng mù. Tôi hỏi thật chị một lần như vậy bọn đàn ông nó trao tới tay chị được mấy đồng? Chị có cảm thấy sướng không?

– Mày đi hỏi con Dung thì tự khắc sẽ biết... À, mà không. Nó là con gái còn trẻ thì giá cả hẳn nhiên là khác với con mẹ già này rồi.

Tôi không dằn được nữa. Sự ngược ngạo của chị đã đến thời kỳ quá độ mất rồi.

– Đừng có điên!

Tôi ném cái gói giấy Dung cho vào mặt người chị. Tôi chẳng biết nó gói ghém những gì bên trong nhưng tôi còn sáng suốt để hiểu rằng nó không hề chứa một vật cứng nặng có thể gây thương tích cho người cùng ruột rà máu huyết với tôi. Gói giấy bắn hụt vào vách tường. Người đàn bà hét lên một tiếng và đưa tay che mặt theo phản ứng tự vệ. Những tờ giấy bạc vung vãi bay xuống đầy giường.

Lòng tôi nát tan. Tôi bỏ ra ngồi ở bậc cấp sứt mẻ nhủ thầm với lòng hãy cố giữ đừng khóc. Đêm nóng như ở một vùng đất đang có núi lửa. Tôi nhìn về con đường dẫn thoát ra quốc lộ. Mình sẽ phải đi thôi. Sẽ đi thôi dù chưa biết phải đi đâu. Tám ngọn đèn bắt trên mái nhà đằng Ủy ban Nhân dân phường Hoàn Hảo lung linh theo lá cờ một sao, và tất cả nhòe hẳn đi dưới mắt tôi. □

*THƯỜNG QUÁN*

## OPHELIA

*

*Đường dài nắng trời khắc khoải*
*Đồng mây bóng sẫm mịt mùng*
*Sóng òa đi không ngoái lại*
*Biển dựng quên rồi không trung*
*Cánh âu bay đường đỏ rói*
*Giấc ngủ đêm khuya sau cùng*
*Em đã về tới ghé lại*
*Đường dài vắng mặt nằm rưng*
*Những đồi cát mùa non dại*
*Chỗ nằm dìu trắng vào xuân*
*Lửa cỏ gối ngoài bọt sóng*
*Hơi nước tan vỡ lâm li*
*Màu da nâu đen xõa rũ*
*Ướt dầm đá sóng sánh*
*Đen huyền sự tích khép viền*
*Chân trời vỡ cổ huyễn mộng*
*Ngôi sao lửa bạc vòng cung*
*Đeo lên ngực tháng vừa lớn*
*Đừng ở mút biển chỗ rừng*
*Lá dương vàng tóe xóa lấp*
*Nắng chảy giữa những thân cây*

*Những vết cắt chỗ dổ nhựa*
*Ai từng ngã xuống trong tay*
*Kêu lên Ổ năng! Ổ năng!*
*Đã nếm nhựa mật những ngày*
*Những giờ linh hồn chín tuổi*
*rụng như trái trong mây*
*Tiếng kèn đồng vĩnh cửu*
*Đôi mắt biếc của người*
*Những khóe chân những kẽ tay*
*Ophelia Ô Liễu*
*Xanh mãi tới hôm nay*
*Quá khứ chào đời non tuổi*
*Xóa lấp biệt ly hửng đầy*
*Chén cầm lên sóng sánh nửa*
*Môi màu nâu nửa mảnh trăng*
*Con tàu trôi chìm lặn*
*Vào chỗ quên – quên bặt*
*Ophelia Ô Liễu*
*Có lẽ cuộc đời chỉ vậy*
*Trong từng mỗi chúng ta*
*Những kẻ chết để nhớ lại*
*Những khoảng rừng im vắng và*
*Chuyến đi sau cùng chuyến ấy*
*Cổ hết lên vòng tay buông*
*Sóng òa chào trái vỡ đỏ*

phụ bản Khánh Trường

KATHERINE MANSFIELD
NGUYỄN THỊ CHÂN QUỲNH dịch

# "the garden party" vịnh lưỡi liềm

*

*Katherine Mansfield (1888-1923) là một nhà văn viết truyện ngắn có kỳ tài: bút pháp truyền cảm bén nhậy, nhận xét tế nhị mà không thiếu phần sâu sắc. "Vịnh Lưỡi Liềm" vừa như một cuốn phim linh động lại vừa là một bài thơ yêu đời mặc dầu có những suy tư, thắc mắc về ý nghĩa của cuộc sống.*

I

Sớm tinh mơ. Mặt trời chưa mọc, toàn thể vịnh Lưỡi Liềm chìm đắm sau màn sương trắng xóa. Xa xa, đồi cây ẩn hiện, thấp thoáng trong sương mù, không phân biệt rõ đâu là đồi, đâu là nhà. Con đường cát đã biến mất, chỉ còn lại dẫy biệt thự, bãi thả ngựa phía bên kia, không còn những cồn cát trắng với thảm cỏ ngả màu đỏ quạch ở đằng sau, không có cái gì phân chia rõ biển và bờ. Đêm qua, sương xuống nhiều, Cỏ mọc xanh um. Những giọt sương nặng chĩu mà chưa chịu rơi, bông "toi-toi" mướt như nhung và óng ánh bạc cũng gục đầu trên cành, hàng vạn thọ và cẩm chướng đẫm sương cúi rạp mình xuống tận đất. Hoa vạn anh cũng ướt sủng, từng giọt sương tròn như giọt ngọc nằm phơi mình trên những tàu lá sen cạn. Trong đêm tối dường như biển đã nhè nhẹ giạt vào bờ, như một làn sóng bát ngát lăn tới, lăn tới -

nhưng lăn về đâu? Rất có thể nửa đêm thức ta thấy thoáng bóng một con cá lớn loáng vẩy bạc quẫy bên ngoài cửa sổ rồi biến mất...

A... a a... biển còn ngái ngủ. Từ bụi cây, tiếng suối nhỏ róc rách, nhanh mà mà êm; suối lượn bên những hòn đá nhẵn, vọt qua vùng dương xỉ rồi thoát ra ngoài; có tiếng nước rơi lộp độp trên những tàu lá rộng bản, và còn nữa - cái gì nhỉ? có cái gì chuyển động và lung lay, tiếng cành cây gẫy, thế rồi, một thứ yên lặng, dường như có người đang rình rập đâu đây.

Tới khúc ngoặt quanh vịnh Lưỡi Liềm, giữa đám đá vụn chồng chất, lởm chởm, một đàn cừu đi lao xao, tíu tít. Chúng sát nhau thành một khối len nho nhỏ, xù lông nhấp nhô, những chiếc cẳng gầy gò bước vội như e sợ cảnh u tịch, lạnh lùng. Phía sau, một con chó chăn cừu già nua, bốn chân dính đầy cát, vừa chạy vừa đánh hơi, mũi sát đất, nhưng lơ đễnh như đang bận trầm tư. Cuối cùng, đến lượt người chăn cừu hiện ra sau khung cửa. Một ông già mảnh khảnh, lưng thẳng, áo choàng còn đọng những giọt sương lấm tấm, chiếc quần nhung sẵn chặt dưới đầu gối, cái mũi da rộng vành trên quấn một dải khăn xanh. Một tay đút thắt lưng, tay kia nắm chắc cây gậy bóng vàng. Ông già đi thong dong, miệng nhè nhẹ huýt điệu sáo vừa não nùng lại vừa du dương. Con chó già nhảy cẫng lên một hai cái, rồi như xấu hổ vì mình thiếu đứng đắn, đổi dáng đi từ tốn bên chủ. Đàn cừu tiếp tục chạy lao xao, kêu be be, lại thêm tiếng những con cừu ma, từ dưới biển đáp lại"Be, be... e". Có một lúc đàn cừu dường như đứng nguyên một chỗ. Trước mặt là con đường cát nằm soãi mình ôm mấy vũng nước, cũng vẫn những bụi cây đẫm sương ấy ở hai bên đường, và cũng những chiếc hàng rào râm bóng mát ấy. Thế rồi một vật sừng sững hiện ra, một người khổng lồ đầu tóc bù xù đang dang hai tay. Đó là cây cao su to lớn mọc trước cửa nhà bà Stubbs, và khi đàn cừu đi qua, mùi hương khuynh diệp thơm ngát bay ra. Bây giờ những giọt nắng lớn đang long lanh qua màn sương. Người chăn cừu ngừng thổi sáo, lấy tay áo ướt quệt ngang chiếc mũi đỏ và chòm râu ẩm, nhíu mắt nhìn về phía biển cả. Mặt trời đang lên. Màn sương mỏng dần và bay đi rất nhanh tan biến trên cánh đồng, cuốn khỏi bụi rậm và biến đi vội vã như chạy trốn. Những làn sương uốn éo

xô đẩy nâng đỡ nhau trong khi ánh nắng bạc lan rộng dần. Chân trời xa - một màu xanh trong vắt - phản chiếu trong các vũng nước và những giọt sương bơi trên cột điện lấp lánh chiếu sáng. Mặt biển giờ nhấp nhô chói lòa mắt. Người chăn cừu móc chiếc túi rộng lấy tẩu và thuốc lá rồi bắt đầu nhồi, vun gọn những sợi thuốc vương vãi vào chiếc nỏ điếu nhỏ như cái hạt dẻ. Trông ông dường bệ, quắc thước. Trong khi ông hút, làn khói xanh bay tỏa quanh đầu giống như một vòng hoa, con chó đứng nhìn ra hình cũng hãnh diện lây.

"Be... bee...", Đàn cừu tản ra hình cánh quạt và vượt khỏi đám người đi nghỉ mát đang thiêm thiếp, trước khi một người ngái ngủ trở mình ngóc đầu dậy, tiếng cừu vang vang trong giấc mơ của mấy đứa trẻ. Mơ màng mấy cậu bé giơ tay lôi kéo, ôm ấp những con cừu tí hon, thân yêu, lông xù. Thế rồi người cư ngụ thứ nhất xuất hiện: đó là con mèo Florrie của gia đình Burnell. Con mèo ngồi tựa cột cửa, sớm sủa như thường lệ, đợi cô hàng sữa. Khi mèo vừa thấy bóng con chó chăn cừu, chị ta nhảy vọt lên, cong lưng, rụt cổ lại, và dường như hơi rùng mình "Ôi! Cái giống gì mà thô lỗ, đáng ghê tởm! Florrie nói. Nhưng con chó già không thèm nhìn lên, vẩy đuôi mà đi qua, thỉnh thoảng soạc cẳng ra hai bên. Chỉ có hai cái tai ve vẩy rung động tỏ ra nó đã thấy và nghĩ cái nhà chị mèo này chẳng qua là một cô bé ngu dại.

Gió sáng thổi qua bụi cây, mùi lá và đất pha với mùi biển nồng mặn. Hàng triệu con chim đang đua hót. Một con sẻ vàng bay qua đầu người chăn cừu, đậu chót vót trên đầu cành, quay lại hướng mặt trời xù lông ngực ra. Đàn cừu giờ qua lều của bác chài, vượt khỏi nhà bà cháu chị hàng sữa Isabela. Đàn cừu bỗng lạc vào một vũng nước vàng đọng. Con chó chăn, con Wag, lội đàng sau, xua đuổi đàn cừu trở về con đường đốc nhỏ, ra khỏi vịnh Lưỡi Liềm, hướng về chiếc vịnh nhỏ Dayling. "Bee... be..." tiếng cừu vọng lại khi chúng lăn lăn trên con đường đá khô cứng. Ông già chăn cừu cất tẩu thuốc vào túi áo rộng trên ngực, nỏ tẩu lộ ra ngoài. Liền theo đấy, điệu sáo nhè nhẹ, dìu dặt lại nổi lên. Con Wag chạy men một bậc đá đánh hơi rồi lại chạy về, dáng điệu chán chường. Đàn cừu tiếp tục xô đẩy, chen lấn, vội vã chạy qua khúc quanh, người đi chăn cất bước theo sau rồi cũng mất hút.

**II**

Một lúc sau có tiếng cửa mở từ phía hậu một căn nhà và bóng người mặc áo tắm kẻ dọc to chạy vụt qua sân ngựa, ra khỏi cổng, phăng phăng vượt bãi cỏ, xuống khoảnh đất võng hình lòng chảo rồi lại chập choạng lên đồi cát, chạy như ma đuổi khỏi khu vực đá lổ chổ, khỏi đám cuội ướt lạnh, đến bãi cát khô lóng lánh như tráng đầu. Suyp soạp! Suyp soạp. Những chiếc bong bóng tròn đậu quanh đùi khi Stanley Burnell lội ra xa thích thú. Mình vẫn là tay đi đầu như thường lệ! Lại thắng cuộc một lần nữa. Và Stanley hụp xuống cho nước tràn lên đầu cổ.

"Ê, chào chú! Chào ông em vĩ đại của tôi!" một giọng nói trầm và êm như nhung vượt sóng bay đến.

"Cha mẹ ơi! Lại của nợ!" Stanley ngóc cổ nhìn thấy một chiếc đầu tóc đen đang bập bềnh ngoài khơi và một cánh tay giơ lên. Đúng là cái lão Jonathan Trout.

"Sáng nay trời đẹp nhỉ?" giọng nói uyển chuyển vọng lại.

"Vâng, đẹp lắm!" Stanley đáp vắn. Tại sao thằng cha lại cứ bám vào khu bể này của mình? Tại sao hắn cứ nhè đúng chỗ này mà lăng quăng? Stanley vung tay, đập chân và bơi đi xa. Nhưng Jonathan không chịu kém, bơi đến sát cạnh, tóc ướt dán trên trán, chùm râu lún phún cũng ướt bóng láng.

"Đêm qua tôi mơ một giấc mơ hết sức kỳ quái" Jonathan hét to.

Lão ta khùng hay sao đây? Cái lối nói chuyện này làm Stanley bực mình không thể tả. Và lần nào cũng vậy - toàn những chuyện nằm mơ, hay những ý kiến quái gỡ hoặc một vài mẩu chuyện nhảm đọc được ở đâu. Stanley trở mình nằm ngửa, đạp vung nước tung tóe lên cho tới khi biến thành một cái vòi rồng. Ấy thế mà cũng không xong.

... "Tôi mơ thấy mình treo lủng lẳng trên một cái vách đá dựng đứng, và đang hò hét gì với một người đứng phía dưới". Đáng kiếp, Stanley nghĩ thầm. Không thể tiếp tục đập nước, Stanley đành nói: "Này anh Trout, sáng nay tôi hơi vội".

"Chú làm sao?" Jonathan tỏ vẻ hết sức kinh ngạc - hay giả vờ thế - đến nỗi chìm hẳn xuống nước, rồi lại nổi lên thở phì phì.

"Tôi chỉ muốn nói rằng, tôi không có thì giờ để - để tán gẫu. Tôi muốn nói thẳng với anh một lần. Tôi vội lắm, tôi còn rất nhiều việc phải làm, anh hiểu chứ?"

Nhưng Jonathan đã bơi xa trước khi Stanley dứt lời.

"Thôi, bỏ qua đi", giọng trầm và nhỏ nhẹ vọng lại rồi Jonathan bơi thẳng ra xa thật nhanh, gần như mất tăm. Stanley muốn rủa lên một tiếng! Hắn đã làm mất cả hứng đi tắm hôm nay của chàng. Sao mà hắn ngu đến thế! Stanley lại dập sóng bơi ra khơi, rồi bơi nhanh về, leo lên bờ. Cảm thấy mình như bị ăn gian.

Jonathan còn ở dưới nước thêm một lúc. Hắn nổi lềnh bềnh, hai tay vờn sóng nhẹ nhàng như vậy cả mặc cho sóng biển xoay vần tấm thân dài và gầy gò xương bọc da. Kể cũng lạ là hắn vẫn cứ thích Stanley Burnell. Dã đành đôi khi hắn tai ác muốn trêu ghẹo anh chàng, đùa chơi, nhưng trong thâm tâm hắn thấy thương hại anh chàng. Cái gì anh ta cũng coi là nghiêm trọng, thấy cũng tội. Cứ nghĩ nếu một ngày kia anh chàng làm gì bị bắt quả tang thì sẽ ra sao nhỉ? Ngay khi ấy một làn sóng khổng lồ nâng Jonathan lên, tràn qua mình rồi đập vào bờ tan vỡ với những tiếng rào rào vui tai. Thật là tuyệt đẹp! Này đây lại một con sóng khác đamng lăn tới. Sống là thế - vô tâm, liều lĩnh, tự làm tiêu hao sức lực. Jonathan đứng dậy, bắt đầu lộ ivào bờ, bấm sâu ngón chân lên mặt cát cứng, lăn tăn vết sóng. Cứ an nhiên tiếp nhận mọi sự việc một cách bình thản, đừng chọi lại với những làn sóng phế hưng của cuộc đời, phải nương theo chiều sóng - đấy là điều cần thiết. Lúc nào tinh thần cũng căng thẳng là cả một sự lầm lẫn lớn. Sống - Phải biết sống! Như buổi sáng tuyệt vời hôm nay, mát rượi, đẹp đẽ. Sưởi nắng ấm, tựa hồ tự cười nhạo vẻ đẹp của chính mình và như thì thầm: "Tại sao không?"

Bây giờ ra khỏi mặt nước rồi thì Jonathan tím người lại vì lạnh. Mình mẩy đau nhức khắp nơi, giống như có ai vắt hết máu trong người ra. Vừa bước những bước dài trên bãi cát, vừa rùng mình, các thớ thịt

tê cứng, Jonathan cũng cảm thấy buổi đi tắm sáng nay mất hết hứng thú, hắn đã ngâm mình trong nước quá lâu.

III

Beryl đứng một mình trong phòng khách khi Stanley bước vào, mặc bộ áo len xanh, cổ áo là cứng, và đeo chiếc cà vạt chấm hột đậu. Trông anh chàng quá sạch sẽ và chải chuốt, anh chàng hôm nay đi lên tỉnh. Gieo mình xuống ghế, Stanley rút túi lấy đồng hồ để cạnh đĩa của mình.

"Tôi còn đúng 20 phút nữa, dì Beryl có thể xuống xem món cháo sữa đã xong chưa?"

"Mẹ vừa xuống xem rồi" Beryl vừa trả lời, vừa ngồi xuống rót trà cho anh rể.

"Cám ơn dì" Stanley uống một ngụm rồi nói bằng một giọng kinh ngạc "Ơ dì quên không cho đường à?"

"Xin lỗi anh" Tuy nói thế nhưng Beryl cũng không buồn múc đường cho Stanley, cô dẩy hộp đường lại. Thế này là nghĩa lý gì? Stanley vừa thả đường vào chén vừa giương to cặp mắt xanh, đôi mắt như rưng rưng. Anh chàng liếc nhanh cô em vợ rồi ngả người vào lưng ghế.

"Có chuyện gì lạ không?" Stanley vừa hỏi một cách hờ hững vừa sửa lại cổ áo.

Beryl vẫn cúi đầu, tay xoay tròn cái dĩa.

"Không có gì cả" nàng đáp lại nhẹ nhàng. Rồi nàng cũng ngẩng đầu lên và mỉm cười với anh: "Tại sao lại phải có chuyện gì?"

"Ồ! Chẳng tại sao cả. Tại tôi nghĩ là dì có vẻ..."

Ngay lúc ấy cửa mở và ba cô bé xuất hiện, mỗi cô bưng một dĩa cháo. Cả ba đều ăn vận giống nhau, quần cộc túm ở đầu gối, áo xanh, những bắp chân nâu hồng để trần, cô nào tóc cũng kết bím, buộc cao lên như đuôi ngựa. Theo sau là bà cụ Fairfield tay bưng một cái khay.

"Lũ bay phải cẩn thận" bà cụ dặn, nhưng các cô bé đã hết sức thận

trọng. Các cô rất thích được phép bưng đồ ăn lên. "Sáng nay đã đứa nào chào bố chưa?"

"Rồi ạ" Các cô ngồi xuống ghế đối diện với Stanley và Beryl.

"Anh đã dậy". Bà Fairfield vừa nói vừa trao đĩa cháo cho Stanley.

"Thưa mẹ vẫn mạnh? Thằng bé hôm nay ra sao?"

"Ngoan tuyệt! Nó chỉ thức giấc đêm qua có một lần! Sáng hôm nay trời thật là đẹp!" bà lão ngừng lại, bàn tay đặt trên ổ bánh, mắt nhìn ra vườn. Có tiếng sóng biển. Qua khung cửa sổ mở rộng, ánh nắng tràn vào in lên mảnh tường sơn vàng và sàn gỗ.

Mọi vật trên bàn đều chói sáng lấp lánh. Giữa bàn có một chậu hoa sen cạn màu vàng đỏ. Bà lão mỉm cười, đôi mắt ánh ngời tỏ vẻ hài lòng.

"Mẹ có thể cắt cho con một miếng bánh được không? Stanley nói "Con chỉ còn có mười hai phút rưỡi nữa thôi, trước khi xe đò đến. Dã có ai đưa giầy tôi cho chị sen đánh chưa?"

"Dã. Giầy đánh bóng sẵn sàng rồi đây". Bà Fairfield vẫn giữ bình thản.

"Ồ, Kezia, tại sao mày ăn uống bẩn thế hở?" Beryl kêu một cách tuyệt vọng.

"Dì bảo cháu ấy à?" Kezia giương mắt thao láo nhìn Beryl. Cô bé dã làm gì? Cô chỉ đào một cái rãnh giữa đĩa cháo đổ cho rãnh đầy, rồi múc bờ rãnh lên ăn dần. Nhưng sáng nào cô chẳng làm thế, có ai nói gì bao giờ đâu?

"Tại sao mày không ăn uống sạch sẽ như con Isabel hay con Lottie?" Người lớn thật bất công.

"Nhưng Lottie bao giờ ăn cũng dấp một cái dáo nới, phải không Lottie?"

"Tôi thì không" Isabel trả lời ngay "Tôi chỉ rắc đường, đổ sữa vào rồi ăn ngay. Chỉ có trẻ con mới vừa ăn vừa chơi".

Stanley đẩy ghế đứng dậy.

"Mẹ lấy hộ đôi giầy ra cho con được không? Và dì nữa, nếu dì ăn xong thì ra ngõ đón chuyến xe giùm tôi. Isabel, con chạy vào hỏi mẹ

xem cái mũ dạ của bố để đâu. Khoan đã, có phải các con mang gậy của bố đi chơi không?"

"Không ạ". "Nhưng bố để nó ở đây" Stanley bắt đầu lớn tiếng "Bố nhớ rõ ràng để nó ở cái góc này. Đứa nào lấy gậy của bố thì bảo? Bố không có thì giờ đùa đâu. Đi tìm gậy ngay cho bố".

Đến cả chị sen Alice cũng phải đi tìm gậy. "Ông có dùng gậy để cời lửa bếp không?"

Stanley vụt chạy vào phòng ngủ chỗ Linda đang nằm. "Không thể tưởng tượng được, anh không có cái gì để yên một chỗ ở cái nhà này. Lũ trẻ lấy cả gậy của anh đi chơi!"

"Lấy gậy ư? Gậy nào hở anh?" Cái vẻ mơ hồ của Linda trong những lúc này trông giả tạo quá thể. Stanley quyết định như vậy. Không lẽ trong nhà này không có lấy một người thương chàng?

"Xe đến! Xe đến! Anh Stanley!" Có tiếng Beryl gọi từ cổng.

Stanley vẫy tay với Linda, "Không có thì giờ hôn chào em hôm nay đâu!" Stanley cho thế là đã trừng phạt vợ.

Chàng giật vội cái mũ dạ chạy vọt ra khỏi nhà, qua cửa vườn. Quả chiếc xe ngựa đang đợi... Beryl tựa mình vào cửa, đang ngẩng đầu cười với ai làm như không có chuyện gì xảy ra. Đàn bà thật nhẫn tâm. Họ cho việc mình kéo cày kiếm cơm nuôi họ là chuyện dĩ nhiên, trong khi họ chẳng thèm bận tâm nhìn nhối xem cái gậy của mình còn hay mất! Kelly ra roi giục ngựa.

"Chào anh". Beryl thốt giọng ngọt ngào, vui vẻ. Chào thì dễ lắm. Cô ả đứng đấy, lấy tay che nắng, nhởn nhơ. Điều bực nhất là Stanley phải chào lại, nhĩ mục quan chiêm mà. Chàng thấy cô ả quay vào, nhảy cẩng lên rồi chạy tọt vào nhà. Cô ta sung sướng tống tiễn mình đi cho khuất mắt.

Quả thật thế, Beryl sung sướng chạy vào phòng khách hét to: "Anh ấy đi rồi!" Linda từ phòng ngủ hỏi vọng ra. "Anh ấy đi rồi hả Beryl?" Bà cụ Fairfield cũng ra, tay bế thằng bé quấn gọn trong cái tả len.

"Anh ấy đi rồi à?"

"Đi rồi!"

Ôi, thoát nạn! Khi người đàn ông bước ra khỏi ngưỡng cửa là thấy có sự khác biệt ngay. Giọng họ nói với nhau cũng thay đổi, ấm và trìu mến hơn, tựa như họ cùng chia xẻ điều gì bí mật. Beryl tiến đến gần bàn ăn. "Mẹ uống thêm chén nước nữa nhé? Nước hãy còn nóng" Cô nàng gần như ăn mừng sự kiện họ muốn làm gì bây giờ thì làm. Không có người đàn ông nào làm phiền họ, cả cái ngày đẹp đẽ hôm nay hoàn toàn thuộc về họ.

"Không, mẹ không uống nữa". Bà Fairfield trả lời, nhưng cách bà tung thằng bé lên lúc bấy giờ và nựng "a gu - a gu" có nghĩa là bà cũng đồng tình. Mấy cô bé chạy ra sân ngựa, giống như mấy con gà con thoát ra khỏi lồng.

Ngay cả chị sen Alicecice, đang rửa bát đĩa trong bếp cũng vui lây, và vặn nước chảy ào ào không thương tiếc.

"Ôi, mấy cái ông dàn ông!" Chị ta nói và dìm cái ấmộtrà xuống chậu nước, giữ mãi nó ngay cả khi nước đã thôi sủi bong bóng, làm như cái ấm cũng là một người dàn ông và có bị chết đuối cũng còn là may cho hắn ta.

IV

"Đợi em với, Isabel, Kezia, đợi em với!"

Tội nghiệp Lottie bé bỏng lại bị bỏ rơi đằng sau lần nữa, bởi vì Lottie thấy trèo thang một mình thật là vất vả. Vừa bước lên bực thứ nhất thì đầu gối đã run phải bám lấy cột trụ. Rồi còn phải thò chân trèo qua bên kia. Nhưng thò chân nào? Lottie không bao giờ biết. Cuối cùng, khi cô bé tuyệt vọng thò một chân qua, cái cảm giác thật hãi hùng. Một nửa người còn trong sân ngựa, nửa kia thò ra trên bãi cỏ. Cô bé tuyệt vọng nắm chặt lấy cột trụ và cất cao giọng: "Đợi em với!"

"Đừng đợi nó làm gì Kezia!" Isabel nói "Con ấy ngu lắm, lúc nào cũng sợ. Đi!" Và kéo áo Kezia: "Tao sẽ cho mày mượn cái thùng múc nước nếu mày theo tao". Isabel đỗ "Thùng của tao to hơn của mày" Nhưng Kezia không nỡ bỏ mặc Lottie một mình. Cô chạy trở lại. Lúc này Lottie mặt đã đỏ bừng, và thở hổn hển.

"Đây, đặt chân kia vào chỗ này" Kezia ra lệnh.

"Chỗ nào?" Lottie nhìn xuống tưởng như mình nhìn từ trên một đỉnh núi cao.

"Chỗ này. Chỗ tao để tay vào này". Kezia đập đập tay.

"Ồ, chỗ ấy à?" Lottie hít một hơi dài và đặt nốt chân kia qua.

"Bây giờ làm như quay người lại và giả vờ ngồi xuống, rồi tuột đi".

"Nhưng em chẳng có gì để ngồi lên cả".

Cuối cùng rồi Lottie cũng làm được, và khi trèo xong thì bắt đầu toe toét "Em trèo thấy dã giỏi hơn trước rồi phải không Kezia?"

Lottie là một cô bé đầy lạc quan.

Hai cái mũ xanh và hồng theo sau cái mũ đỏ chót của Isabel vất vả leo lên đồi. Lên tới đỉnh - các cô dừng lại bàn xem nên đi đâu và quan sát những người đã có mặt. Trông từ đằng sau, in trên nền trời xanh, tay múa may mấy cái xẻng, các cô bé giống như những nhà thám hiểm tí hon đang phân vân lưỡng lự.

Tất cả gia đình Samuel Josephs đã hiện diện với cô phụ tá ngồi trên cái ghế bằng vải, dùng còi để điều khiển, chiếc còi được đeo lủng lẳng trước ngực và sử dụng một chiếc gậy ngắn để chỉ huy. Lũ trẻ nhà Samuel không bao giờ chịu chơi một mình hay bày trò chơi riêng với nhau. Nếu chúng làm thế thì thế nào cũng kết cục bọn con trai cũng đổ nước xuống cổ bọn con gái, và bọn con gái thả những con dạ tràng vào túi tụi con trai. Thành ra sáng nào bà Samuel Joseph và cô phụ tá cũng phải lập ra một "chu trình" để chúng khỏi chửi nhau và đánh nhau. Toàn là chơi chạy đua hay đấu trận. Bắt đầu bằng một dịp còi chói tai, và chấm dứt cũng bằng một dịp khác. Chúng có phần thưởng hẳn hoi - những gói giấy to và bẩn bẩn mà cô phụ tá lôi trong cái bọc to tướng ra với một nụ cười gượng. Bọn trẻ đánh nhau dữ dội vì phần thưởng, nào ăn gian, nào bấu tay nhau - đứa nào cũng có tài cấu véo. Cái lần độc nhất mấy cô bé nhà Burnell sang chơi chung, Kezia lĩnh được một phần thưởng, nhưng khi cô mở xong ba lớp giấy ra thì chỉ thấy có một cái móc khuy han rỉ. Kezia không thể nào hiểu tại sao chúng có thể tranh giành với nhau vì nó...

Nhưng bây giờ các cô không chơi chung với bọn nhà Samuel Joseph nữa, và cũng không đến dự tiệc của họ. Nhà Samuel Joseph thường hay tổ chức tiệc trẻ con và lúc nào cũng chỉ có chừng ấy món ăn. Một chậu to đựng hoa quả thái nhỏ ngâm đường màu nâu nâu, mấy chiếc bánh cắt làm bốn, và một bình lớn chứa một thứ nước mà cô phụ tá gọi là "nước-chanh-đó-em". Và đến chiều, khi ra về, thể nào ren áo cũng rách toạc một nửa, không thì cũng bị cái gì đổ vào ngực áo, bỏ lại đằng sau bọn trẻ con nhà Samuel Joseph nhảy nhót như lũ mọi trên sân cỏ. Không! Bọn ấy chơi không nổi!

Bên kia bãi biển, sát mặt nước, hai cậu bé quần sắn cao, chạy lăng quăng như hai con nhện. Một cậu lúi húi đào, cậu kia lội ra lội vào, múc lên một sô nước nhỏ. Đấy là Pip và Rag, con gia đình Trout. Nhưng Pip mãi đào và Rag mãi múc nước nên không ai trông thấy ba cô em họ, mãi khi các cô đến gần mới biết.

"Này, nhìn xem anh mới bắt được cái gì đây?" Và Pip đưa ra một chiếc ủng cũ ướt sũng. Ba cô bé giương tròn mắt nhìn.

"Cái này dùng để làm gì?" Kezia hỏi.

"Để giữ chứ còn để làm gì?" Pip trả lời với giọng khinh bỉ. "Đây là một vật anh đã bắt được hiểu chưa?"

"Hiểu" Kezia hiểu. Tuy nhiên...

"Có cả ngàn vạn thứ bị vùi trong lòng cát" Pip giảng giải, "Những thứ đó sóng đánh giạt vào. Những kho tàng. Mình có thể tìm thấy...

"Nhưng tại sao anh Rag cứ phải múc nước đổ xuống cát?" Lottie thắc mắc.

"À, để cho cát ướt thì đào mới dễ. Cứ tiếp tục đi, Rag" Pip khuyến khích.

Và Rag ngoan ngoãn chạy lên chạy xuống múc nước đổ vào cát, nước biến thành màu nâu như súc-cù-là.

"Này, lại đây anh cho xem cái anh mới tìm được hôm qua". Pip nói với một giọng bí mật, vừa nói vừa cắm xẻng xuống cát. "Các cô phải hứa không được cho ai biết".

Các cô bé hứa.

"Phải thề đi. Đứa nào nói dối thì Trời đánh nó".

Các cô bé thề.

Pip rút trong túi ra một vật, mài nó rất lâu lên ngực áo, hà hơi vào rồi lại mài nữa.

"Nào, bây giờ tất cả cùng quay lại" Pip ra lệnh Các cô bé quay lại.

"Tất cả nhìn vào đây! Cấm không ai nhúc nhích! Nào!"

Pip mở tay, giơ tay lên một vật gì lóng lánh, nhấp nháy, màu xanh tuyệt đẹp.

"Ngọc bích đấy" Pip trịnh trọng tuyên bố.

"Ngọc thật đấy à?" Cả Isabel cũng tỏ vẻ thán phục.

Cái vật xanh xanh như nhảy múa trong tay Pip. Dì Beryl cũng có một cái nhẫn ngọc bích, nhưng rất nhỏ. Miếng ngọc này to bằng cả một ngôi sao và đẹp đẽ hơn nhiều.

V

Buổi sáng kéo dài, từng đoàn người xuất hiện trên đồi cát và lần xuống bãi để tắm. Ai cũng biết đến 11 giờ là bãi biển dành cho đám đàn bà trẻ con đi trại hè. Thoạt tiên các bà cởi áo dài, mặc áo tắm và đội lên đầu những cái mũ xấu như những cái bị bằng bọt biển, thứ đến lũ trẻ cởi khuy. Bãi biển la liệt đầy quần áo và giầy dép, những cái mũ rộng vành che nắng có dá chặn trên để khỏi bay đi trông giống như những cái vỏ ốc khổng lồ. Kể ra cũng lạ, ngay tiếng sóng biển cũng có vẻ dào dạt khác thường khi tất cả những bóng người đó nhảy nhót, vui cười chạy vào lòng sóng. Bà lão Fairfield mặc chiếc áo dài màu hoa cà, đội mũ len buộc chặt dưới cằm, đang họp lũ cháu chuẩn bị xuống biển. Mấy thằng bé nhà Trout lột áo quay vun vút trên đầu, cả năm đứa chạy ào đi trong khi bà lão ngồi đợi xem chúng xuống nước có bình yên không, tay đặt trên cuộn len sẵn sàng rút ra.

Những cô bé trông rắn chắc, khỏe mạnh mà lại không gan bằng mấy cậu bé ra vẻ mềm yếu, ẻo lả. Pip và Rag rùng mình một cái rồi ngồi ngay xuống nghịch nước, không ngần ngại. Nhưng Isabel là người có thể bơi được cả trên chục sải tay và Kezia cũng bơi được non một

chục sải thì lại chỉ đi theo với điều kiện không bị nước bắn vào. Riêng Lottie không đi theo. Cô bé thích được tự do xuống nước theo kiểu riêng của mình. Nghĩa là ngồi ria mép nước, duỗi chân ra, khép hai đầu gối lại và hai tay vung vẩy tưởng như mình đang được cưỡi sóng ra khơi. Nhưng hễ có một con sóng to nào, một con sóng sủi đầy bọt trắng xóa phăng phăng lăn thẳng về hướng mình thì Lottie vội vàng lóp ngóp bò dậy, mặt đầy sợ hãi và chạy tọt lên bờ.

"Mẹ giữ những cái này hộ con nhé!"

Hai cái nhẫn và một sợi giây vàng rơi vào lòng bà Fairfield.

"Ồ! Thế con không tắm ở đây hay sao?"

"Khô... ông" Beryl trả lời một cách lửng lơ, kéo dài giọng ra. "Con ra đằng kia thay áo. Con tắm với bà Harry Kember".

"Được rồi! Nhưng bà Fairfield mím chặt miệng lại. Bà không thích mụ Harry Kember, Beryl cũng hiểu thế.

Tội nghiệp bà cụ, nàng mỉm cười đi lướt qua mấy tảng đá. Tội nghiệp mẹ, già rồi còn gì! Đời vui biết bao, hạnh phúc biết bao khi người ta còn đang độ xuân thì...

"Sao trông có hôm nay hớn hở thế?" Bà Harry Kember ngồi bó gối hút thuốc lá trên bãi đá răm.

"Trời hôm nay đẹp lạ lùng" Beryl vừa nói vừa mỉm cười cúi nhìn xuống.

"Này có mình ơi" giọng bà Harry Kember tỏ ra bà còn hiểu nhiều hơn thế. Nhưng bà ta lúc nào mà chẳng có cái giọng như bà hiểu rõ mọi người hơn chính họ tự hiểu? Bà cao lênh khênh, dị tướng với tay chân dài ngoẵng. Khổ mặt bà cũng dài và hẹp, vẻ mệt mỏi ngay cả mấy món tóc quăn trông cũng như bị cháy xém, khô héo. Bà là người phụ nữ độc nhất hút thuốc ở cái vịnh này, hút luôn miệng, ngậm điếu thuốc ngay cả khi nói chuyện, và chỉ nhấc ra khi nào tàn thuốc quá dài, không hiểu sao lại chưa chịu rơi xuống. Khi bà không đánh bạc - mà ngày nào bà cũng đánh bạc - thì bà nằm dài phơi nắng cả ngày được, không bao giờ biết chán. Tuy vậy, xem ra nắng cũng không sưởi ấm được bà. Khô khan, héo úa, lạnh lùng nằm thẳng cẳng trên đá cuội

giống như một khúc củi trôi dạt từ biển vào. Mấy người đàn bà trên bãi coi bà ta như người rất ngổ ngáo. Bà không biết hợm mình, nói chuyện dùng toàn tiếng lóng, cư xử với đàn ông không khác gì bà cùng phái với họ, cái vụ nhà cửa bỏ bê không thèm săn sóc, lại gọi chị ở "Se... en ơi" thật đáng xấu hổ. Đứng trên mấy bực tam cấp, bà Harry Kember sẽ gọi với vào bằng một giọng uể oải, "Se... en ơi ném tao cái khăn tay, nếu còn cái nào sạch". Và chị sen đầu thắt nơ đỏ chứ không đội cái mũ trắng nhỏ như những chị sen khác, chân đi giầy trắng, chạy ra với một nụ cười trâng tráo. Thật là tai tiếng. Dã đành bà không con cái và chồng thì... Nói đến đây, thường thường các bà cất cao giọng lên, trở nên sôi nổi: "Tại sao hắn ta lại chịu lấy con mụ vợ như thế? Tại sao? Hẳn là vì tiền, dĩ nhiên, nhưng dù có vì tiền đi chăng nữa!"

Chồng bà Kember trẻ hơn bà ít nhất mười tuổi, và đẹp trai không thể tưởng, giống mặt nạ một kép hát hay bức tranh vẽ trong một cuốn tranh ảnh của Mỹ hơn là một người bằng xương bằng thịt. Tóc đen mướt, mắt xanh biếc, môi đỏ thắm, miệng cười dịu như trong mơ, chơi bóng giỏi, nhảy đầm tuyệt hay, và lại còn là một người bí mật nữa. Harry Kember giống như người ngủ biết đi. Cánh đàn ông không chịu nổi anh ta, chẳng bao giờ anh ta hé môi nói chuyện với họ. Anh không đếm xỉa đến vợ cũng như bà vợ không hề đếm xỉa đến chồng. Anh sống bằng gì? Dĩ nhiên đã có những lời đồn, những lời đồn thật là... Nhất định không thể kể lại được. Người ta đã thấy anh ở những chỗ nào, đi với những cô nào... nhưng chẳng có gì chắc chắn, rõ rệt. Một và bà trên bãi thầm nghĩ rất có thể một ngày kia anh ta trở nên sát nhân. Đúng thế, ngay cả khi họ nói chuyện với bà Kember và ngắm bộ áo tắm kỳ cục bà ta đang mặc, duỗi thẳng tay chân trên bãi cát, nhưng lạnh ngắt, mình vấy máu, vẫn cái điếu thuốc ngậm ở khóe miệng.

Bà Kember ngồi dậy, ngáp dài, mở khóa thắt lưng móc vào giải áo. Beryl bước khỏi chiếc xiêm vừa trút ra, vứt áo xuống đất, đứng thẳng, mình mang áo lót màu trắng và chiếc nịt ngực có nơ buộc trên vai.

"Cảm ơn Thượng đế, cô mình đẹp quá cô mình ơi".

"Không dám". Beryl nhẹ nhàng trả lời, nhưng khi tháo đôi tất ra, nàng cũng tự thấy mình là một mỹ nhân.

"Tại sao không?" Bà Kember vừa nói vừa dẫm lên sống áo mình. Rõ chán, quần áo lót gì mà lại thế? Một cái quần đùi vải xanh túm ở đầu gối và một cái áo lót khiến người ta nghĩ ngay đến áo gối... "Cô không deo nịt đấy chứ?" bà ta sờ vào bụng Beryl, và Beryl nhảy vội ra xa, cười diệu rồi trả lời, giọng quả quyết: "Không dời nào!"

"Con người tốt số" bà Kember thở dài và cởi nịt của mình.

Beryl quay lưng lại và bắt đầu làm những động tác phức tạp của một người vừa cởi bỏ y phục trên mình và đồng thời mặc áo tắm vào.

"Ôi dào, cô mình dừng ngại gì với tôi". Bà Kember nói "Việc gì phải xấu hổ, tôi có ăn thịt cô mình dâu? Tôi cũng chẳng lấy thế làm chướng mắt như mấy mụ ngu ngốc kia đâu". Bà liếc về phía đám phụ nữ và cất giọng cười the thé.

Nhưng mà Beryl cứ xấu hổ. Chưa bao giờ nàng cởi quần áo trước mặt ai. Thế có khỉ không? Bà Kember làm nàng có cảm tưởng mình ngớ ngẩn, có một cái gì đáng hổ thẹn nữa. Ừ, việc gì phải rụt rè? Beryl liếc nhanh sang bà bạn đang đứng ngạo nghễ trong chiếc áo lót nhàu nát, châm một điếu thuốc mới, một cảm giác táo bạo, ngông cuồng vụt tới trong ngực nàng. Cười nói thản nhiên, Beryl kéo chiếc áo tắm còn lấm cát ướt và gài khuy lại.

"Ờ, thế mới phải" bà Kember nói. Cả hai đi song song xuống biển. "Cô mình phải mặc quần áo che đậy là cả một sự đáng tiếc. Phải có người nào nói cho cô biết một ngày kia".

Nước biển ấm áp. Xanh trong vắt, nhấp nháy ánh bạc, nhưng cát dưới đáy lại giống như vàng tấm; mỗi khi ta lấy ngón chân đạp cát thì từng đám bụi vàng bay tỏa ra. Bây giờ sóng đã lên tới ngực. Beryl đứng thẳng, dang hai tay, nhìn ra xa, mỗi lần sóng đánh tới nàng nhảy khẽ lên tựa hồ như sóng bể nâng nàng lên nhè nhẹ.

"Tôi thích thấy những người con gái đẹp được hưởng lạc thú". Bà Kember nói. "Tại sao không? Đừng có dại dột cô em ạ. Hãy hưởng đi". Bất thình lình bà xoay một vòng như con rùa biến mất, bơi nhanh, thật

nhanh ra xa như một con chuột. Rồi trở mình và bơi ngược về. Bà ta sắp sửa nói thêm cái gì. Beryl có cảm tưởng bị người đàn bà lạnh lùng này đầu độc, nhưng cô vẫn thích nghe bà ta nói. Nhưng ồ lạ chưa, thật là kinh khiếp! Khi bà Harry Kember bơi lại gần, đầu đội mũ tắm đen, mặt ngái ngủ, nổi lềnh bềnh trên con sóng, chỉ có cái cằm chạm nước, bà ta giống hệt bức hoạt họa vẽ ông chồng bà.

**VI**

Nằm trên chiếc ghế dài, dưới gốc cây "Manuka" mọc giữa bãi cỏ trước nhà, Linda Burnell mơ mộng hết cả buổi sáng. Nàng không làm gì cả, trông lên đám lá cây khô đen, chi chít, lên những khe hở lộ da trời xanh, thỉnh thoảng một đóa hoa vàng nhỏ li ti rơi xuống mình nàng. Đẹp - Thật thế, nếu ta cầm từng bông hoa vàng đặt lên lòng bàn tay mà ngắm kỹ ta thấy nó tinh xảo vô cùng. Mỗi cánh hoa vàng nhạt nổi bật lên, tựa hồ có một bàn tay trìu mến nào đã nâng niu tạo ra nó. Chiếc lưỡi nhỏ tí ở giữa khiến đóa hoa giống hình một quả chuông. Lật ngược lại, phía sau cánh hoa mang một màu nâu đồng sẫm. Nhưng hoa vừa nở đã vội tàn rụng tơi bời. Ta vừa nói chuyện vừa phải phủi hoa bám trên áo, những bông hoa tai quái giắt cả trên mái tóc. Thế thì hoa nở để làm gì nhỉ? Ai đã mất công - hay đã cao hứng tạo nên những bông hoa này để chúng phải uổng phí... Thật là kỳ quái.

Trên bãi cỏ, cạnh Linda, một cậu bé nằm chèn giữa hai cái gối. Cậu ngủ say sưa, quay lưng lại mẹ. Mớ tóc đen mướt trông giống bóng rợp hơn là tóc thật, nhưng hai tai cậu bé thì đỏ ửng như san hô. Linda đan chặt hai tay đưa lên khỏi đầu và vắt tréo chân. Nàng có cảm giác thật khoan khoái biết rằng tất cả những ngôi nhà quanh đây đều vắng tanh, ai ai cũng đi tắm rồi, không một bóng người mà cũng không một tiếng động. Chỉ có mình nàng ở đây.

Hoa cẩm chướng trông lòa mắt, những bông cúc vàng sáng chói, mấy cây sen cạn xanh vàng rực rỡ quấn quanh hàng cột ngoài hiên. Nếu ta có đủ thì giờ ngắm kỹ những bông hoa này, có thì giờ hiểu biết hoa, vượt qua những giây phút bỡ ngỡ, lạ lùng ban đầu. Nhưng khi ta

vừa rẽ cánh hoa, để nhìn xuống phía dưới thì nguồn sống tràn đến và ta bị cuốn theo. Nằm trên chiếc ghế mấy, Linda thấy mình nhẹ bỗng, giống như chiếc lá. Nhựa sống tràn đến như một làn gió và Linda bị nắm lấy, bị lắc, nàng phải đi. Trời ơi, chẳng nhẽ cứ mãi mãi như vậy sao? Không có một con đường nào để trốn thoát.

... Hiện giờ nàng đang ngồi trên hiên nhà, tựa mình vào đầu gối của cha. Ông cụ hứa: "Khi nào cha con ta cùng thật già, chúng ta sẽ đoạn tuyệt, sẽ trốn đi một nơi thật xa, giống như hai cậu bé. Cha thích nghĩ đến cái ngày bơi thuyền ngược một dòng sông bên Tàu", Linda như trông thấy khúc sông mênh mông, thuyền bè xuôi ngược rộn rịp. Nàng thấy cả những chiếc nón vàng của người chèo thuyền và nghe thấy tiếng họ nói léo nhéo, giọng cao và nhỏ nhẹ.

"Vâng..."

Nhưng ngay lúc ấy một chàng trai trẻ to lớn, tóc vàng, thong thả đi qua nhà, từ tốn, hơn thế, nghiêm trang ngả mũ chào. Cha nàng khẽ béo tai con gái trêu ghẹo như thường lệ:

"Kìa, người yêu của con đã đến". Ông cụ thầm thì.

"Khiếp quá cha, dời nào con lại lấy anh chàng Stanley Burnell ấy!"

Ấy thế mà rồi nàng lại lấy chàng. Hơn nữa, nàng yêu chàng. Không phải cái anh chàng Stanley, ai ai cũng biết, không phải cái anh chàng Stanley hằng ngày, nhưng một anh chàng e dè, đa cảm, ngây thơ, mỗi tối quỳ đọc kinh, và tha thiết muốn làm người tốt. Stanley rất đơn giản. Nếu anh tin ai - như anh tin nàng chẳng hạn - thì anh tin với cả một tấm lòng. Anh không thể là con người phụ bạc; anh không biết nói dối. Anh sẽ đau đớn biết bao nếu anh nghĩ có ai - nàng chẳng hạn - không thành thực, thẳng thắn với anh. "Cái ấy quá tế nhị đối với anh" Stanley sẽ bật ra câu này, nhưng cặp mắt mở to, rưng rưng, buồn bã của anh giống như cái nhìn của con thú bị mắc bẫy.

Nhưng vấn đề là - tới đây Linda gần bật cười, đâu có Trời chứng cho chuyện chẳng có gì đáng cười - nàng hiếm khi được thấy mặt chồng. Cũng có những giờ phút nàng được an nhàn thật đấy, nhưng thường thường cứ y như nàng sống trong một cái nhà luôn luôn gặp

hỏa hoạn, hay trên một chiếc tàu ngày nào cũng đắm. Và lần nào Stanley cũng đứng giữa hiểm nguy. Tất cả thì giờ của nàng dùng để cứu chàng, an ủi, vỗ về chàng, và nghe chàng kể lể. Chỗ thì giờ còn lại Linda dành cho nỗi sợ hãi phải thụ thai, sinh nở.

Linda nhíu mày, ngồi nhổm dậy trên chiếc ghế dài, ôm chặt hai cổ chân. Phải rồi, đây là điều Linda bất mãn với đời; điều nàng không thể hiểu được. Vấn đề này nàng đã đặt ra không biết bao nhiêu lần và không lần nào giải đáp được. Nói rằng đàn bà ai cũng phải có con là chuyện tự nhiên. Nhưng không đúng. Linda chẳng hạn có thể chứng minh điều này sai lầm. Sau mỗi lần sinh sản, nàng đã suy nhược, tiều tụy, lòng can đảm bay đi. Điều làm nàng khổ tâm hơn nữa là nàng không mảy may yêu con. Nói gần nói xa chẳng qua nói thật, dù nàng có khỏe mạnh, nàng cũng sẽ không săn sóc và chơi đùa với mấy đứa con gái nàng. Không, dường như một cơn gió lạnh đã làm nàng tê giá sau mỗi lần sinh nở kinh khiếp đó; cõi lòng nàng không còn gì ấm áp dành cho các con. Còn thằng bé này - cũng may mà có mẹ trông nom hộ; nó là con của mẹ, của dì Beryl hay của bất cứ ai yêu nó. Nàng ít khi bế con. Nàng không chút rung động vì con khi thằng bé nằm đây... Linda nhìn xuống.

Đứa trẻ trở mình, quay mặt lại và không ngủ nữa. Cặp mắt ngây thơ, xanh biếc mở rộng, tựa như nó đang nhìn trộm mẹ nó. Thốt nhiên nó cười lúm đồng tiền, nụ cười nở rộng, hở cả lợi, một nụ cười tuyệt diệu.

"Mẹ ơi, con đây mà". Nụ cười như hớn hở nói với Linda, "Tại sao mẹ chẳng yêu con?"

Có cái gì là lạ, bất ngờ trong nụ cười ấy khiến Linda cũng mỉm cười theo. Nhưng nàng tự cảnh giác ngay, và lạnh lùng nói với cậu bé: "Tao không ưa trẻ con".

"Không ưa trẻ con?" Cậu bé không tin "Không yêu cả con nữa?" Cậu bé giơ tay khoa khoa một cách khờ dại về phía mẹ.

Linda bỏ ghế ngồi xuống cỏ.

"Tại sao mày vẫn cười?" nàng nghiêm khắc hỏi. "Nếu mày biết tao nghĩ gì, mày sẽ hết cười".

Nhưng cậu bé nhíu mày láu lỉnh, lăn đầu trên gối. Cậu không tin lấy một tiếng nào.

"Bọn con nít biết thừa đi rồi". Cậu bé mỉm cười.

Linda kinh ngạc trước lòng tin tưởng của thằng bé. À không, phải thành thực chứ. Lúc này không hẳn nàng nghĩ như trước nữa; nàng nghĩ khác hẳn, có một cái gì thật mới lạ... Nước mắt nhảy múa trong mắt nàng; nàng thầm thì nói với thằng bé "Con ơi, thằng Cu kỳ cục của mẹ ơi".

Nhưng bây giờ thằng bé hoàn toàn quên hết mẹ. Nó trở lại trang nghiêm. Có cái gì hồng hồng, êm êm đang múa lượn trước mắt. Cậu bé giơ tay chộp lấy nhưng nó đã lập tức biến mất. Nhưng khi vừa nằm trở lại, một vật khác giống hệt cái vật đầu lại hiện ra. Lần này cậu bé nhất định phải bắt cho kỳ được. Cậu hết sức vùng vẫy và lăn lông lốc...

**VII**

Nước thủy triều đã rút xuống, bãi cát không một bóng người; nước biển ấm áp thong thả vỗ bờ. Mặt trời chiếu xuống, chiếu xuống chói chang và nóng bỏng, xuống bãi cát mịn, nung những hòn đá xám chạy gân đen, xanh, trắng. Mặt trời hút dần những giọt nước nhỏ nằm trong vỏ ốc, làm bạc màu những đám mây hồng đang giăng mắc lửng lơ trên đồi cát. Hầu như mọi vật đều bất động ngoại trừ mấy con bọ nhảy trên cát. Phập phập-phập! Cái giống này có bao giờ chịu ngồi im.

Đằng xa, những tảng đá cỏ mọc um tùm, mỗi khi nước thủy triều xuống trông giống như những con vật lông lá đang xuống biển giải khát; mặt trời, như những đồng xu bạc rơi vào mỗi vũng nước. Nắng nhảy múa, rung rung, và những vòng nước lăn tăn gội rửa bãi biển lỗ chỗ. Cúi nhìn xuống, mỗi vũng nước giống như một cái hồ phản chiếu dẫy nhà xanh dỏ chen sát nhau trên bờ, và ở đằng sau là đồi núi mênh mông, những dòng suối, sơn đao, những khe lạch hiểm nghèo, những con đường rừng rợn dẫn tới bờ nước. Bên dưới, rừng cây của biển uốn

éo theo nhịp sóng - Có những cây giống như những sợi chỉ hồng, những cây bạch đầu ông mượt như nhung và cả những ngọn thủy thảo có hoa lấm tấm vàng cam. Một hòn đá dưới đáy chuyển động, lăn qua lăn lại; thoáng có cái vòi đen vụt qua, một vật gì như sợi chỉ chập chờn rồi biến mất. Chòm cây hồng lả lướt, rập rờn và từ từ chuyển sang màu xanh lạnh lẽo của ánh trăng. Một tiếng động khẽ: Bộp! Ai đấy? Đã có gì xảy ra dưới ấy? Trong ánh nắng nóng bỏng, mùi rêu biển nồng và ấm...

Những chiếc mành xanh xanh của dãy nhà nghỉ mát đã được kéo xuống vào giờ ngủ trưa. Trên hiên, trên sân ngựa, hàng rào, la liệt những áo tắm và khăn bông kẻ. Hầu như trên mỗi bệ cửa sổ mặt sau đều có một đôi giầy đi cát, và ba hòn đá, một chiếc thùng múc nước hay mấy cái vỏ sò, vỏ ốc. Bụi cây rung động dưới nắng; con đường cát vắng tanh ngoại trừ con chó Snooker của gia đình họ Trout đang nằm dài ra giữa đường. Con chó giương cặp mắt xanh lè nhìn lên chân duỗi thẻ, thỉnh thoảng thở phì một cách tuyệt vọng như tỏ ý quyết tâm chấm dứt tình trạng này và chỉ chờ một cái xe bò phúc đức nào qua đây.

"Bà nhìn gì thế hả bà? Tại sao bà cứ nhìn cái tường dăm dăm như thế?"

Kezia ngủ trưa với bà. Cô bé chỉ mặc độc bộ áo lót ngắn. Chân tay để trần, đang nằm lên cái gối căng phồng trên giường bà. Bà lão bận chiếc áo ngủ trắng nhàu nát, ngồi ghế xích đu bên cửa sổ, đan một mảnh áo dài màu hồng. Phòng ngủ của hai bà cháu cũng giống những phòng khác, tường bằng gỗ véc-ni màu nhạt và sàn để trần. Đồ đạc sơ sài, nghèo nàn. Cái bàn trang điểm chẳng hạn là một cái va li phủ một chiếc xiêm lụa cũ thêu cành lá, gương treo bên trên rất lạ lùng trông giống như một mảnh chớp sáng chĩa hai, bị cầm tù trong khung. Trên bàn, một bình hoa dại chen chúc nhau trông giống như chiếc gối nhung. Và cái vỏ ốc đặc biệt do Kezia biếu bà để đựng trâm, một chiếc khác đặc biệt hơn Kezia định dùng để đựng cái đồng hồ cuộn tròn lại thì vừa xinh.

"Bà nói đi".

Bà lão thở dài, quấn sợi len hai vòng vào ngón tay, chọc chiếc kim đan bằng xương qua, bà bắt đầu mũi đan.

"Bà đang nghĩ đến bác William của mày". Bà lão điềm đạm nói.

"Bác William ở Úc châu ấy hả bà?" Kezia còn một bác khác nữa.

"Ờ"

"Cái bác mà con chưa gặp bao giờ phải không?"

"Ờ"

"Bác ấy làm sao?" Kezia biết thừa đi nhưng cứ hỏi.

"Bác mày đi làm mỏ than bị cảm nắng ở đấy rồi chết".

Kezia chớp mắt, tưởng tượng đến quang cảnh một người đàn ông nhỏ bé ngã vật xuống, y như một chú lính bằng chì, bên một cái hố lớn và đen thăm thẳm.

"Bà nghĩ đến bác ấy rồi bà buồn phải không?" Kezia không thích cho bà buồn.

Đến lượt bà cụ ngẫm nghĩ. Bà có buồn không? Nhìn lại quá khứ, nhìn lại xem. Nhìn lại những năm tháng trôi qua như Kezia đã thấy bà cụ từng làm. Phải trông nom chúng như mọi người đàn bà khác, ngay cả sau khi chúng đã khôn lớn bỏ đi xa. Bà có buồn không? Không, đời là thế.

"Không con ạ".

"Thế thì tại sao?" Kezia hỏi, giơ cánh tay trần lên vẽ vẽ trên không. "Tại sao bác William lại chết, bác ấy đã già đâu?"

Bà Fairfield bắt đầu đếm mũi len, ba mũi một. "Bác ấy đến số thì phải chết". Bà cụ trả lời, và mải miết đếm.

"Có phải ai rồi cũng chết không?" Kezia lại hỏi.

"Ờ, ai rồi cũng phải chết".

"Con cũng phải chết?" Kezia kinh ngạc quá sức.

"Một ngày kia con cũng phải chết".

"Nhưng nếu con không muốn chết thì sao?" Kezia vung chân trái lên, ngọ nguậy ngón chân dầy cát.

Bà cụ già thở dài và giang tay kéo sợi len ra khỏi cuộn.

"Chúng ta không có quyền lựa chọn, ai cũng phải chết". Bà cụ buồn buồn đáp.

Kezia nằm suy nghĩ. Cô bé không thích chết. Chết có nghĩa là phải bỏ đây, bỏ tất cả mà đi, đi mãi, bỏ - bỏ cả bà. Cô lăn nhanh trở lại.

"Bà ơi" Kezia giật giọng.

"Gì thế con?"

"Bà không được chết". Kezia cương quyết khẳng định.

"Ồ, Kezia". Bà cụ Fairfield nhìn lên và mỉm cười rồi lắc đầu: "Thôi, không nói chuyện nhảm nữa".

"Nhưng bà không được chết cơ. Bà không được bỏ con, không được đi đâu hết. Con sợ lắm. Bà phải hứa với con bà không bao giờ chết bà nhé". Kezia vật nài.

Bà cứ tiếp tục đan.

"Bà hứa đi, hứa không bao giờ chết đi".

Nhưng bà vẫn im lặng.

Kezia lăn ra khỏi giường; cô không chịu được nữa, cô nhẹ nhàng nhảy tọt vào lòng bà, ôm cổ và bắt đầu hôn, hôn cằm, hôn đến sau tai, thở xuống cổ bà lão.

"Bà nói đi: Không bao giờ chết... không bao giờ... không bao giờ" Kezia hôn gần hụt hơi, rồi cô bé bắt đầu cù nhè nhẹ bà cụ.

"Kezia!" bà cụ đánh rơi mảnh áo len, ngả người trên ghế xích đu. Bà cũng bắt đầu cù lại Kezia. "Bà nói đi, không bao giờ... không bao giờ... không bao giờ". Kezia khúc khích, hai bà cháu ôm nhau cười lăn lộn. "Thôi đủ rồi, con chó con, đủ rồi, chó con". Bà Fairfield sửa lại cái mũ: "Nhặt cho bà mảnh áo len lên".

Cả hai cùng quên không biết câu "không bao giờ" chỉ chuyện gì.

**VIII**

Nắng còn chan hòa đầy vườn khi có tiếng rập cửa hậu quả của nhà Burnell và một bóng dáng vui tươi đi lần ra cổng vườn. Đấy là chị sen Alice diện bộ cánh mới để đi chơi trưa hôm nay. Chị ta mặc áo vải

trắng chi chít những chấm đỏ lớn, nhiều đến nỗi làm ta rùng mình, chân đi giày trắng, đội một cái nón rơm vàng vành cuốn cong, kết hoa. Dĩ nhiên chị đeo cả bao tay nữa, bao tay màu trắng nhưng bị hoen ố chỗ cái khuy sắt rỉ. Một tay chị cầm chiếc dù che nắng rất bảnh mà chị gọi là "cái ô dù".

Beryl ngồi cửa sổ hong tóc mới gội. Chưa bao giờ nàng thấy một người ăn mặc kỳ quái như thế. Nếu Alice lấy than bôi nhọ mặt trước khi ra đường thì bức tranh thật hoàn toàn. Tại sao một cô gái như thế ấy lại đến một chỗ như thế này? Chiếc quạt hình quả tim đập một cách khinh bỉ vào bộ tóc vàng đẹp. Chắc Alice đã vớ đâu được một anh chàng vô lại kinh khiếp nào và họ sẽ rủ nhau chui vào một bụi rậm. Đáng tiếc chị chàng lại ăn mặc lòe loẹt quá, với bộ cánh ấy khó lòng mà hai anh chị tránh được cái nhìn soi bói của mọi người.

Nhưng không, Beryl đã bất công. Alice đi dự tiệc trà tại nhà bà Stubbs, người đã gửi thằng bé giao hàng mau tới cho chị một cái "thiếp mời". Alice thích bà Stubbs ngay từ buổi đầu khi đến mua thuốc trừ muỗi.

"Rõ tội nghiệp chưa?" Bà Stubbs vừa nói vừa ôm vào cạnh sườn nàng. "Tôi chưa thấy ai bị muỗi đốt đến như nhà chị. Y như là bị "mọi" ăn thịt người cắn".

Alice ước sao có một vài bóng người cùng đi đường. Đi một mình lủi thủi Alice có cảm giác kỳ kỳ. Làm chị lạnh xương sống. Alice không tin không có người đang rình rập mình. Nhưng dại gì mà quay đầu lại, làm thế nó biến mất. Chị kéo bao tay lên cho ngay ngắn, hát nhỏ một mình và nói với cây cao su đằng xa: "Cũng chả còn bao xa nữa đâu". Nhưng cây cao su có bạn đồng hành đâu?

Cửa hàng bà Stubbs ở chót vót trên đỉnh đồi, khuất sau đường đi. Hai chiếc cửa sổ như hai con mắt, cái hiên rộng là cái mũ, và tấm biển trên nóc với hàng chữ "Cửa hiệu bà Stubbs" giống như một cánh thiếp nhỏ gài vội lên vành mũ.

Ngoài hiên treo lủng lẳng một sợi giây toàn thị áo tắm móc vào như như vừa được vớt lên từ một con tầu đắm chứ không phải đang đợi

người ta bán đi, bên cạnh là một chùm giầy đi cát xoắn xuýt lẫn lộn, nếu muốn kiếm một đôi bắt buộc ít nhất phải tách rời hàng năm đôi khác mới thấy. Và dù làm thế cũng có lòng mà kiếm cho ra chiếc giầy trái đi đối với chiếc giầy chân phải. Biết bao người nóng tính đã ra đi với một cặp cọc kệch, một chân vừa, một chân rộng... Bà Stubbs rất hãnh diện có đủ mặt hàng. Hai chiếc tủ kính chật ních hàng hóa chồng chất lên như những cái núi bấp bênh, chỉ có anh làm xiếc họa may mới dụng vào mà không làm rối lòng chồng. Góc bên trái một chiếc tủ, bốn miếng hổ hình quả chám dán lên kính một tờ giấy cáo thị - từ đời ông Banh tổ nào không rõ:

*Bị mất một cái châm dzàng*
*Bằng dzàng y*
*Mất trên bãi hay gần bãi*
*Ai bắt được sẽ có thưởng.*

Alice bấm chuông. Tiếng chuông réo vang, rèm cửa bằng dạ đỏ vẹt sang hai bên, bà Stubbs đi ra với nụ cười nở rộng, tay cầm con dao phay, bà giống hệt một anh tướng cướp thân thiện. Alice được tiếp đón nóng hậu đến nỗi không sao giữ nổi cái vẻ "con nhà châm oanh". Nó có nghĩa là thỉnh thoảng ho nhè nhẹ, đằng hắng, kéo bao tay cho ngay ngắn, vén vê áo, và làm như mắc chứng bệnh kỳ lạ không trông thấy những vật bày ngay trước mắt, và cũng không nghe thấy gì nói bên tai.

Trà bánh đã được bầy trong phòng khách - cá hộp, thịt ướp, có cả mặt nửa cân bơ và một cái bánh ngọt to như để quảng cáo cho một hiệu bán men. Nhưng cái lò lửa cứ réo vang ầm ầm thành thử có nói chuyện cũng không nổi. Alice khép nép ngồi xuống mép chiếc ghế mây, trong khi bà Stubbs hì hục thổi mãi cho lửa cháy to thêm. Bỗng bà gạt cái gối dựa ra mặt bên để lộ một gói giấy to mầu nâu.

"Tôi vừa rửa mấy cái ảnh" bà vui vẻ nói to với Alice. "Để đưa chị xem".

Với dáng điệu rất kiểu cách, Alice thấm nước bọt vào ngón tay giở tờ giấy bóng phủ chiếc ảnh đầu tiên. Chân dung ư? Bao nhiêu cái tất cả? Ít nhất cũng trên ba chục cái. Alice cầm ảnh giơ lên ánh sáng.

Bà Stubbs đang ngồi trên ghế bành, dựa hẳn sang một bên. Khuôn mặt rộng bản tỏ vẻ hơi ngạc nhiên, và có lẽ thế thật. Mặc dầu cái ghế nằm trên một tấm thảm, nhưng kỳ quái thay, sát ngay phía trái tấm thảm lại có một cái thác đang tuôn rơi trắng xóa. Bên phải bà là một cái cột trụ kiểu đền Hy lạp, hai bên có cây dương xỉ cổ thụ, và đằng sau là một quả núi gầy mờ mờ tuyết phủ.

"Phong cảnh đẹp đấy chứ?" Bà Stubbs hét to và Alice cũng hét trả lời "Đẹp tuyệt!" vừa khi tiếng reo vang của lò lửa đột ngột hạ xuống, xèo xèo rồi tắt ngấm. Và câu "Thật xinh" của Alice rơi trơ trẽn trong bầu không khí hoàn toàn yên lặng.

"Kéo xích ghế lại đây chị" Bà Stubbs bắt đầu rót nước. Tay trao trà bà vừa nói vừa ngẫm nghĩ "Phải rồi, tôi không thích loại ảnh khổ nhỏ. Tôi sẽ "phóng đại" hết... Khổ nhỏ dùng làm "thiết" chúc Tết thì được, nhưng tôi chả bao giờ thích khổ nhỏ, xem không bõ. Nói đúng sự thật, xem ảnh khổ nhỏ chán phèo".

Alice rất hiểu bà Stubbs.

"Khổ rộng. Phải khổ rộng mới nên hồn. Hồi còn mồ ma nhà tôi thường hay nói thế". Nhà tôi không chịu nổi những cái gì tủn mủn. Làm ông ý ghê cả người. Nói chị không tin chứ" - đến đây bà Stubbs cựa làm cái ghế kêu kẽo kẹt và thân hình bà như nở nang thêm ra khi bà hồi tưởng những kỷ niệm xa xưa - "chính cái bệnh thủy thủng cuối cùng đã làm nhà tôi qua đời. Biết bao nhiêu lần nhà thương người ta rút trong người ông ý ra từng lít nước... Làm như ông ý bị trời phạt".

Alice nóng lòng muốn biết rõ người ta đã rút cái gì trong người ông ý ra. Chị ướm thử: Chắc là nước lã phải không?"

Bà Stubbs nhìn chăm chăm vào mặt Alice và nói một giọng đầy ý nghĩa "Rút ra một chất nước lỏng chị ạ".

Chất nước lỏng! Alice nghe mà giật cả mình, giống hệt một con mèo, giật mình rồi lại quay lại mon men ngửi ngửi, thận trọng.

"Ông ý đấy" Bà Stubbs nói và trang trọng chỉ vào bức ảnh bán thân khổ người thật, ảnh một người đàn ông vạm vỡ, trên khuyết áo cài một bông hoa hồng trắng kiến ta liên tưởng đến một khoanh mỡ cừu lạnh.

Ngay bên dưới, một hàng chữ bạc chạy trên nền bìa đỏ "Đừng sợ, anh đây mà".

Alice nói sẽ: "Trông ông nhà thật bảnh trai".

Cái nơ xanh nhạt, trên đỉnh tóc vàng quăn của bà Stubbs khẽ rung động. Bà ngoeo chiếc cổ mập mạp. Cổ ơi là cổ! Nó đỏ ửng ở gốc rồi đổi thành màu nơ đậm, nhạt dần ra màu vỏ trứng nâu, rồi chuyển sang màu kem.

"Này chị, dù thế nào thì tự do vẫn hơn cả". Bà Stubbs đột ngột nói, giọng nhỏ và rè rè giống tiếng mèo gù "Tự do là nhất đấy chị ạ". Bà nhắc lại.

Tự do! Alice bật lên tiếng cười ngớ ngẩn. Chị cảm thấy mình vụng dại; óc chị đang quay về với cái nhà bếp của mình. Kỳ quái chưa! chị chỉ muốn quay ngay về với cái bếp.

**IX**

Sau bữa trà, một hội đồng kỳ lạ, đã nhóm họp trong nhà giặt của gia đình Burnell. Chung quanh bàn có sự hiện diện của một con trâu, một con gà trống, một con lừa luôn luôn quên mình là con lừa, một con cừu và một con ong. Nhà giặt là nơi tụ họp hoàn toàn thích hợp cho những buổi quây quần như vậy, tha hồ mà reo hò không sợ phiền nhiễu. Đấy là một căn nhà nhỏ bằng tôn, ở cách xa tòa biệt thự. Cạnh tường có một cái máng sâu để đựng đồ ăn cho súc vật, trong góc, một cái thùng nấu quần áo bằng đồng, trên kê cái rổ đựng mấy cái cặp quần áo. Cửa sổ nhỏ đầy nhện chăng, bụi bậm, trên bệ cửa có một mẩu nến và một cái bẫy chuột. Ngẩng đầu lên chằng chịt giây phơi quần áo và trên tường treo một cái móng ngựa to tướng đã han rỉ. Chiếc bàn kê ngay giữa nhà, hai bên có ghế dài.

"Kezia, làm con ong không được đâu. Con ong không phải là một con vật. Nó là một con sâu bọ".

"Thế nhưng em cứ thích làm con ong". Kezia mếu máo... Một con ong nhỏ tí teo, lông vàng, chân lại kẻ dọc. Cô bé co chân lên và dựa vào bàn. Cảm thấy mình đúng là một con ong.

"Một con sâu bọ phải là một con vật, nó có thể kêu thành tiếng, không giống như con cá". Kezia lớn tiếng cãi.

"Tôi là con trâu, tôi là con trâu". Pip rống lên. To đến nỗi Lottie phát hoảng. Pip làm cách nào có thể rống to đến thế?

"Tôi sẽ là con cừu". Cậu bé Rags nói: "Sáng nay có cả một đàn cừu đi qua đây".

"Tại sao mày biết?"

"Bố nghe thấy. Be... e!" Rags kêu giống như một con cừu nhỏ lon ton hạy dằng sau đợi người ta bế lên.

"Cúc-cù-cù... u... u!" Isabel cao giọng gáy với cặp má ửng hồng; đôi mắt long lanh, trông cô hệt một con gà trống.

"Em làm con gì được?" Lottie hỏi tất cả mọi người, rồi ngồi cười cười và đợi một người quyết định hộ. Cần phải chọn một con nào dễ bắt chước.

"Em làm con lừa đi" Kezia đề nghị "Em chỉ cần kêu hai chữ Hi - hê! Không quên được đâu".

"Hi - hô! Nhưng em phải kêu vào lúc nào?" Lottie nghiêm trang hỏi.

"Để tôi bảo cho! Để tôi bảo cho! " con trâu nói. Chính con trâu cầm cỗ bài. Cậu bé giơ cỗ bài lên khỏi đầu vẫy vẫy "Tất cả im lặng nghe tôi nói" và ngồi đợi. "Nào, Lottie, nhìn đây" Cậu bé lật một quân bài lên "Lá bài này có hai chấm, thấy không? Nào, bây giờ nếu em dút lá bài này vào giữa cỗ bài, và nếu có người nào rút được một lá bài cũng có hai chấm thì em phải kêu "Hi - hô", thế là em được lá bài ấy".

"Em được lá bài ấy? Giữ nó làm của em à?" Lottie tròn xoe mắt hỏi.

"Không phải của em, đần ơi là đần! Đây chỉ là trò chơi. Em được giữ nó trong khi chúng ta chơi bài chúng ta chơi bài". Con trâu có vẻ bực mình với cô bé.

"Lottie quả có đần thật" con gà khinh khi phụ họa.

Lottie nhìn cả hai, rồi gầm đầu xuống, môi run run. "Tôi không

muốn chơi nữa". Cô bé nói nho nhỏ. Cả bọn nhìn nhau đồng lõa, ai cũng hiểu thế nghĩa là gì. Lottie sẽ bỏ đi ra chỗ khác, đứng một góc, dựa tường hay trốn sau một cái ghế, kéo áo che mặt.

"Có chứ, Lottie có chơi mà. Dễ lắm!" Kezia dỗ.

Và Isabel hối hận, nói y hệt như người lớn "Đây này, nhìn xem chị làm là em khắc hiểu ngay".

"Thôi cười đi, Lottie" Pip nói: "Đây này, anh biết rồi. Anh sẽ cho em lá bài đầu tiên. Chính ra nó là của anh, nhưng anh cho em. Đây!" Vừa nói Pip vừa vật lá bài xuống trước mặt Lottie.

Lottie lại tươi. Nhưng bây giờ cô bé gặp một vấn đề nan giải khác. "Em không có mù-soa, em muốn có cái mù-soa".

"Đây, em lấy khăn của anh mà dùng!" Rags thọc tay vào túi áo lính thủy lấy ra một cái khăn ướt sũng buộc túm "Cẩn thận đấy nhá" Rags cảnh cáo "chỉ được dùng góc khăn thôi. Đừng mở nó ra. Anh buộc một con cá nhỏ trong ấy. Anh định sẽ luyện cho nó làm xiếc".

"Thôi mau lên, các cô!" con trâu dục "Phải nhớ không được nhìn bài của mình đấy. Hai tay phải để dưới bàn, bao giờ tôi nói "Xong!" mới được bắt đầu".

Bài được chia đen dét xuống bàn. Ai cũng cố nhìn, nhưng Pip còn nhanh hơn. Khoái ghê, ngồi trong ngôi nhà giặt này; tất cả phải cố gắng mới khỏi nhao nhao nào gáy, nào rống ầm ĩ trước khi Pip chia bài xong.

"Nào, Lottie, em bắt đầu đi!

Lottie rụt rè giơ một tay ra, nhặt quân bài trên cùng của mình, nhìn thật kỹ - rõ ràng cô bé đang đếm các chấm - rồi bỏ xuống.

"Không được, làm thế không được, Lottie. Em không có quyền nhìn trước. Em phải quay nó ra phía kia".

"Nhưng làm thế ai cũng nhìn thấy như em" Lottie cãi.

Cuộc chơi tiếp tục. "Mu u... mu u..." con trâu thật hung hăng. Nó lăm le xông vào bàn gần như muốn nuốt chửng cỗ bài.

"Sè... sè..." tiếng con ong.

"Cúc cù cu u... cu!" Isabel hăng tiết dứng dậy hai tay khuỳnh khuỳnh dập như cánh gà.

"Be e...!" Cậu bé Rags vật cây Vua ca-rô xuống, Lottie cũng đẩy lá bài gọi là Vua Y pha nho ra. Cô bé sắp hết quân rồi.

"Tại sao em không kêu lên hở Lottie?"

"Em không nhớ em là con gì" con lừa tìu ngìu trả lời.

"Thế thì đổi đi! Làm con chó vậy! Gâu! Gâu!"

"Phải đấy! Làm con chó dễ hơn" Lottie lại cười.

Nhưng khi Lottie và Kezia cùng rút quân bài giống nhau và Kezia cố ý dợi mọi người ra hiệu cho Lottie, lấy tay chỉ trỏ, Lottie đỏ bừng mặt, ngẩng ra, và cuối cùng nói: Hi - hô! Kezia".

"Suỵt! Gượm đã!" Mọi người đang mê mải say sưa khi con trâu giơ tay chận lại "Có tiếng động. Cái gì thế?"

"Tiếng động dâu? Anh bảo gì?" con gà trống hỏi.

"Suỵt! Im mà nghe!" Tất cả câm như hến.

"Hình như anh nghe có tiếng ai gõ cửa" con trâu nói.

"Tiếng gõ cửa như thế nào?" con cừu hỏi se sẽ.

Không ai trả lời.

Con ong rừng mình nói nho nhỏ: "Tại sao chúng mình lại đóng cửa lại? Tại sao? Tại sao lại đóng cửa?"

Trong khi chúng mãi chơi, trời dần tối, mặt trời lặn chói sáng huy hoàng rồi vụt tắt. Bây giờ thì bóng tối vội vã phủ dầy mặt biển, đồi cát, bãi thả ngựa. Nhìn vào cái góc nhà giặt thấy rờn rợn nhưng vẫn cứ phải nhìn chăm chăm. Đâu dây, chắc bà đang thắp đèn. Mấy cái mành mành được kéo xuống, ánh lửa nhảy nhót trên cái hộp thiết dặt ở lò sưởi.

Con trâu nói "Bây giờ giá có con nhện từ trên trần rơi xuống thì kinh nhỉ?"

"Đời nào lại có nhện rơi từ trần xuống".

"Có chứ! Chị Min bảo đã thấy một con to bằng cái đĩa, có lông dài, trông giống như quả chòm chòm".

Mấy cái đầu nhỏ vội vàng ngẩng lên, những thân hình be bé sát lại, sát lại gần hơn.

"Tại sao không thấy ai đến đón chúng mình về?" Con gà kêu lên.

"Ôi, cái bọn người lớn chỉ biết cười cười, yên ổn ngồi dưới đèn uống trà. Họ quên cánh mình rồi". Không, không hẳn như thế, nụ cười của họ có ý nói. Họ quyết tình bỏ mặc lũ trẻ với nhau.

Thốt nhiên Lottie thét lên lanh lảnh làm cả bọn nhảy vội xuống đất, tất cả cùng hét. Lottie gào inh ỏi "Có đầu người - người đầu người đang nhìn!"

Đúng thật - có người thật: Một khuôn mặt tái nhợt, hai mắt đen và bộ râu đen đang dán vào cửa sổ.

"Bà ơi! Mẹ ơi! Có ai không?"

Nhưng chúng chưa kịp chạy tới cửa, xô đẩy nhau ngã thì cửa mở và Jonathan bước vào đón hai thằng con về.

X

Jonathan định đến đón từ lâu, nhưng tới trước cửa vườn thì gặp Linda đang thơ thẩn đi dạo trên cỏ, thỉnh thoảng nàng cúi xuống nhặt một bông hoa cẩm chướng héo hay nâng một chòi hoa đầu gục xuống cho nó tựa vào cái cọc, ngửi một bông hoa rồi lại tiếp tục cất bước, vẻ bâng khuâng xa xăm. Trên tấm áo trắng nàng quàng một chiếc khăn màu vàng có tua hồng, mua tại một hiệu Tàu.

"Chào anh" Linda gọi. Và Jonathan ngả mũ rộng vành, múc một vòng rồi ép chặt mũ vào ngực, quỳ một gối xuống, hôn vào tay Linda.

"Xin chào cô em mỹ miều! Chào ông Thiên Đào! Chẳng hay người công nương khác đi đâu cả rồi?" Giọng nói trầm trầm của Jonathan nghe thật êm dịu.

"Beryl đi đánh bài và mẹ đang tắm cho thằng bé... Anh định đến mượn gì phải không?

Gia đình Trout lúc nào cũng thiếu một cái gì và đến phút cuối lại chạy sang nhà Burnell vay tạm.

Nhưng hôm nay Jonathan chỉ đáp vắn tắt "Một chút tình, một chút thương", vừa nói vừa đi song hàng với cô em họ.

Linda ngồi xuống cái võng của Beryl giăng dưới cây "manuka", Jonathan nằm dài lên cỏ, dứt một ngọn đưa lên miệng nhấm. Họ rất dễ hiểu nhau. Có tiếng trẻ con vang lên ở những khu vườn lân cận. Một chiếc xe bán cá lọc cọc trên con đường cát, xa xa vẳng tiếng chó sủa u ú giống như đầu chó bị chụp trong bao tải. Nếu lắng nghe, ta sẽ thấy tiếng thủy triều dâng lên dạt dào quyến theo sỏi đá. Mặt trời đang lặn.

"Đến thứ hai anh lại phải đi làm rồi?" Linda hỏi.

"Đến thứ hai cánh cửa ngục tù lại mở ra để nhốt chặt nạn nhân thêm mười một tháng và một tuần nữa", Jonathan đáp.

Linda hơi đu đưa cái võng, "Chán nhỉ!" nàng nói chầm chậm.

"Chứ cô em xinh đẹp muốn tôi cười hay muốn tôi khóc?"

Linda đã quen với nói chuyện của Jonathan nên không lưu ý. Nàng hững hờ: "Tôi chắc rồi quen dần. Cái gì rồi cũng phải quen".

"Có thật thế không? Hừm". Tiếng đằng hắng to quá tưởng như vang lên từ dưới đất. Jonathan ngẫm nghĩ: "Tôi tự hỏi làm thế nào để quen? Tôi không thể quen được".

Trông Jonathan nằm dấy, Linda thấy chàng đáng yêu vô cùng. Cũng lạ, Jonathan chỉ là một anh thư ký quèn trong Stanley kiếm lương cao gấp đôi. Tại sao Jonathan không hơn được? Tại chàng không có tham vọng, nàng đoán thế. Tuy nhiên, phải công nhận là chàng tài hoa xuất chúng. Chàng rất mê âm nhạc, có đồng nào đem nướng cả vào sách hết. Lúc nào chàng cũng đầy sáng kiến, dự tính, kế hoạch tân kỳ. Nhưng rút cuộc chẳng đi đến đâu. Ngọn lửa mới mẻ cháy bừng lên trong Jonathan, ta gần như nghe được tiếng nó reo vang trong chàng say sưa bày tỏ ý kiến, nhưng chỉ một lúc sau, lửa tắt ngấm, để lại đóng tro tàn, và Jonathan ra đi với cái nhìn thiếu thốn đượm trong đôi mắt đen. Những lúc ấy chàng thường cố nói kỳ cục thêm. Và những khi chàng hát trong nhà thờ - Jonathan dẫn đầu ban hợp xướng - chàng bộc lộ tình cảm một cách nồng nàn sâu đậm khiến cho bản hát dù tầm thường đến đâu cũng trở nên huy hoàng.

"Đối với tôi phải đi làm ngày thứ hai là cả một sự đầy đọa, là địa ngục" Jonathan nói "Từ trước đến nay và sau này cũng sẽ thế thôi. Suốt quãng đời đẹp nhất của tuổi thanh xuân trôi đi để ngồi trên một cái ghế từ 9 giờ sáng đến 5 giờ chiều, chép chép, xóa xóa trên mấy quyển sổ. Đấy là một cách lãng phí đời kỳ quái nhất, hoang phí đời sống độc thân của mình. Có đúng thế không? Hay là tôi chỉ nằm mộng?" Chàng lăn một vòng trên cỏ rồi ngước nhìn lên Linda:"Cô thấy đời tôi với đời một tên tù có gì khác nhau đâu? Có khác chăng chỉ là tự tôi đem thân vào tù ngục và sẽ chẳng ai cứu tôi ra. Tình trạng này còn tệ gấp mấy cái cảnh tù thực sự. Vì nếu tôi bị ấn vào tù mặc dù tôi không muốn - bị đá đít đẩy vào - thì một khi cửa ngục đóng lại, hay ít nhất cũng độ năm năm sau, có thể tôi sẽ chấp nhận và bắt đầu chăm chú nhìn đàn ruồi bay, bay đếm tiếng chân người canh tù đi lại, đặc biệt nghe ngóng tiếng chân nặng hay nhẹ. Nhưng như hiện tình, tôi chẳng khác nào một con ruồi tự ý bay vào phòng. Tôi phóng mình vào tường, phóng mình vào cửa kính, đập mình trên trần nhà, làm đủ mọi việc trên đời này, chỉ trừ bay ra. Và lúc nào tôi cũng nhĩ, y như con thiêu thân ấy, hay con bướm nọ, hay bất cứ con gì. "Cuộc đời ngắn ngủi! Cuộc đời ngắn ngủi!" Tôi chỉ sống có một đêm hay một ngày, mà ngoài kia lại có cả một khu vườn bao la, hiểm nguy giăng mắc đang đợi chờ tôi. Khu vườn chưa ai khám phá ra, chưa ai thám hiểm".

"Nếu anh nghĩ như thế thì tại sao - " Linda hỏi nhanh.

"A" cái tiếng "a" của Jonathan gần như có ẩn sự vui mừng "A, cô bắt được tôi rồi. Tại sao ư? Ừ, tại sao? Đấy là câu hỏi điên đầu, huyền bí. Tại sao tôi không bay ra? Bởi vì đã có cái cửa sổ hay cửa lớn hay bất cứ cái gì do đó tôi bay vào. Cái đó không đóng chặt, vô vọng, phải không? Tại sao tôi không tìm nó để bay ra? "Nhưng Jonathan không để Linda kịp trả lời.

"Tôi giống hệt con ruồi ấy. Vì một lý do nào đó - " Jonathan ngừng lại ngẫm nghĩ "Con ruồi không có quyền... không được phép, luật lệ của ruồi cấm không cho nó ngừng - dù chỉ là một phút - gieo mình dậm mình, leo lên leo xuống cửa kính. Tại sao tôi không bỏ sở mà đi? Tại sao tôi không nghĩ xem - như bây giờ chẳng hạn - nghĩ xem cái gì ngăn

chặn không cho tôi nghỉ việc? Tôi có bị câu thúc hoàn toàn đâu? Tôi chỉ có hai thằng con phải nuôi, nhưng nghĩ cho cùng chúng là con trai. Tôi có thể ra khơi hay kiếm một việc ở nhà quê, hay là - Thốt nhiên chàng cười với Linda và dổi giọng như đang tiết lộ một điều bí mật. "Nhu nhược... yếu hèn. Không có khí phách. Không có bến đậu. Thiếu nguyên tắc chỉ đạo, cứ tạm cho cho là thế" rồi cái giọng trầm buồn êm ái cất lên:

Nàng có nghe chăng

Câu chuyện kể rằng...

Cả hai cùng im lặng.

Mặt trời đã lặn. Hướng tây có những tảng mây lớn dồn lại màu hồng. Từng dãi nắng xuyên qua mây và đi xa thêm nữa như muốn bao phủ cả bầu trời. Trên không, màu thanh thiên nhạt dần, chuyển sang màu vàng phai và bụi cây rậm đen lấp lánh ánh nắng như có kim khí phản chiếu. Đôi khi những tia nắng trên trời gây một cảm giác oai nghiêm, nó khiến ta nghĩ đến Chúa Trời trị vì trên ấy, một Chúa Trời ghen ghét, đầy quyền uy. Dôi mắt soi mói theo dõi hành động của ta không bao giờ hết mệt. Ta nhớ rằng khi Chúa Trời xuất hiện thì cả trái đất tan biến thành bãi tha ma; các thiên thần chói lói sẽ lạnh lùng xô đẩy ta đi đường này, đường kia, và sẽ không còn thì giờ để giảng giải những gì rất dễ giảng giải... Nhưng tối nay Linda linh cảm có cái gì vui vô cùng, rất trìu mến trong những tia nắng bạc kia. Bây giờ không nghe thấy tiếng biển nữa. Mặt biển thở nhẹ như muốn thu hút vào lòng cái vẻ đẹp tưng bừng ấy.

"Tất cả đều lầm, tất cả đều lầm lẫn" Giọng nói âm thầm của Jonathan lại cất lên "Không phải lỗi tại khung cảnh... không phải vì... ba cái ghế dầu, ba cái bàn viết, ba lọ mực và một cái mành mành cuốn".

Linda biết không bao giờ chàng thay đổi, nhưng cũng nói: "Bây giờ có muộn quá không?"

"Già rồi - Tôi già rồi" Jonathan ngân nga, chàng cúi xuống Linda,

tay vuốt tóc "Hãy nhìn đây" Mái tóc đen của chàng lốm đốm bạc, giống như bộ lông ngực một con chim đen.

Linda sửng sốt. Nàng không ngờ tóc chàng đã hoa râm. Tuy vậy, khi chàng đứng bên cạnh, thở dài và vươn vai, lần đầu nàng thấy chàng thiếu can trường, thiếu quật cường, thiếu chí khí, không phải cẩu thả bừa bãi, nhưng đã chớm già. Trên bãi cỏ dần dần tối, trông Jonathan cao lênh khênh. Linda thoáng nghĩ "Jonathan giống như một ngọn cỏ dại".

Chàng cúi xuống hôn ngón tay nàng.

"Trời sẽ ban thưởng cho tấm lòng kiên nhẫn dịu dàng của cô em". Jonathan thì thầm "Giờ thì tôi phải đi đón mấy thằng con nối dõi tông đường của tôi". Và chàng cất bước.

**XI**

Ánh đèn chiếu sáng qua khung cửa sổ của tòa biệt thự. Hai vuông đèn vàng rơi xuống những bông cẩm chướng và hàng cúc vàng đứng thẳng. Con mèo Florrie bước ra hiên, ngồi xuống bực thềm cao nhất, hai chân trắng chụm vào nhau, cái đuôi cong lên. Trông chị ta rất thỏa mãn, như là suốt cả ngày chị chỉ đợi có giờ phút này.

"Tạ ơn Trời đất, tôi đến nơi rồi, tạ ơn Trời đất, một ngày dài đã qua" Florrie nói, đôi mắt xanh mở rộng.

Ngay lúc ấy có tiếng xe lọc cọc và tiếng roi ngựa của Kelly. Xe đến đủ gần để nghe rõ tiếng những người đi tỉnh về nói oang oang. Xe đỗ trước cửa nhà Burnell.

Stanley mới đi được nửa đường về nhà thì thấy Linda "Em đấy à?"

"Vâng".

Chàng nhảy qua khóm hoa, ôm nàng vào lòng. Nàng mềm người trong vòng tay thân yêu siết chặt.

"Anh xin lỗi em, em tha thứ cho anh" Stanley lắp bắp, đưa tay nâng cằm vợ lên.

"Tha thứ cho anh?" Linda mỉm cười "Nhưng tha thứ cái gì mới

được chứ?" "Trời ơi, chẳng lẽ em quên? Suốt cả ngày hôm nay anh cứ áy náy không yên, như sống trong địa ngục. Có lúc anh đã định đánh cho em cái giây thép, sau nghĩ lại có khi anh còn về trước khi nó đến tay em nên lại thôi. Anh đã bị lương tâm cắn rứt, em biết không, Linda?"

"Nhưng Stanley, em phải tha thứ cho anh chuyện gì?"

"Linda!" Stanley bất mãn "Thế em không nhận thấy - em phải nhận thấy rằng sáng nay anh đi làm mà không hôn chào em chứ? Anh không thể tưởng tượng mình có thể làm một chuyện như thế. Cố nhiên tại anh là cái thằng xấu tính. Nhưng thôi" - và chàng thở dài rồi ôm nàng "Anh đã đau khổ cả một ngày hôm nay rồi".

"Anh cầm ái gì trong tay thế? Bao tay mới phải không? Đưa em xem nào".

"Ôi, cặp bao này bằng da khá rẻ" Stanley bẽn lẽn nói "Sáng nay, trong xe hàng anh thấy thằng cha Bell dùng một đôi như thế. Và nhân khi đi ngang qua cửa hiệu, anh rẽ vào mua một đôi. Tại sao em cười? Em không cho là anh hoang phí chứ?"

"Trái... ái lại" Anh làm thế rất phải".

Nàng ướm thử một chiếc bao tay rộng thùng thình màu nhạt, đưa lên ngắm nghía, xoay đi xoay lại, miệng vẫn mỉm cười.

Stanley muốn nói "Anh vừa mua, vừa nghĩ đến em" Sự thật là như thế, nhưng không hiểu sao chàng không thể thốt lên lời. "Mình vào nhà đi" Stanley nói.

**XII**

Tại sao ban đêm ta lại có những cảm giác khác ban ngày? Tại sao ta lại rạo rực khi thấy mình thức giấc lúc tất cả mọi người còn yên giấc? Khuya rồi - khuya lắm rồi. Nhưng mỗi lúc ta lại thấy tỉnh táo thêm tưởng như mỗi hơi thở dẫn ta đi sâu vào một thế giới mới lạ, tuyệt vời, rờn rợn và kích thích hơn cả thế giới ban ngày. Lại còn cái cảm giác kỳ cục làm như mình là một kẻ đồng lõa là cái gì? Nhẹ nhàng, rón rén, ta đi đi lại lại trong phòng, nhấc một vật gì lên rồi lại đặt nó xuống

bàn phấn không một tiếng động. Và tất cả, kể cả mấy cái cột giường cũng biết ta, đáp ứng ta, chia xẻ niềm bí mật với ta...

Ta không mấy ưa căn phòng ta lúc ban ngày. Chẳng bao giờ ta nghĩ đến nó. Ta đi vào, ta đi ra, cửa đóng, cửa mở, cái tủ cót két. Ta ngồi xuống cạnh giường, thay đôi giầy, rồi chạy vọt ra. Cúi vội xuống nhìn bóng trong gương, gài lại mái tóc, thoa nhẹ chút phấn lên mũi, rồi lại chạy đi. Nhưng bây giờ tự dưng ta quý cái phòng. Nó là một căn phòng của riêng ta. Của riêng ta.

"Em là của riêng anh và mãi mãi".

"Vâng". Môi họ chạm nhau.

Không, dĩ nhiên nó không liên quan gì đến chuyện này. Đây chỉ là một chuyện vô nghĩa lý, tầm phơ. Mặc lòng, Beryl nhìn thấy rõ ràng hai người đứng giữa căn phòng của nàng. Hai tay nàng vòng quanh cổ chàng, và chàng đang ôm nàng. Rồi chàng thầm thì "Em đẹp lắm, em yêu quý của anh". Beryl nhảy ra khỏi giường, chạy về phía cửa sổ, quỳ xuống, khuỷu tay chống vào thành cửa sổ. Cả cái đêm tuyệt mỹ này, cái vườn này, bụi cây, tàu lá, cả cái hàng rào trắng, cả những ngôi sao cũng đồng lõa với nàng. Mặt trăng chói ngời khiến những đóa hoa sáng trưng như ban ngày, bóng cây sen cạn, với những chiếc lá trắng tinh như bông huệ, và những đoá hoa nở rộng đang phơi mình trên hiên sáng như bạc. Cây "manuka" uốn mình theo ngọn gió, giống như con chim đứng một chân đang xòe cánh.

Nhưng khi Beryl nhìn vào bụi cây, nàng thấy dường như cây buồn thiu.

"Chúng tôi là những cây câm lặng, đêm đêm vươn mình lên, khẩn cầu một điều gì chẳng rõ" bụi cây buồn buồn than thở.

Khi ta cô đơn và suy luận về đời, quả thật bao giờ ta cũng buồn. Tất cả mọi niềm say sưa, đột nhiên bỏ ta, và hình như trong đêm khuya vắng, có ai gọi tên ta "Beryl" lần đầu ta nghe thấy tên ta.

"Em đây! Beryl đây! Ai gọi em thế?"

"Beryl!"

"Đợi em một giây"

Sống một mình quả thật cô đơn. Dã đành nàng vó cả đống bạn bè, họ hàng, nhưng đấy không phải là điều nàng muốn nói. Nàng muốn có một người nhìn nàng với cặp mắt khác thường, và người ấy muốn nàng sẽ mãi mãi là cô Beryl thứ nhì, không phải cái cô Beryl mà mọi người thấy thường này. Nàng muốn có một người yêu.

"Anh hãy đưa em đi xa, thoát lý khỏi đám người này. Chúng ta đi thật xa, chúng ta sẽ bắt đầu sống cuộc đời của chúng ta hoàn toàn mới lạ, hoàn toàn của riêng ta. Chúng ta lập lại cuộc đời. Ta hãy đốt lửa lên, ngồi xuống ăn chung. Ta hãy cùng nhau trò chuyện suốt đêm thâu".

Và ý nghĩ của nàng gần như: "Anh ơi, cứu em với, cứu em đi".

"Thôi đừng làm bộ, làm điệu nữa! Hãy hưởng đời đi, khi cô mình còn trẻ. Tôi khuyên cô mình như thế". Và một dịp cười the thé như điên, hòa nhập với cái giọng lãnh đạm oang oang như ngựa hí của bà.

Thấy không, khi người ta có một mình thì chuyện gì cũng khó khăn. Ta phải chịu lụy đủ mọi thứ. Ta không thể cứ nói sẵn. Và ta lúc nào cũng có cảm giác khó chịu thấy mình còn thiếu kinh nghiệm, cáu kỉnh như mấy mụ già ở ngoài bãi biển. Và - và khi biết ta có sức quyến rũ mọi người, ta khoan khoái biết bao! Quả thật hấp dẫn...

"Ôi, tại sao, tại sao "chàng" vẫn chưa đến?"

"Nếu mình tiếp tục sống ở đây", Beryl nghĩ thầm, "Chuyện gì cũng có thể xảy ra".

Nhưng một giọng nói nho nhỏ bên trong ỡm ờ hỏi vặn "Làm sao cô biết chắc "chàng" sẽ tới?"

Nhưng Beryl làm lơ. Nàng không thể bị ế chồng. Người khác có thể bị ế, quyết không phải nàng. Không thể nào tưởng tượng được Beryl lại không lấy nổi một tấm chồng, cái cô gái mỹ miều, quyến rũ ấy.

"Này, có nhớ Beryl Fairfield không?"

"Cố nhiên! Làm sao quên nổi cô ta được? Mình đã thấy cô ta trên bãi một mùa hè. Lúc ấy cô đang mặc một chiếc áo mỏng màu xanh - không phải, màu hồng - tay giữ chiếc mũ rộng màu kem - không, màu đen - một chiếc mũ rơm. Nhưng đã lâu lắm rồi".

"Cô ta vẫn đẹp như ngày nào, có phần càng ngày càng đẹp ra".

Beryl mỉm cười, cắn môi, nhìn xuống vườn. Và nàng thấy một bóng người, một người đàn ông dời con đường cái thả bước mon men theo sân ngựa ở kế cái hàng rào của nhà nàng, có vẻ như đang tiến thẳng về phía nàng. Tim nàng đập mạnh. Ai thế nhỉ? Ai mới được chứ? Không phải là kẻ trộm rồi, nhất định không phải kẻ trộm bởi anh ta đang hút thuốc và đi tung tăng. Tim Beryl đập thình thịch, gần như lồng lộn trong ngực nàng rồi dừng lại. Nàng đã nhận ra người đàn ông.

"Chào cô Beryl" giọng êm dịu cất lên.

"Chào anh".

"Mới có xuống đi tản bộ một tí" giọng nói kéo dài nhừa nhựa.

Đi tản bộ? Giờ này mà đi tản bộ? "Không, tôi không thể đi được. Mọi người đều đã lên giường, đều đã đi ngủ cả rồi".

"Ồi" Giọng nói nhẹ nhàng và một luồng khói thuốc ngọt ngào bay lên. "Thấy kệ mọi người. Xuống đi. Đêm nay trời đẹp lắm. Lại vắng ngắt chẳng có một ma nào cả".

Beryl lắc đầu. Nhưng đã có cái gì ngọ nguậy trong lòng nàng, cái gì ngóc đầu dậy.

Giọng nói cất lên giễu cợt: "Sợ hả? Tội nghiệp cô bé con".

"Sợ cóc gì?" Beryl đáp. Cái vật trong lòng nàng dường như đã vươn ra, mỗi lúc một mạnh, nàng khao khát muốn xuống.

Và hình như người kia hiểu rõ, giọng nói dịu dàng, hiền hòa nhưng cương quyết cất lên.

Beryl trèo qua chiếc cửa sổ thấp, chạy trên bãi cỏ ra cổng. Chàng đã đứng đấy chờ sẵn.

"Có thế chứ" giọng nói thoảng như hơi thở, trêu cợt: "Cô bé không sợ đấy chứ? Có sợ hay không?"

Nàng sợ, bây giờ đứng đây mới thấy sợ, và nàng có cảm giác mọi vật khác hẳn. Ánh trăng chòng chọc và sáng ngời chiếu vào nàng, bóng cây giống như những gióng cửa bằng sắt. Chàng cầm tay nàng.

"Sợ quái gì?" Beryl ra vẻ không quan tâm. "Việc gì tôi phải sợ?" Chàng nhè nhẹ kéo tay nàng, lôi đi nhưng Beryl co lại.

"Không, tôi không đi xa nữa đâu".

"Thôi đi, đừng làm điệu" Harry Kember tỏ vẻ không tin "Lại đây. Chúng mình chỉ đi đến bụi lồng đèn đằng kia thôi. Đi!"

Bụi lồng đèn khá cao. Cây rủ lê thê xuống hàng rào như suối chảy. Bên dưới có một khoảng tối om.

"Không, thật đấy. Tôi không thích đi xa hơn nữa". Beryl nói.

Trong một lúc Harry Kember không trả lời. Rồi chàng tiến sát nàng, quay lại mỉm cười và nói nhanh "Thôi, đừng ấm ớ nữa, đừng ấm ớ nữa".

Nụ cười của chàng là một cái gì mà chưa bao giờ nàng thấy. Anh chàng có say rượu không? Cái nụ cười tươi sáng, lì lợm đáng ghê khiến nàng lạnh toát vì khiếp nữa. Nàng đang làm gì đây? Sao nàng lại ở đây? Khu vườn nghiêm khắc tra vấn nàng, khi chiếc cửa vườn bị đẩy ra và nhanh như cắt Harry Kember vượt cổng kéo nàng vào lòng.

"Cái con quỷ nhỏ lạnh lùng này! Con quỷ!" Giọng nói khả ố cất lên.

Nhưng Beryl mạnh lắm. Nàng luồn bên này, chui bên kia và vùng thoát khỏi vòng tay chàng.

"Đồ tồi! Đồ tồi!"

"Nếu không thích thế thì cô xuống đây làm gì?" Harry Kember lắp bắp.

Không có ai trả lời chàng.

Một đám mây nhỏ ung dung bay lướt qua mặt trăng. Trong giây phút tối tăm ấy, tiếng sóng biển nghe sâu thẳm và thiếu bình tĩnh. Đám mây thư thái bay đi và tiếng biển nghe nhỏ nhẹ, mơ hồ như vừa tỉnh giấc sau cơn ác mộng. Vạn vật bất động. □

Tìm đọc:

**THƯ KHÔNG NGƯỜI NHẬN**

Truyện ngắn Hoàng Khởi Phong

*TRẦN MỘNG TÚ*

# CẢM ƠN

*

*Cảm ơn con đường nhỏ*
*Bờ cỏ hoa vàng au*
*Cảm ơn sương phủ núi*
*Hai bóng hòa chung nhau*

*Cảm ơn rừng dan mộc*
*Im, ngắm chàng hôn tôi*
*Đá cũng lòng rung động*
*Dưới lưng, chia bồi hồi*

*Cảm ơn vòng tay siết*
*Tôi tan trong phù du*
*Cảm ơn suối róc rách*
*Thoáng rừng mình – thiên thu*

*Cảm ơn chàng cúi xuống*
*Trao tình yêu thật đầy*
*Tôi hé môi cắn ngập*
*Hạnh phúc lẫn men cay*

*Xin cảm ơn định mệnh*
*Đắt chúng tôi tìm nhau*
*Đóa hồng buông ngọn suối*
*Biết trôi về nơi đâu*

TRẦN THỊ DIỆU TÂM

# ngày hè trên biển

*

Khi nghe Bertrand nói phải qua Thụy Sĩ họp vài ngày rồi mới trở về Paris đem vợ con đi nghỉ hè, tôi mừng thầm nói với chồng: "Vậy thì em đem Jonathan xuống dưới ấy trước. Anh họp xong đi thẳng về dưới đó luôn". Bertrand đồng ý.

Tôi mừng vì được sống một mình thong thả với con. Không còn bận bịu với những công việc nhạt nhẽo hằng ngày. Tôi sẽ được thư thái riêng tư một mình với con, dù chỉ trong đôi ba ngày.

Hai mẹ con tôi đi xe lửa về tỉnh Sable, một vùng biển phía Tây Nam nước Pháp. Đây là lần đầu tiên tôi đi hè ở miền biển, kể từ ngày qua đây mười mấy năm. Vì biển vẫn còn cái gì rờn rợn trong tôi. Nay Jonathan được sáu tuổi, mỗi lần nhìn thấy biển trong chương trình truyền hình "Dorothée", con tôi tỏ vẻ thích thú. Tôi cũng muốn cho Jonathan nhìn thấy bãi biển thực sự ở ngoài.

Jonathan còn có một cái tên Việt do tôi đặt là Sơn. Tôi thấy cái tên Jonathan do Bertrand đặt nó cầu kỳ làm sao ấy, lại chẳng có nghĩa gì cả. Còn Sơn, sơn là núi, núi vững muôn đời.

Mỗi lần sọi con "Sơn ơi, Sơn của mẹ ơi", tôi nghe chừng tình mẹ con ngọt ngào tha thiết biết bao nhiêu.

Khi biết con tôi bắt đầu là nụ non xanh đang hé nở trong lòng, tôi có những rung động hồi hộp không nguôi. Cái gì đang ở trong người tôi là thuộc về riêng tôi, tôi được chiếm giữ.

Tôi xúc cảm cùng với con tôi trên từng hơi thở trong mỗi phút mỗi giây. Chung một linh hồn, chung một tiếng nói. Tôi muốn những mẩu tự với các âm thanh huyền diệu mà tôi từng được nghe lúc ôm cuống nhau trong bụng mẹ, thì cùng được thấm qua tế bào đầu tiên da thịt con tôi.

Tiếng "mẹ dẻ" là tiếng nói của người mẹ cưu mang con mình, tiếng mẹ thì thầm với con. Đứa con lần đầu tiên biết nghe giọng người là tiếng của người mẹ. Dù con tôi chưa ra đời nhưng nó được nghe tiếng tôi tâm sự với nó trong cái nôi cung mầu nhiệm. Tôi thèm đọc sách đọc truyện tiếng Việt.

Những vần thơ tiền kháng chiến nghe như tiếng suối róc rách, mát rượi hương đồng nội. Tôi muốn con tôi ngửi được hương thơm ấy, uống được dòng suối chảy ra từ núi đá. Có những câu thơ đáng được kính trọng của Thâm Tâm tôi nhớ hoài:

*Đứa người ta không đứa qua sông*
*Sao có tiếng sóng ở trong lòng*
*Ráng chiều không thắm không vàng vọt*
*Sao đầy hoàng hôn trong mắt trong*

Người viết những câu thơ ấy đã chết trong nỗi tịch liêu, mịt mờ ánh sáng mù lòa của một thứ ảo vọng điên. Chết không có bạn bè, giữa một núi rừng hoang dại không hiểu thơ, chỉ có một chú giao liên nhỏ, chạy khắp bản làng xin một miếng vải trắng bịt khăn tang.

Phải suy nghĩ như thế nào để có những vần thơ hay đến thế. Ngày xưa các cụ bảo: "phải dạy con từ trong bụng mẹ". Tôi không biết dạy con những điều phải trái ở đời, tôi chỉ muốn con tôi trước hết có trái tim biết rung động của một con người toàn vẹn người. Người thật, không phải người giả dối.

Lúc Sơn bắt đầu bập bẹ tập nói. Tôi ôm con vào lòng, nhỏ nhẹ: "Sơn ơi, con hãy nói tiếng Việt cho mẹ nghe nhé, chỉ có lời được nghe từ miệng con, từ thương yêu của mẹ, mới làm cho mẹ ấm lòng".

Sơn nói những câu: "Mẹ ơi, con đói". "Mẹ ơi, con thương mẹ lắm". Tôi như thấy quê hương cùng làng xóm xa tắp kia đang cạnh mình. Tôi

thường nói nhỏ với con: "Dù con không có đầu tóc đen như mẹ, dù mũi con cao hơn mẹ, dù da con không có màu như da mẹ, nhưng nếu con mang trong lòng một tấm lòng khi nói về quê hương mẹ, thì con chính thật là người Việt như mẹ, như con của mẹ".

Người ta đang hô hào mọi cách mọi lối để kéo ngày về lại quê xưa. Ngày ấy, liệu rằng tôi có được về sống bên ấy chăng. Đời nơi đây, bên cạnh người bạn không cùng chủng tộc, mỗi ngày cứ mọc ra những rễ con rễ phụ chằng chịt bủa vây tôi, chôn tôi chặt cứng vào miền đất này.

Con tôi sẽ là một đồng bào đồng loại với tôi. Tôi sẽ kể cho người đồng bào ấy về những ngày xưa, cùng với mơ ước tương lai, để những ngày còn sống không bị xóa nhòa theo thời gian.

*

Xe lửa bắt đầu vào tỉnh Sable. Cây cối hai bên đường đã đổi khác, cứng và có nhiều đám lá khô. Trong gió nghe có mùi mặn của nước biển. Thỉnh thoảng nhô ra những đợt cát trắng.

– Sơn ơi, Sable là cát.

– Cát là gì hả mẹ?

Tôi ngẫm nghĩ, không biết cát là gì thật. Tôi trả lời:

– Ở vùng biển mới có cát.

Con tôi có thói quen bắt tôi giải nghĩa mọi thứ bằng hai chữ "là gì". Làm sao định nghĩa được mọi điều với hai dấu gạch song song. Cái này không thể là cái kia chỉ là một phần của cái tính chất kia. Trong thế giới mù mờ này làm sao hiểu ý nghĩa hết mọi thứ xảy ra trước mắt mình.

Cũng như tôi, tại sao tôi trở thành vợ của Bertrand? Một ngẫu nhiên, hay là sự sắp đặt của số kiếp? Tôi chẳng hiểu. Chỉ có tờ giấy hôn thú là giải thích định nghĩa được tôi là vợ của anh ta. Nhưng chữ làm sao định nghĩa được người.

Tôi thấy Sơn nhìn ra hai bên đường, yên lặng vì thấy mẹ muốn yên lặng. Những đồi cát trắng làm tôi nhớ đến những chuyến xe lửa từ Huế vào Đà Nẵng, cũng có những khoảng cát trắng trồi lên ở vệ đường quốc lộ.

Xe lửa, một biểu tượng chuyển động nối vùng quá khứ này qua vùng quá khứ nọ. Xe lửa, mà âm thanh cứ xình xịch hoài trong tâm tưởng. Chuyến xe lửa hôm nay tôi khởi hành từ Paris với ghế nệm bọc da êm ái, với cửa kính trong suốt hai bên. Thế mà tôi không thấy nó đẹp như những chuyến tàu ngày xưa tôi đi vào các dịp nghỉ hè.

Khi xe lửa ngày xưa ấy xuyên những con đường hầm tối như đêm ba mươi, tôi phải lấy áo dài bịt mũi, nhắm mắt, nín thở để tránh bụi than. Nhưng có người họ không làm thế, họ làm cách khác: Họ hôn nhau. Hầm Sen là đường hầm dài nhất, và thường được nhắc nhở trong giai thoại của những mối tình xứ Huế. Huế, đầy tình sử. Học trò có tình học trò. Thầy cô có tình của thầy cô. Giờ đây kẻ mất người còn, kẻ chết mang theo nỗi hận sầu, người sống ôm mãi mối thiên thu. Nhớ đến tàu lửa thì nhớ đến sân ga. Sao quê tôi lại có nhiều sân ga buồn hiu buồn hắt đến thế. Xe chạy qua rồi, mà vẻ thê lương của sân ga còn bám theo người ngồi trong toa.

Sơn ngồi bên cạnh, sốt ruột vì phải giữ im lặng, cầm tay tôi lắc mạnh:

– Mẹ ơi, biển có giống như trong télé không?

– Chốc nữa con sẽ thấy.

Sơn lại hỏi:

– Biển có màu xanh vert?

– Không đúng.

– Nó có màu xanh bleu?

– Cũng không phải.

Sơn suy nghĩ. Con tôi có khiếu vẽ từ năm học mẫu giáo đầu tiên. Những bức tranh treo ở phòng khách nhà thường có tên Sơn Jonathan.

Sơn bỗng nói:

– Chắc nó có màu xanh noir?

Tôi ngạc nhiên:

– Tại sao lại xanh đen?

– Tại vì con nghe mẹ nói có người chết ở biển. Chắc nó noir lắm.

Tôi thấy gai gai rờn rợn. Thỉnh thoảng cậu con bé bỏng nói nhiều câu nghe dễ sợ thật.

Xe đã vào phố, nhẹ nhàng đỗ lại sân ga. Tôi dắt tay Sơn, tay kia cầm cái xắc tay lớn bước xuống. Sân ga đầy người tóc vàng, tóc nâu, không có một đầu tóc đen Việt Nam nào để cho mình cảm tưởng một người đang đón đợi. Như ở một sân ga nào đó trong xa lắc xa lơ.

Chiếc taxi đưa hai mẹ con tôi đến một căn phòng đặt thuê từ hai tháng trước. Chủ nhân là một ông Tây "cựu thuộc địa", ngày xưa đi lính ở Việt Nam. Thấy tôi người Việt, ông say sưa kể lại những ngày còn trẻ bên ấy. Có lẽ đó là thời kỳ hạnh phúc nhất của ông ta chăng. Tội nghiệp, ai cũng tưởng dĩ vãng của mình mới là đáng quý, đáng kể.

Sơn nói:

– Mẹ ơi, mình ra ngoài biển đi mẹ.

Tôi thay áo quần tắm cho con và cho tôi, tôi mặc thêm một cái jupe bằng vải mỏng và choàng khăn tắm qua người. Biển trước mặt nhà, đang xanh mát. Bãi cát đầy người. Những thân thể đang cho nắng cho gió vuốt ve. Những cặp mông nhô lên, những đồi vú căng ra. Tôi dẫn Sơn len lỏi qua đám thịt đa ê hề. Sơn nép sát bên cạnh mẹ, có vẻ ngượng khi thấy người lớn ôm nhau hôn thật tình trước mặt nó.

Nước biển tràn lên bờ, ùa vào chân.

– Con muốn xuống tắm không?

Sơn nhìn ra biển, có vẻ do dự, rồi nói:

– Biển nó lạnh.

Tôi cũng thấy nước trên chân hơi lạnh.

– Có lẽ tại hôm nay ít nắng.

Sơn nhìn lên trời tìm kiếm, hỏi tôi:

– Tại sao hôm nay biển không có soleil?

Tôi hiểu con, trong các sách tranh ảnh, Sơn luôn luôn thấy có một mặt trời ở giữa quang cảnh mùa hè trên biển. Tôi định nói để giải thích cho con hiểu là thiên nhiên không phải lúc nào cũng cố định, mặt trời

cũng hay đi đạo lang thang. Nhưng sợ Sơn lại đặt cho tôi một lô câu hỏi với chữ "là gì" càng rắc rối.

Sơn nói một câu gì đó tôi chỉ nghe được chữ soleil lập lại, Sơn không nói chữ mặt trời. Có lẽ trong trí óc non nớt, đã có một ai gây ấn tượng mạnh và rõ ràng khi nói đến chữ soleil, hoặc Sơn đã thấy trong một bức tranh vẽ về soleil.

Chứ ở Paris làm gì có mặt trời nhỉ. Ban ngày tôi không thấy mặt trời, ban đêm tôi không thấy mặt trăng. Nhìn ra chỉ thấy toàn xe cộ và nhà cửa chen lấn nhau.

Sự sống ở thành phố lớn đã cắt đứt sợi giây thân ái giữa con người và thiên nhiên. Tôi chỉ thấy mình ràng buộc mật thiết với cây kim đồng hồ. Tôi ghét nó vô cùng, mà mỗi giây mỗi phút phải nhìn lấy nó. Cây kim đồng hồ lãnh đạo đời sống mỗi người như một vòng tròn nghiệp chướng bắt người cứ quay tròn quay tròn. Cái điểm cuối trở thành điểm bắt đầu, cứ thế cho đến một ngày, mất nhắm lại. Kim đồng hồ không còn xê dịch.

Người ta chỉ biết có sự hiện diện của mặt trời trên trái đất nhiều lúc không thấy được mặt trời như thế nào. Còn tôi, có một lần tôi được gặp gỡ vị vua ban ngày ấy.

Một lần tôi về thăm một người bạn ở vùng ngoại ô xa Paris. Tôi đi xe điện ngầm RER trong một buổi sáng mùa Đông. Toa tàu hôm đó sao chỉ có mình thôi. Tàu chạy băng băng qua một cánh rừng thưa. Rừng trắng xóa phủ đầy tuyết, dưới tuyết trên tuyết, chỉ lờ mờ thấy những đường viền đen của các nhánh cây đâm ngang. Tôi đang rùng mình vì màu trắng của một sa mạc lạnh. Bỗng không biết từ đâu, một khối ánh sáng vàng óng, rực rỡ chói lòa trước mắt. Khối ánh sáng óng ả ấy chạy theo toa tàu, chạy theo tôi, rưới tràn những tia nắng ấm áp trên thân thể tôi đang co ro trong lớp áo nỉ dày. Lần đầu tiên tôi thấy mặt trời hiển hiện kỳ diệu như thế, chỉ trong phút chốc đem cho tôi sự ấm áp trộn lẫn cái ngất ngây một cuộc hạnh ngộ giữa người và trời. Mặt trời duổi hết rừng cây lạnh lẽo ra phía sau, dành lấy khoảng trống ở mặt cửa kính, cho tôi được cận kề. Tôi ngồi xích ra phía cửa sổ để tận

hưởng lấy tất cả ánh sáng ân sủng ấy, đang phủ đầy lên mắt lên mũi tôi. Tôi nhắm mắt, ánh sáng nồng nàn và tình tứ. Tôi được che chở, ủi an. Tôi cười, mở mắt ra thấy mặt trời lấp lánh cười theo tôi. Nhưng khoảnh khắc ấy không kéo dài. Hạnh phúc tìm thấy thật ngắn ngủi, nhưng cũng đủ cho tôi hiểu thế nào là ý niệm mặt trời, được giải thích bởi sự cảm nhận của riêng tôi. Và mặt trời biến mất, không một từ giã. Bồi hồi còn đọng trên thịt, trên da và trong hồn tôi. Tôi còn lại một mình trong toa tàu vắng, cứ ngỡ rằng mình vừa gặp một phép lạ, một miracle của trời đất ban cho. Cho đến giờ ngồi kể lại, tôi còn thấy xúc động, không biết thế nào mà nói cho đúng. Chỉ nhớ một điều: thiên nhiên luôn bao dung và nhân ái. Cứ mỗi mùa Đông tới, tôi hồi hộp xin cho gặp Người Ấy một lần nữa, sống lại vài giây phút như hôm ấy, nhưng phép lạ khó xảy ra một lần thứ hai. Hay là đang biểu hiện dưới một dạng thức khác mà tôi chưa biết cảm nhận.

Tôi xách dép trên tay đi dần về cuối bãi. Sơn chạy lúp xúp ở phía trước. Nơi đây có nhiều ghềnh đá, sóng biển vỗ ào ạt, bọt biển bắn lên tung tóe. Những tảng đá ở đây dù cao dù thấp, đều được sóng nước xoa dịu vỗ về, nên tảng nào cũng bằng phẳng, trơn bóng tròn trịa. Đá không còn mang bản chất sần sùi cộc cằn nữa. Đá mát rượi nơi bàn tay.

Đám chim biển tụ tập nơi này rất đông. Có lẽ chúng ghét lũ người ồn ào trên kia, về đây tìm yên lặng sống bên nhau. Trên một mỏm đá cao, một con chim hải âu trắng có mỏ đen đang đứng lặng nhìn ra xa. Tôi nhìn nó chăm chăm, ngạc nhiên không hiểu sao nó đứng bất động lâu như thế được. Nó suy nghĩ gì? Mỏm đá trông đã chơ vơ, mà con hải âu còn chơ vơ hơn cả đá. Trong khi những con khác di động bập bềnh trên sóng nước, con nào mặt cũng vô tư hớn hở. Chỉ riêng một mình con chim đậu trên cao là cách biệt, mặt quay ra phía mù khơi.

Tôi nhìn quanh bãi, vắng không bóng người. Tôi kéo Sơn trở về phố.

Nước biển càng về chiều càng dâng lên bờ cát. Tôi nhìn xuống đôi chân trần, đang dẫm trên cát mịn.

Tôi chợt nói với Sơn:

– Con có thấy cát biển không?

Nhưng tôi không nghe con tôi trả lời. Sơn đang chạy ở phía trước, thỉnh thoảng quay lui nhìn xem mẹ có còn ở phía sau không, rồi đứng lại chờ.

Cát ướt mềm lún nhẹ, chốc chốc nước biển tràn vào liếm quanh đôi chân, tạo nên một cảm giác nhột nhột dễ chịu, như có ai đang đùa bỡn với chân mình.

Đôi bàn chân từng mang nặng trí tuệ, trái tim cùng với hình hài tôi, thế mà tôi ít khi cúi xuống để nâng niu nó. Đôi chân tải nặng cuộc đời người. Mấy ngón chân tôi gầy ốm cong queo, nổi lên những chai u, nằm khép bên nhau trông đến tội. Tôi cố duỗi chúng ra, nhưng chúng cứ ép lại như đã từng chịu dựng như thế trong bóng tối bít bùng của những đôi giày mũi nhọn. Những ngón chân đi trên cuộc đời, đi trên mỏi mệt, phải đi đến cuối đời. Chân rã rời, chân chai cứng. Tôi nhìn xuống, bỗng dưng muốn khóc.

Gió biển thổi tạt vào má, cái khóc bất chợt bay đi. Tỉnh lại người, tôi chạy nhanh bắt kịp Sơn, bảo với con thôi về đi, biển nhiều gió quá.

Trở về phố, ngang qua một đám đông. Tôi dừng lại, Sơn len lỏi vào để đứng cạnh ông họa sĩ già, nhìn ông đưa cây bút chì phác họa chân dung, cô thiếu nữ tóc vàng ngồi cạnh. Ông họa sĩ nói:

– Cô mỉm cười đi.

Cô thiếu nữ lắc đầu:

– Tôi cười trông buồn lắm.

Ông họa sĩ:

– Cô còn trẻ mà, đừng nói chữ buồn.

Mấy người đứng xem nhìn nhau cười. Cô thiếu nữ thấy thế cười theo. Tôi nhìn khuôn mặt cô, thấy buồn hơn khi chưa cười. Nụ cười, đôi lúc cũng chẳng biết làm vui cho gương mặt.

Cái cảnh này sao giống giống một đoạn trong cuốn phim "Un coeur qui bat" vừa chiếu ở Paris. Cuốn phim có đôi chỗ cảm động. Trong phim, người bạn cô thiếu nữ xin ông họa sĩ đừng vẽ miệng của

người yêu. Ông họa sĩ hỏi tại sao, người bạn trả lời: "Tại vì miệng cô ấy chỉ muốn nói những lời chia ly với tôi".

Gió biển thổi mạnh hơn, những đợt sóng trắng nhô cao chồm vào bờ một cách gắt gỏng. Thân thể người bắt đầu ngồi dậy ở bãi cát, họ choàng khăn, mặc vội áo quần trở lên phố.

Tôi gọi:

– Sơn ơi, có lẽ trời sắp mưa, mình về nhà.

Sơn chờ cho đến khi ông họa sĩ chấm phá nét cuối, ngắm nghía rồi đưa bức chân dung cho thiếu nữ. Giữa người họa sĩ già tóc bạc và cô thiếu nữ tóc vàng có một điều tương phản rõ rệt. Ông ta có nét rắn rỏi, hồn nhiên, tươi cười. Còn thiếu nữ, mặt thật buồn, lại có vẻ mỏi mệt. Tôi thấy ông ta cầm lấy tiền cho vào túi áo một cách lơ đễnh, như nhét bao thuốc lá.

Sơn ngước lên nhìn tôi:

– Ông ấy vẽ đẹp.

– Ừ, ông ấy là một họa sĩ, một paintre.

Sơn thích thú nói tiếp:

– Lớn lên, con sẽ vẽ cho mẹ như thế.

Tôi cúi xuống, hôn nghiến vào má con tôi, nơi Sơn đang cất giấu một đồng tiền nhỏ. Tôi nói nhè nhẹ cho tôi nghe: "Sơn ơi, con ơi. Không những sau này con vẽ đẹp để vẽ chân dung cho mẹ, mà con hãy là một nhà văn nữa. Để con có thể diễn tả giùm những điều mẹ đã sống, đã cảm xúc mà không nói được nên lời. Chỉ một mình con thôi, con mới hiểu được trái tim mẹ. Bởi con là tình thương của mẹ".

Về đến phòng, tôi lấy mấy gói mì ăn liền nấu chín cho vào hai bát, Sơn và tôi ăn ngon lành.

– Ngày mai mẹ con mình nấu cơm Việt Nam ăn nghe.

Sơn gật đầu. Mỗi khi nghe tôi nói đến chữ Việt Nam thì Sơn gật đầu. Có thể con tôi chưa hiểu cái danh từ viết hoa ấy là gì. Nhưng Sơn hiểu rằng mỗi lần tôi nói đến, trông tôi có vẻ thú vị hay sao đó. Tôi có đem theo ít gạo và một chai nước mắm. Sáng mai ra chợ mua cá tươi,

cà chua, thơm về nấu nồi canh cá, rắc chút tiêu vô, đã thấy ngon miệng. Tôi cũng mua thêm một ít tôm tươi về rim với đường và nước mắm, ăn với cơm nóng. Tôi sẽ ăn cho đến hạt cơm cuối cùng. Đôi lúc nhớ món canh mít ngoài Huế, nhớ dĩa thịt gà xé bóp rau răm, miệng rệu cả nước. Cái nhớ, cái luyến lưu quê xưa chan thêm vào tô canh, tẩm đượm vào dĩa thịt gà càng làm cho cái thèm thêm ao ước.

Những bữa cơm nhà ăn chung với Bertrand, tôi có thể nấu cơm Việt Nam ăn riêng, nhưng điều đó tôi không muốn. Khi nhìn chồng ăn theo dường chồng, vợ ăn theo đường vợ. Tôi tủi thân. Nên tôi thường ăn cùng những món mà Bertrand thích để thấy mình không còn là người ngoại quốc, một étrangère đối với Bertrand. Nhưng cố gắng ấy vô ích. Mùi thịt cừu chiên mà Bertrand ưa thích mãi mãi là cái mùi khó chịu nhất trong các loại mùi. Mũi tôi chỉ mê mùi mắm nêm, mắn ruốc hay tôm chua. Mùi mắm là mùi rất dễ chịu để ăn với cơm.

Đối với xứ sở này tôi là người ngoại quốc, nhưng khi sống với Bertrand, tôi cảm thấy mình là người ngoại quốc đến lần thứ hai. Chữ "ngoại quốc" không chỉ hiểu trên ý nghĩa biên giới chủng tộc, quốc gia, mà còn có một nghĩa quan trọng hơn, đó là một người xa lạ. Xa lạ trong tâm.

Tôi ước chi những bữa cơm có người đối diện gắp chung với mình một món ăn, chấm chung với mình một chén nước mắm xắn ớt. Điều này đối với những cặp vợ chồng Việt, được xảy ra mỗi ngày. Còn với tôi, chỉ có trong mộng tưởng của kiếp sau.

Sống trong căn nhà mọi sự bày biện tân kỳ theo ý Bertrand. Từ cái bàn, cái ghế, mọi thứ anh ta đều giữ sạch không có một hạt bụi. Bertrand rất sợ bụi, như cho rằng mỗi hạt bụi là một con vi trùng. Nên mỗi ngày tôi phải quét dọn liên tục. Cái ghế ngày hôm qua lau rồi còn sạch, nay phải chùi lại, vì vi trùng nhỏ lắm, mắt thường không trông thấy được. Tôi nghĩ sống mãi như thế mình sẽ có một "tâm thức" của người Tây, không còn khó chịu vì cái sạch sẽ của họ nữa. Nhưng không phải thế, mỗi khi Bertrand đi đâu vắng vài ngày, tôi tha hồ bừa bộn, ăn đâu bỏ đấy, nằm đọc sách trên canapé, ngồi gác chân lên ghế. Sơn tha

hồ xem télévision dổi đài lia lịa. Buổi sáng ngủ dậy khỏi cần phải "làm giường" như mọi ngày, cứ để thế chui vào ngủ tiếp buổi tối. Tối nào chẳng ngủ mà phải xếp đặt cho mất công. Có lẽ trong tôi có một chút thích thú khi phản kháng những gò bó của trật tự mà con người đặt ra để tự nhận là văn minh.

Tôi nhớ đến căn nhà xưa hồi ở Huế, nơi ông bà tôi đã sống, đến đời cha mẹ tôi, rồi đến đời tôi. Căn nhà có bộ tràng kỷ ngồi bao nhiêu người cũng vừa, những bộ phận gỗ dày, những đôn sứ ngồi... Chẳng cần nệm mousse, chẳng cần nệm da, chẳng có ai lau chùi mỗi ngày, mà trông chúng vẫn bóng loáng sạch sẽ mát rượi. Mỗi lần ngồi học bài ở ghế tràng kỷ là tôi chỉ muốn nằm dài ra ngủ một giấc ngon lành. Giữa đồ đạc trong nhà với người sống, luôn luôn có một sự gắn bó yêu thương nhau. Cho nên bàn ghế ấy, tủ, ngựa, phản ấy có một sức sống, tuy âm thầm nhưng bền vững qua thời gian, từ đời này sang đời khác. Còn đây, bàn ghế tủ giường sang trọng cả đấy, mà vô tri vô giác. Đồ vật chết, nên bụi cứ bám hoài.

Vật cách người. Người cách người. Người lạc người. Đồ dùng trong nhà, tôi chỉ thương cái gạt tàn thuốc lá. Bởi tôi thấy tôi giống nó. Sống để chờ đợi tro tàn của năm tháng vẩy xuống lòng mình. Cái gạt tàn còn có người đem đi chùi rửa. Còn tôi, có ai đem tôi rửa sạch những bụi tro xám đen, mỗi ngày mỗi chồng chất, thành một thứ trầm tích khó gội rửa.

Ăn xong, tôi đứng dậy gần cửa kính nhìn ra ngoài. Trời tối dần, biển phía dưới phủ một màn mưa đục. Vài chiếc buồm vội vã lướt sóng trở về bờ. Ánh đèn từ đường phố hắt xuống thấy còn lại bãi cát trơ đấu lồi lõm, lỗ chỗ. Biển phía xa đang đưa dần những con sóng đến gần bờ hơn, để tìm lại phần đất yêu thương của mình mà loài người ban ngày đã chiếm chỗ. Biển rửa sạch hết những bẩn thỉu mà người ta bỏ lại cho mình. Biển đang có màu xanh đen, đúng như Sơn tìm thấy khi hỏi tôi trên xe lửa. Nhưng giờ đây khi nhìn biển trong mưa, tôi thấy biển đẹp lạ lùng. Ngày trước, tôi hãi hùng vì đã nhìn những cơn phẫn nộ của biển, và không dám nhìn lại biển từ lúc ấy. Chừ thì tôi hiểu, biển cũng có một đời sống tâm linh lạ lùng và bí ẩn. Biển sống êm đềm, và đôi khi

cũng cuồng nhiệt, có khi cũng thịnh nộ với loài người vì thấy họ cứ muốn phá phách cái huyền bí của đại dương, làm ô nhiễm cả đại dương. Địa cầu được tạo dựng là để phục vụ con người sống hạnh phúc yên vui với nhau. Chỉ có con người luôn âm mưu phá vỡ thiên nhiên.

Tôi nhủ thầm, sáng mai sớm khi biển chưa có bóng người, tôi sẽ dẫn Sơn xuống tắm, để được biển ôm ấp vỗ về và rửa sạch lòng đôi chút.

– Mẹ ơi, con nằm ngủ chung với mẹ nhé.

Tôi quay lại, Sơn đã nằm trên giường lớn, tay cầm cuốn "mots croisé" gạch gạch. Buổi tối ở đây, người ta đi ngủ sớm. Tiếng động ở ngoài đường phố hầu như ngưng hẳn. Nhưng tiếp theo có tiếng chim kêu ở đâu, gọi nhau trên mái nhà, có lẽ ở gác chuông nhà thờ bên cạnh. Tiếng của những con chim biển, mới đầu còn thưa thớt rời rạc, sau thì liên tục. Chúng ùa nhau lại như réo gọi một ai đó. Bỗng nhiên tôi nhận ra được một giọng chim thật sắc, kêu chói lói như xé vào tai. Tiếng kêu như đang bị ai cào cấu vào thịt da. Hay đó chính là tiếng kêu của con chim hải âu đứng bất động hồi chiều trên mỏm đá? Đúng, chỉ có nó mới có giọng kêu thê thiết xé lòng như vậy.

Tôi lên giường nằm cạnh con. Cuốn sách nơi tay Sơn đã rơi xuống. Sơn đang ngủ ngon. Tôi nhìn con, một thân thể đong đầy sinh lực tôi. Nếu mai kia, con tôi lớn lên, không còn muốn ràng buộc với tình thương của mẹ, sớm tách ra để tạo lấy một đời sống riêng tư. Mọi dự tính mong cho con trở nên một người theo ý định của mình có thể sẽ không thành. Đời tôi sẽ ra sao nhỉ? Đổ vỡ và rơi rụng. Tôi còn lại gì để sống với?

Ngoài kia, sóng biển cứ thì thầm với bờ cát. Trong này tiếng chim hải âu nghe vẫn dòi đoạn không dứt. Tôi trở mình nằm nghiêng, cho trái tim khỏi đè nặng lên người. □

*LUÂN HOÁN*

# THƠ MỌC TỪ LÀNG CÂY PHONG

★

**1. Ngồi trên đá tảng**

*trèo lên đá ngồi xếp bằng phơi nắng*
*ngó mặt trời ngường mộ ngắm ta chơi*
*hít thật ngọt từng hơi dài lương núi*
*vui như khi chưa từng biết yêu đời*

*nhảy xuống cỏ dạo vòng vòng tảng đá*
*hỏi con sâu đã lưởng thọ bao lâu*
*bẻ một nhánh cây khô trầm tư nghĩ*
*nắng hay mưa đời đã sớm phai màu?*

*xoạc chân đái lên bụi bờ lau cỏ*
*mừng thấy rừng sẽ giữ chút lương ta*
*rừng mình khoái, lại trèo lên tảng đá*
*ô mặt trời chừ thanh thản như ta*

**2. Lững thững thăm làng**

*vin vai bạn lần chân theo dạo núi*
*chiều theo người nắng quấn quít bên vai*
*gót nhón gót bởi ngại lòng để lại*
*vết thương đời cho sỏi đất tàn phai*

*bạn vui miệng kể chuyện cây chuyện cỏ*
*vạn vật này đã luân kiếp tồn sinh*
*xin cảm tạ đất trời vô lượng Phật*
*dã dưỡng nuôi bao cuộc sống chân tình*

*bạn cứ nói ta vừa nghe vừa thấy*
*vũ trụ này và cả trái tim ta*
*mỗi một khắc mở bừng bừng sức sống*
*đời muôn năm lộng lẫy ngát hương hoa*

**3. Nằm võng nhìn loanh quanh**
**nằm ngửa mặt nhìn trời đu đưa võng**
*mây lừng khừng không đứng cũng không đi*
*lòng coi bộ có điều gì bất ổn*
*cứ y như dang thèm, thiếu điều chi*

*chai rượu nhỏ lận trong quần lấn cấn*
*ngoài cửa chùa lén rỉ rả vài hơi*
*máu bắt rượu rần rần xoa cơ thể*
*sao còn như thiêu thiếu món nợ đời?*

*lục trong túi giấy bút rơi đâu mất*
*trước cảnh thơ thơ để bụng không yên*
*lượm viên sỏi bóp truyền bao xúc cảm*
*bỗng hân hoan như dang tiếp bạn hiền*

VĂN CŨNG THƯỜNG

# đêm trăng đầy ở làng saint rémy

*

Khách sạn nằm ngay con đường lớn của làng, xuôi về tỉnh Arles hay trở về Nime cũng thuận tiện. Khi tôi dừng chân lại để cố ý nghỉ đêm ở một ngôi làng nhỏ bé hiền hòa này thì ngày đã sắp tàn. Năm giờ chiều của một ngày chủ nhật trong tháng Sáu là một vẻ yên tĩnh vắng vẻ đến độ bỗng dưng phát ngấy. Tỉnh lẻ một nơi khỉ ho cò gáy ở Tây phương là thế, sẽ cho bạn một cảm giác như thế. Nếu bạn có lỡ mà vướng nhằm tâm hồn thích phiêu lưu thì bạn sẽ thất vọng tức khắc. Không có gì để cho bạn tìm tòi hay khám phá cả. Nhưng, tin tôi đi, hãy dẹp tính phiêu lưu đó một nơi, để nhường cho cặp mắt nghệ sĩ mở rộng, thì bạn ơi, ngay cả một góc phố, một phiến đá dưới chân tường giáo dường sẽ dành cho bạn những đề tài vô tiền khoáng hậu.

Vẫn vậy, không khí vừa quê vừa cổ lỗ sĩ của khách sạn, cách bày biện khoảng thập niên 30 của nó, cộng với sự thiếu ánh sáng vì dãy cao ốc trước mặt nhà nhận lấy hết đã làm tôi thoáng dợm chân bước thoái ra ngay ở buổi đầu. Hôm ny trở lại đây là lần thứ hai. Lần đầu, cùng với gia đình gồm năm anh em và một chị bạn, đại gia đình chúng tôi đã chiếm lấy hai phòng cho sáu người.

– Bà cho tôi phòng một người ở tầng lầu thứ hai nhé!

– Sao ông khó tính thế, tại sao phải là tầng thứ hai? Nhỡ mà quán trọ đã đầy ắp khách, hết phòng?

Giọng bà quản gia đưa đẩy. Tôi không thích những người quá miệng lưỡi. Tôi hơi xẵng giọng, có lẽ vì mệt:

– Không có thì tôi phải kiếm khách sạn khác vậy.

Sau thấy mình có vẻ vô lý, tôi đổi giọng:

– Năm trước tôi và gia đình có về trọ nơi này, tôi muốn kiếm tình thân cũ, vậy thôi.

Bà quản gia bỏ kính lão xuống, nhìn tôi cho tỏ tường hơn, rồi mỉm cười:

– Ừ tôi nhớ ra rồi, gia đình ông đã chiếm lấy hai phòng nơi cuối dãy hành lang.

Tôi nhắm mắt gật đầu. Hình ảnh từ đâu ùa về bao bọc lấy tôi. Anh Thường, tối nay mình sẽ ăn cơm Tây hay cơm Tàu? Hình như có cái quán cơm Á Đông ở đầu phố đó anh? Lúc ấy tôi không trả lời, đứng, nhìn ra ngoài cửa sổ, chỉ cách mấy tấc là cành cây tiêu huyền với những tấm lá xanh phe phẩy, như mơn trớm, như ve vuốt. Bên cạnh là phòng tắm, thằng em út xả hết tốc lực chiếc vòi nước. Tiếng nước chảy xiết dường như là một nhân tgiải hấp dẫn hơn câu hỏi của em Tố tôi.

– Ông sẽ lưu lại đây mấy ngày?

– Mấy ngày cũng được, nếu vui thì cả tuần, buồn thì có lẽ ngày mai tôi đã dông tuốt đi mất.

Với giọng nói ỡm ờ như để trả đũa lúc nãy.

Ba quản gia giao chìa khóa cho tôi với vẻ khó chịu. Tôi bất cần. Tôi có thể lịch sự, dễ thương với người khác, nhưng, với người đàn bà này thì không... Bà ta có gì đáng ghét đâu, chỉ có đôi mắt cú vọ tạo cho tôi một ác cảm thôi mà.

*

Sự tắm mát làm tôi khỏe khoắn trở lại. Từ phòng tắm chung cho cả dãy lầu hai bước ra, khung cửa kính nơi cuối dãy, hành lang đó có hấp lực lôi kéo tôi về phía nó. Tôi lần ngần đứng trước khung cửa kính, nhìn ra ngoài, và ngửi thấy mùi hương mùa hè ngào ngạt, nhưng còn đâu âm vang của một buổi rong chơi năm ngoái, tôi nhắm mắt, nhưng không có giọt lệ nào trào ra cả. Đã qua. Bây giờ khối tình thân đã về một nơi khác, mấy đứa em đó, giờ xum tụ, quen thuộc rồi nơi xứ Mỹ, chỉ còn tôi ở lại một mình, nơi xứ Pháp chật vật và giá cả leo thang đến

độ khủng khiếp này. Tiếng chuông chợt đổ sáu giờ, làm tôi thức tỉnh trong một khoảnh khắc ngắn. Bụng tôi reo sôi lên đòi ăn. Một mình, cơm Tây hay Tàu đã không còn là vấn đề. Rồi sau đó khi ngả lưng lên giường để nghỉ mệt một chút, tôi đã cảm thấy một sự trống trải buồn. Chị Hương đã có lý khi quyết định đi về một thành phố miền biển. Đi chi một nơi mình đã đi qua biết rồi. Chúng tôi đã chia tay nhau như thế trong buổi sáng ở Nime, trước tòa kiến trúc đấu trường thời La Mã cổ. Sau đó mạnh xe ai nấy chạy và hẹn gặp lại nhau ba ngày sau ở Aix. Thực ra, tôi biết chị chạy trốn dĩ vãng. Nhưng chạy sao cho khỏi, khi mà, ở mọi vùng miền nam nước Pháp này chị đã cùng tham dự những chuyến đi du ngoạn với gia đình tôi. Dần dà, chị xa cách với chị Phương trước tiên, đã theo chồng về Úc, sau một đám cưới linh đình. Rồi sau đó gia đình tôi được ông anh bảo lãnh sang Mỹ. Trọn mười năm chị đã cùng san sẻ vui buồn cùng gia đình tôi. Bây giờ chỉ còn mình tôi ở lại, thỉnh thoảng đến thăm viếng chị, hay đôi lúc vài cú điện thoại cuối tuần. Có một khoảng thời gian tình bạn tưởng phai lạt vì không tin tức gì cho nhau.

Tiếng chuông ngân ngắn lên một tiếng. Tôi thay đồ chỉnh tề và quyết định đi ăn ở một hàng cơm Tây, nơi đã cùng ăn với gia đình năm ngoái. Tôi can đảm hứng chịu nhát đâm của kỷ niệm làm rộng lớn thêm nỗi đau thương nhớ.

– Ông có về trễ tối nay?

– Tôi không có chương trình gì. Nhưng chắc tôi về sớm để nghỉ ngơi quá.

– Tối nay có hội hóa trang và màn trình diễn gnoài trời ông à, ông không nhớ sao, hôm nay là ngày hội của âm nhạc.

Ngày đầu tiên của mùa hè. Gần một năm tôi đã sống trơ trọi. Bốn mùa vùn vụt trôi đi, mà tôi không nhớ. Chúa ơi, thế mà, mùa xuân đã trôi qua, nhanh quá, tôi đã đến tuổi già chưa nhỉ? Ở mấy tuổi mới gọi là già. Không già sao hay quên, đôi khi, có những cái rất quan trọng tôi đã quên bẵng đi cách dễ dàng, nhưng có những kỷ niệm không ăn nhậu gì tới đời sống, vậy mà, đã ăn bám như cỏ và đất rất sâu rất chặt... Tôi lại lẩn thẩn nghĩ ngợi về những cái mình đã hành động hồi hai mươi

tuổi, hồi ba mươi tuổi, nhưng lát sau tôi mới nhầm với tháng năm, hãng sở đó mình đã làm việc hồi năm nào vậy cà? Rồi tôi giận dữ, thôi, hãy để đầu óc tôi thảnh thơi, những hình ảnh lóe sáng trong đầu một khoảnh khắc ngắn rồi trôi lủi ngược với những bước chân tôi hướng về quán ăn ở một ngõ hẻm góc khuất với con lộ cái.

*

Chín giờ đêm của tháng sáu, mặt trời vùng ôn dới vẫn còn treo lửng ở gần cuối chân trời phương Tây.

Suốt con đường làng, ánh nắng vẫn sáng rực như có trải vàng. Bây giờ thiên hạ túa xua nhau ra ngoài đường phố, mỗi người một cách hóa trang, Âu và Á, cổ kim hòa nhập làm một. Thì ra, sự yên tĩnh mà tôi vừa đến lúc nãy là giả tạo, để bây giờ, sự náo nhiệt, điêm dúa, hực hở được nở ra như ngọn pháo bông tung tỏa. Sự vui tươi trẻ trung xâm chiếm đến lấy tôi, mời gọi tôi, khuyến khích tôi, thúc giục tôi tham dự.

Không khí của một ngày hội làm tôi cảm động, rồi tôi quyết định đi chơi đến hết đêm. Bất chợt, tôi vui lên, trở về khách sạn tìm cái máy ảnh để ghi lại những hình ảnh của một ngày rất dễ thương như lúc này.

Một số khách du lịch từ phương xa đến, không hay biết trước đêm nay có lễ hội, như tôi, lúc đầu có vẻ hơi ngỡ ngàng, không biết phải làm gì, rồi sau đó, hòa đồng với dân làng, vui vẻ tham dự rất nhiệt tình.

– Ông từ đâu tới?

– Từ Hambourg đến.

– Chèn ơi, xa xôi thế kia mà cũng lặn lội về đây? Một tỉnh lẻ quê mùa như thế này.

– Ở đây có hai điểm làm tôi chú ý, thứ nhất nơi ông Van Gogh dừng chân dưỡng bệnh, hai nữa, tôi muốn xem tận mắt những tàn tích của La-mã còn sót lại. Khảo cổ và hội họa, là hai nghệ thuật đam mê nhất của tôi.

Trò chuyện cùng tôi là một người đàn ông trạc ngũ tuần. Chúng tôi trò chuyện mất còn, cắt khúc lộn xộn, vì những tiếng động và đám đông xen dụng lẫn nhau. Có một lúc chúng tôi tưởng lạc nhau, nhưng tìm lại được, rồi sau cùng mất hẳn tung tích.

Theo dòng người, tôi trôi lạc về khu ngoại ô của làng, nơi có hai kiến trúc cổ đứng sững giữa nền trời còn màu xanh sáng, miếng bạt rộng căng ra làm rạp hát ngoài trời.

Tôi đoán sẽ còn nhiều màn nhiều mục, nhưng khi theo dõi rồi, tôi mới thấy mình lầm, họ chỉ chơi toàn nhạc jazz và loại rock hard. Chưa đến phân nửa chương trình, tôi thấy chán và cảm thấy sự trống trải của mình. Tôi rời đám đông, tôi đứng ven lề đường quốc lộ để nhìn ngắm.

Trời tím dần. Bầu không khí mát dịu, nhờ vài cơn gió thoảng của đêm hè. Những chú đom đóm hiện hình dần bởi nền trời tối. Bầy ễnh ương kêu vang. Bầy ve không mỏi cánh. Không gian ngập tràn hương hoa dại, dù mùi hương của lavande có nồng gắt cách chi cũng không vùi lấp hương feuille de chevre dâng hiến cách kín đáo sự dịu dàng đằm thắm của mình, vui sướng được góp mặt với thế giới xung quanh, và cùng hòa điệu khúc hát của sự sống. Và, có những vì sao nữa, lấp lánh ánh sáng mình như những giọt lệ của trời không bao giờ rơi. Và ánh trăng nữa, nhằm đêm 16 tràn đầy giữa nền trời.

Cái đẹp về đêm của thiên nhiên làm tôi thổn thức. Bất chợt, cái ồn ào của hội hóa trang bỗng thừa thãi. Tâm hồn tôi trải rộng, phải, nên hưởng thụ cái cảm xúc bất chợt vì cái đẹp đến từ sự cho của thiên nhiên này.

Đèn đuốc của sự văn minh loài người bỏ lại phía sau lưng, để nhường cho ánh trăng dẫn đường.

Tôi tiến đến khu tàn tích cổ La-mã, nơi còn lưu lại hàng cột của miếu đền, con đường đá, hiên nhà. Bây giờ chúng được bày dọn và trùng tu để làm bảo tàng viện của làng Saint Rémy. Dù đã một lần thăm viếng qua, nhưng tôi thấy náo nức muốn tay chân mình sờ mó những vách tường đá cổ vào đêm, tìm tòi cái thích thú của cảm giác mình đi đến cường độ nào. Dù có lo sợ người ta gán tôi là kẻ gian nhỡ khi phát giác, nhưng vì tính mạo hiểm quá mạnh, thắng hơn.

Qua bao chặng đường nào trèo, nào chui, cuối cùng tôi cũng lọt vào được.

Tôi lấp mình rất lâu để dò xem động tĩnh. Tôi hy vọng người gác

dan của viện tối nay vì ham vui với hội hè phía trước mặt mà lơ là công vụ.

Mặt trăng trên cao cúi nhìn xuống, như theo dõi, như cười chế giễu hành động lén lút của tôi. Tôi mặc kệ, ngồi tựa lưng một thân cột, giữa những nghìn mảnh vụn vết tích văn minh cổ, tôi chừng như chụp bắt được cái cảm giác lang thang đâu đây. Tôi nhớ ra rồi, ở một chuyến thăm năm ngoái, khi sắp hết giờ tôi đã nuối tiếc nhìn nắng tàn, tôi đã ao ước trở lại đây lần nữa vào một cơ hội khác, thời điểm khác. Chỉ riêng mình tôi với đám tàn tích, tâm tình thư thả, không du khách, không hướng dẫn viên, không cổng rào khép kín ở một thời gian nhất định nào, không, tàn tích Glanum phải trần trụi không bị chiếc áo bảo tàng lộng trên vai mà cảm thấy bó buộc quá đi, và, sá kể gì lòng ngưỡng mộ tôi khi nhìn thấy tác phẩm của những người đi trước.

Bất giác, tôi đưa chiếc máy ảnh lấy khung cảnh trước mặt, cổ thành tràn ngập ánh trăng, ừ, tôi không phải là tay nhiếp ảnh thượng thặng gì, nhưng ít ra nó cũng ghi dấu và làm phong phú thêm cho quyển sổ tay du lịch của tôi.

Đang lúc ấy, một bóng người chợt xuất hiện sau một thân cột gẫy, nhưng không còn kịp nữa, tiếng "clip" và lằn sáng lóe lên trong đêm mờ tỏ đã làm người thứ hai như đứng sững lại, chúng tôi có một khoảng cách không xa để biết rằng mình không phải là người độc nhất trong một khu di tích ở ngoài giờ được phép vào như lúc này. Tôi đứng thẳng người chờ đợi. Một người thứ hai từ từ tiến gần đến tôi. Dưới ánh trăng sáng tôi được biết đó là một phái nữ, tuổi ở giữa 25 đến 30 gì đó. Nàng lấy lại được bình tĩnh sau những giây phút ngượng nghịu lúc đầu. Điều này làm tôi dạn dĩ, lại có một người (như mình) dám vào khu di tích cách trái phép. Chúng tôi cùng mỉm cười, rồi đã hiểu nhau.

– Ông từ phương xa đến hả?

Nàng cởi ra chiếc walkman vừa hỏi tôi như đã thân thiện lắm.

Tôi gật đầu. Cái máy ảnh làm tôi ngượng nghịu và cảm thấy ngu ngơ làm sao ấy. Dưới mắt nhìn của nàng, có lẽ tôi là Tàu là Nhật gì đâu đâu chứ không nghĩ đến thân phận tôi người Việt tỵ nạn.

– Cô đang nghe nhạc gì thế?

Nàng chìa cái máy cho tôi, tôi tò mò lắng nghe thử. Một ca khúc của O.M.D.: "Secret".

*All I want is to hold you hand*
*To see the sun and walk the sand*
*You make me sad and you make me glad*
*And now you see all my secret is this love*
*Is love, is love*
*All my secret is this love*
...

Tôi mỉm cười. Có thể, nàng hợp "gu" với tôi lắm, cách chọn nhạc để nghe, với một ca sĩ nam có giọng hát cắt vỡ thủy tinh, và phải nghe ở giữa những cột đá nhẵn mòn theo năm tháng.

Nàng lấy lại cái máy và tiếp tục thưởng thức, ở một đoạn có lẽ vì bồng bột, cả thân hình nàng nhảy múa theo dòng nhạc, dưới ánh trăng đầy và sáng một màu sữa trong huyền hoặc.

Tôi thì ở thế ngồi, lưng tựa vào một vách tường cỏ hoang bám đầy, tôi dõi trông nàng và thầm ức đoán về thân thế của người thiếu phụ trước mặt. Không, tôi không thấy gì ngoài thân hình căng tròn sức sống qua chiếc quần jean bó sát và chiếc áo sơ-mi dài tay cỡ bỏ hai hạt nút, trước ngực. Mùa hè, những người đàn bà Tây phương chả thèm mang cái xú-chen làm chi cho nực nội. Mái tóc ngang vai kiểu France Gall đủ ôm khuôn mặt nàng trông hơi nhọn ở một khía cạnh nào đó. Nhưng Thường ơi, sao mà nhìn kỹ người ta thế kia, rời bỏ chốn này là hơn. Có lẽ trời đã vào khuya, bởi, sau một lúc nghe ngóng, tôi không nghe thấy động tĩnh gì ở một góc xa kia, trong khi lũ côn trùng vẫn đều đều hòa tấu một giọng nhạc duy nhất.

Người thiếu phụ vẫn còn nhảy. Dam mê, bất chấp, cả tay, chân, đầu, mái tóc, lắc lư tiếng nhạc phát ra từ cái máy điện tử tí xíu. Nếu không có sự hiện diện của nàng, có lẽ tôi đã về đến khách sạn từ lâu rồi. Bây giờ với cô ả ở đây, tôi không biết phải làm gì, sự hiện diện mình có vẻ thừa thãi, mà bỏ đi thì không đành, cô ả đó, một mình, thân gái giữa đêm khuya, nếu gặp bọn lưu manh thì hậu quả không sao lường trước

được, thôi thì đành nán lại, bậu bạn với cô ta. Tôi làm vài động tác vô thưởng vô phạt.

Sau cùng, nàng ngừng chuyển động, tiến đến phía tôi, rồi ngồi bên cạnh. Tôi nghe tiếng nàng thở gấp, phì phà nơi gáy. Một lúc tôi mường tượng như tiếng thè lưỡi của một loài rắn. Tôi giật mình đến muốn nhảy nhổm lên khi nàng lắc vai tôi hỏi có nước uống không. Nàng đang khát. Tôi chìa cho nàng một miếng kẹo cao su, vật duy nhất còn sót lại. Nàng nhai nhóp nhép vẻ ngon lành. Nàng trông trẻ hơn khi nàng ăn, khi nàng nói.

– Chúng ta phải trở về thôi.

– Về đâu?

– Tôi phải về khách sạn để nghỉ ngơi.

– Không, tôi không đi đâu hết, xe tôi bị panne rồi, tôi không muốn cuốc bộ về làng.

Vẻ tiểu thư điệu hạnh, trông phát ghét.

– Chả lẽ cô đám ở lại một mình, giữa đám tàn tích đổ nát như thế này?

Nàng gật đầu rất mạnh dạn, quả quyết.

Tôi phát cáu:

– Ma sẽ hiện lên nhát cô.

Nàng nhún vai:

– Ma này không phải tầm thường, là ma sói, ma cà rồng hay lùng tìm nạn nhân giữa lúc tròn trăng.

– Có ông cạnh bên, tôi không sợ đâu.

Nàng cười, chiếc răng khểnh hơi quá nhọn và dài nơi khóe miệng. Đồng thời đôi mắt nàng sáng rõ ràng như có hào quang. Bây giờ tôi bắt đầu chùn lòng, những lời tôi vừa thốt, có lẽ phải dành cho tôi mới đúng.

– Tôi không phải là ma đâu, ông đừng sợ.

Nàng cười lớn thật tình, vang dội.

– Tôi xin cô, tôi van cô, người ta phát giác ra thì kỳ chết.

Thấy tôi xuống nước nhỏ, cô ả càng làm già. Tôi cáu sườn bỏ đi, mặc xác cô ả ở lại.

– Thôi kệ, nếu tên gác đan là tên háo sắc, tìm thấy cô ở đây và hãm cô.

Chừng như lời nói tôi có hiệu quả. phải làm dữ dằn chứ đừng hiền hậu quá với tây đầm. Cô ả chạy theo níu kéo tôi ở lại.

– Thôi mà đừng giận tôi, tội tôi chết, ở lại đi, tôi sẽ nhảy múa cổ điển cho ông xem.

Nói xong nàng thực hành liền, dáng thanh thoát nhẹ nhàng, khi quay bên phải, khi quay bên trái, những cử động bí ẩn dường như muốn thố lộ một điều gì, và cũng khơi óc tò mò muốn biết những động tác sau đó. Tôi biết rồi, cô ả là một vũ công nhà nghề, thích trình diễn tài tử. Trong ánh sáng mờ tỏ, những động tác đó là một quà tặng bất ngờ.

Tôi im lặng đứng chiêm ngưỡng, đồng thời cũng tự hỏi, nàng đang giương bẫy cho tôi một điều gì đó. Tôi không rõ, tôi không đoán được. Tôi tiến đến bên nàng, ra dấu nàng ngừng lại, rồi dịu dàng nói.

– Tôi ở lại đây này, nào nghỉ đi, cô mệt rồi kia.

Có những giọt mồ hôi vã ra trên khuôn mặt nàng còn đẫm nét đam mê.

Chúng tôi cùng ngồi xuống. Nàng đưa tay vuốt lại mái tóc. Tôi thì ngẩng mặt nhìn trời, nhìn trăng, nhìn sao hay bất cứ một cái gì khác, ngoại trừ khuôn mặt nàng, thân thể nàng, dường như có một ma lực luôn hấp dẫn người khác buộc phải nhìn nàng. Nàng duyên dáng quá chừng. Sự hiện diện của nàng là một hạnh phúc nhỏ bất thần chợt đến với tôi, làm sống lại hình ảnh của thời tuổi nhỏ, tôi và chị Phương ngồi ngắm trăng bên hiên ngoài, giọng chị nhỏ nhẹ kể chuyện, dường như tôi đã thiếp đi một giấc ngắn trong đơn điệu ru ca ấy, chợt tôi choàng tỉnh, thấy trăng đã lên cao, còn chị Phương, nhặt dài hoa trang cài lên tóc mình. Chị có mái tóc ngắn, xoắn và bồng lúc 12 tuổi.

– Cô xng đáng được nhận một bó hoa cho cái công trình diễn vừa rồi.

– Thật ư? Tôi không tài cán gì để nhận bó hoa. Nhưng tôi rất vui khi biết có người thưởng thức và nhìn thấy sự gắng công mình. Lạ lùng,

kể từ lúc nãy cho đến giờ, tôi cảm thấy hạnh phúc, cảm thấy vui sướng được kề cận bên ông.

Tôi xoay nhìn nàng không nói một lời. Dưới ánh trăng, lần này, nàng khoác lên một khuôn mặt có vẻ đẹp ma quái liêu trai, làm ngắt đứt dòng tư tưởng tôi, nhớ về một bài thơ Đỗ Phủ, ngủ dưới trăng, khi ông thức giấc thấy bóng của tiêu huyền phủ đắp trên người. Dầu cho hiện thân nàng có là ma quái tôi cũng mặc lòng, ở đây, là một con ma cô đơn.

Gió trên cao bắt đầu dậy nhẹ, cây cành lao xao nhau, cũng may, chúng tôi ngồi ẩn nấp sau bức tường vỡ, nhưng cũng thoáng mát lạnh, tội nghiệp người thiếu phụ run lên từng cơn nhẹ, ngồi khép nép cạnh tôi, điều này khiến tôi ngần ngại chỉ ôm lấy đôi vai nàng. Người nàng nhẹ như tơ. Tóc nàng thoáng bay hương cỏ dại. Hương làm tôi say, tôi nhắm mắt ngủ thiếp bên nàng. Chợt vọng từ xa, một tiếng rú cất cao lảnh lót, rồi im bặt giữa tiếng gió lao xao. Tôi chồm thẳng người nghe ngóng, không hiểu những gì sẽ tiến tới.

– Ông yên tâm đi, cạnh đây có nhà thương điên. Chính nơi đây đã giữ chân ông Van Gogh một thời gian lâu.

Giọng nàng thì thào, như tiếng vọng của đáy sâu mộng mị.

– Xem chừng ra cô cũng có nhiều kiến thức đấy, này, tên cô là gì?

– Isabelle. Còn o?

– Thường. Sáng sớm tôi sẽ xem chiếc xe cô bị hư như thế nào, hoặc, chúng ta phải làm một chuyến auto-stop thôi.

– Thôi đi ông, chúng ta cùng đi bộ về làng cũng được. Ông sẽ lưu lại đây mấy ngày?

– Không biết nữa.

Hình như sự nhiệt tình dành cho làng Rémy đã giảm hẳn đi, khi đêm hội bắt đầu txã hội nhạc jazz và rock hard. Chưa hết, cuộc hội ngộ với người đàn bà này đã xáo trộn đi cuộc phiêu lưu yên tĩnh của tôi, làm tôi không còn hăng say nữa như buổi đầu. Bất chợt, đời sống tôi không còn riêng tư gì nữa, qua những lời đối thoại giữa tôi và Isabelle.

– Tôi hỏi cho biết, vì không chừng những ngày sau này, khi rảnh tôi sẽ làm người hướng dẫn cho ông, tôi có một cảm giác lạ kỳ là rất thích

được làm bạn với ông, lại nữa, tôi biết khá nhiều chỗ vùng này, chúng ta hẹn gặp lại vào ngày mai đi ông.

Tôi cảm thấy khó mà từ chối, trước một giọng nhẹ như cô em vòi vĩnh quà.

– Tôi hứa, một giờ trưa, ở khách sạn Provence nhé.

Người đàn bà ra vẻ yên lòng trước giọng nói thành thực của tôi. Cơn buồn ngủ kéo đến bất ngờ, dù đã tự bảo, phải thức tỉnh, để trước khi trời vừa sáng là chúng tôi phải chuồn đi cho rồi.

– Thường...

– Gì nữa cơ.

Tôi hơi gắt gỏng vì bị quấy rầy.

– Ông có muốn ăn quả táo không?

Tiếng nói đó không phải của Isabelle, mà là của loài rắn từ thuở trời đất dựng phục sinh đêm nay. Tay người đàn bà vươn dài, uyển chuyển như rắn, uốn éo, trói buộc, thả lỏng, rắn xiết chặt hơn khi tôi kháng cự, và dịu dàng mơn trớn khi tôi thuận tình. Có một lúc tôi tưởng đã thiếp hẳn, nhưng lại có lúc cuyết họng tôi bị nghẽn lại, tất cả các mạch máu căng phồng, muốn bùng vỡ như bị dây đo áp huyết bơm quá mạnh tay.

Vầng trăng bây giờ khuất mặt, vì có áng mây ngừng trôi. Gió chợt lặng, thế giới quá yên tĩnh, một cột trụ trông chừng đổ gãy têm một nửa, rớt lăn lóc ở một xó.

– Serge, ne me quitter pas.

Cũng giọng nói thì thào đó, vẫn đôi cánh tay của rắn, ghì kéo xiết chặt.

Là ngọn pháo bông cuối cùng của hội ngày hè được bắn đi và tung tỏa giữa trời. Thế rồi, cụm mây trôi đi, trăng sáng trở lại, gió dậy trở lại, tiếng gà gáy cuối khuya, tiếng chim hót cho đầu buổi bình minh, hương nồng nàn hơn, thế giới tiếp tục quay tròn vần điệu bài luân vũ, quay nhanh, quay nhanh đến nỗi tôi phải choáng váng, trong cõi giao thoa giữa mộng và thực đó, tiếng chim chợt biến thành tiếng người, "phải, ta hãy cuốn tròn thế giới này và quăng nó vào lửa hỏa ngục đổi đời, thế giới này có khác chi hai thành Sô-đôm và Gô-mô-rơ đâu". Đất

hả miệng ra, tôi hụt hẫng, trượt chân, té sâu trong miệng hỏa diệm sơn ngùn ngụt nóng cháy.

*

Trọn cả buổi sáng hôm sau, tôi cố dỗ lại giấc ngủ sau khi trở về lại khách sạn. Nhưng tôi không chợp mắt được. Những diễn tiến của cuộc gặp với Isabelle tối qua làm tôi tưởng nhớ mãi. Một phần, những tiếng động của xe cộ trôi chảy phía dưới, tiếng máy hút bụi ở phòng bên làm khuấy động tâm tư tôi. Khi tôi choàng tỉnh lần thứ nhất thì Isabelle không còn ở bên tôi nữa, tôi ngủ côi cút, co quắp, nói là một mình cũng không đúng hẳn, có chú mèo hoang đi qua đi lại trên mình tôi, phe phẩy cái đuôi của nó vào mặt tôi, khiến tôi hắt hơi vài cái. Khốn kiếp, phá giấc ngủ ngon của ông. Tôi định dương chân tông cho nó một đạp, thì nó chạy xa đi mất. Tôi những tưởng người đàn bà còn thấp thoáng đâu đây. Và gọi khẽ tên nàng. Nhưng không ai đáp lời lại. Tôi nằm mơ ư? Không đúng, tôi vừa nhặt lấy một sợi tóc vàng mảnh vướng trên áo tôi kia mà. Tại sao nàng bỏ tôi đi một mình?

Người nhân viên của khách sạn gọi phòng tôi. Hỏi tôi có định dùng sáng không. Tôi nói sẽ ra ngoài liền. Không. Đừng mang cà phê lên cho tôi. Cảm ơn bà. Đã mấy giờ rồi, bà có biết không? Mười một giờ trưa. Đã mười một giờ trưa rồi à.

Tôi sẽ làm gì trong giờ này. Ăn sáng? Ăn trưa? xuống lầu và nói ra rằng, có thể tôi lưu lại đây thêm vài bữa nữa. Hôm nay có chương trình gì đặc biệt không? Tôi sẽ đi chơi ở đâu? Cho cùng, đi đâu cũng thế thôi. Tôi không quyết định cho mình được điều gì, dưới sức nóng hâm hấp của một ban trưa bắt đầu. Không ngọn gió lay, và ánh nắng gay gắt của ngày hè miền nam bao giờ cũng làm tôi đau xót con người đến nỗi đổ nước mắt ra. Người đàn bà tối qua không lưu lại cho tôi một vết tích gì. Ngoại trừ một cái hẹn vớ vẩn tại đây, nơi khách sạn tôi ngụ. Nàng sẽ đến không? Hoặc mãi mãi, nàng không hiện thực, đã tan biến đi theo giọt sương ban sáng? Nhìn trong gương, tôi thấy mình không có vẻ gì là bị ma hớp hồn cả. Ngoại trừ đôi người đỏ đục vì ngủ ít. Còn khoảng hai tiếng chờ thong thả và tắm rửa. Một giờ trưa sẽ đến, từ một bao giờ tôi

ngồi đợi nàng trong chiếc ghế bành rộng, nàng hướng đến bên tôi. Thưa ông? Nàng sẽ ăn vận ra sao trong giờ hẹn sắp đến. Và còn tôi, tôi vẫn cứ thích quần jean và chiếc T shirt màu trắng. Vả lại, hành trang mà tôi mang theo cũng chả có gì cho một cuộc du hành rất bụi đời tôi.

Đã rất lâu, tôi không còn ai để hẹn hò, ừ thì cũng có những cái hẹn vặt vãnh, nhưng tôi muốn nói đến một cái hẹn làm mình thừa thãi, đi ra đi vào hồi hộp chờ đợi.

Không có nàng, làng Saint Rémy sẽ khô queo và cằn cỗi vô duyên làm sao ấy, à, nếu địa đàng không có Eva, thì Adam nhìn bầy thú bầy khỉ đến phát chán ghét mất, và thưa với Chúa, xin cho con trở về với bụi đất thôi.

Một ngày kia tôi cũng sẽ trở về với bụi đất thôi. Tôi nhìn tấm thân cõi tạm và tưởng nghĩ một ngày nào sẽ tàn tạ, mục rữa đi. Tôi bối rối khi nhớ đến tuổi tôi, một nửa đời đi qua, đây là lúc phải chấm dứt một đời sống độc thân, hay là tiếp tục một đời cô độc, sống lây lất từng ngày cho đến hết một đời.

Trưa. Nhưng mặt trời không đứng bóng. Con đường chính chợt rầm rộ xe, kẻ qua người lại, rồi độ nửa tiếng đồng hồ sau đó, không khí yên tịnh của một tỉnh lẻ trở lại bình thường. Tôi đã nôn nả, đã xuống lầu ở một giờ kém mười lăm. Ngồi chờ Isabelle ở phòng đợi. Và đọc báo. Một đứa bé sáu tuổi thất lạc. Dự trù của công ty hỏa xa Pháp, có nên đặt đường rầy tốc hành từ Bord về Nice không? Đại khái tin xe cán chó như thế. Bà quản lý khách sạn bước đến bên tôi hỏi tôi cần gì? Tôi bảo, tôi giữ phòng thêm ngày nữa. Tôi cần thêm xà phòng. Được, đây ông.Thấy tôi tần ngần, bà tò mò hỏi, ông có vẻ buồn tình? Ừ, tôi đang chờ một người bạn mới. Nhìn đồng hồ tay rồi thở dài. Nhưng nàng sẽ không bao giờ đến nữa. Đã một giờ rưỡi. Tôi phải ăn trưa đây, nếu ai có hỏi, bà làm ơn chỉ cho quán ăn trước mặt nhé, tôi chờ nơi đó... Không, bà này không phải là tri kỷ cho tôi tâm sự.

Huống chi, những sự lảng vảng trong đầu tôi sáng nay tôi hãy chưa tường tận nữa là, bà ta sẽ cười mũi vào mặt tôi, khéo vớ vẩn, ông đã làm tình với một ả giang hồ thì hãy bảo, chớ lọc lừa chi chuyện ma với cỏ, ông ơi, chúng ta đang ở thời đại của năm hai ngàn.

Khi đã bước vào quán ăn rồi, tôi lại thấy lúng túng. Tôi vẫn cố ý trông chờ Isabelle dù giờ hẹn đã qua lâu. Tôi chọn một góc ngồi có thể quan sát toàn diện cửa ra vào khách sạn. Lát nữa đây tôi sẽ thăm viếng một nhà triển lãm trưng bày kỷ vật của ông Van Gogh. Một mình. Ừ, tôi cảm thấy thong thả cho điều quyết định đó. Đồng thời, trong cái cùng cực của cô đơn, tôi thấy có một sự tự do vô giá chào đón tôi.

Tôi dùng trưa lặng lẽ. Thích thú nếm mùi vị đặc biệt của vùng ướp trên miếng thịt hầm mềm. Lắng nghe lời tâm sự thì thào nho nhỏ, phát ra từ bàn cạnh bên của đôi nhân tình. Và tự tôi đóng vai trò kẻ lạ; không hiểu và cũng chẳng quan tâm họ nói gì. Một nỗi sung sướng khủng khiếp của tôi là viết lách ít điều sau buổi ăn. Trong hương vị đắm thắm của tách cà phê, tôi viết vội vài chữ trên những tấm post-card gửi cho những bạn bè, cùng gia đình. Rằng, tôi vẫn hkỏe, bình thường, trong giây phút vui chơi này, có nhớ đến các bạn. Thăm mẹ, bấy lâu con không viết thư cho mẹ là bởi vì... Tôi bỏ bút xuống. Khi đến tờ bưu ảnh cho mẹ thì tôi cảm thấy mình vô duyên hết sức. Rồi tôi khoanh tay trước ngực, tưởng nhớ đến mẹ. Thường à, sao bấy lâu rồi, mẹ không được tin gì của con, con bệnh ư? Dôi khi mẹ gọi con, con cũng không có mặt ở nhà. Mẹ lo hết sức. Không, sự thương yêu của mẹ không thể đánh đổi một ít lời hời hợt trên một tờ bưu ảnh trơ trẽn đó, mà, nó phải gói ghém trong một thì giờ riêng tư nào đó. Mắt tôi cay rồi.

Cách một cái bàn, một người đàn ông trút nỗi bực dọc với bạn. Khốn kiếp mình lau chùi sạch bóng, thế gương soi cũng dược nữ là, vậy mà bà chủ của mọi chưa bằng lòng, kêu réo Michel này, Michel nọ, góc kẹt kia chưa hết vết bụi.

Gần hai giờ rưỡi trưa, nhưng tôi thấy sắp hết một ngày. Tỉnh lẻ say ngủ trong ánh sáng phết màu vàng đến đau thốn mắt. Chiếc xe Corsa tôi thiểu não nằm yên bên lề đường nhẫn nhịn đợi chờ. Tuổi trẻ ơi phải lên đường thôi. Xoay người, gọi người hầu bàn trả tiền ăn xong, tôi mới phát hiện có người đã theo dõi tôi từ lâu lắm.

Nàng đó, nụ cười đã thay lời chào.

Tôi đứng dậy, thay đổi chỗ, ngồi đối diện với nàng.

Nàng đã chọn một cái bàn khuất, trên, có một bó hồng loại sonia thơm ngào ngạt.

– Tôi chờ cô đã lâu.

– Tôi ngồi đây đã rất lâu.

– Cô đã dùng cơm? Sao cô không vào trong khách sạn tìm tôi.

– Tôi không biết nữa...

Nàng bật lửa mồi điếu thuốc. Rồi nhìn tôi không nói một lời. Tôi bắt đầu thấy lúng túng. Bây giờ, nàng xa cách và ưu tư, trái hẳn một khuôn mặt nhiệt tình, yêu cuồng sống vội của đêm qua.

– Ông là một nhà tu?

Tôi không nghe kịp phải hỏi lại lần thứ hai, sau đó khi hiểu ra tôi phá lên cười.

– Không, tôi là tên nhởn nhơ ca hát. Nhưng tôi không phải tên râu xanh họ Sở, thay đổi tình nhân như thay áo. Cô giận tôi ư, tôi đùa đấy thôi. Với cái nhìn của người đời, tôi như một ông tu cũng đúng. Tôi có đạo. Tối qua tôi biết mình làm điều không nên làm. (Nàng cười, khi thấy tôi ra vẻ nguyện cầu của người sùng đạo). Xin lỗi, cô dùng nước nhé?

Không đợi nàng ra vẻ ưng thuận hay không, tôi cứ gọi người hầu bàn tới kêu ly cam vắt và tách cà phê nữa cho tôi.

Hôm nay nàng buộc tóc đuôi gà phía sau, để lộ chiếc cổ thấp, đeo chuỗi thủy tinh, cùng chiếc áo dính liền với robe màu trắng điểm bông nhỏ xanh nhạt, đôi vòng môi thắm son màu đỏ cong lên cách kiêu kỳ khi nàng hút thuốc. Ngần ấy vẻ đài các mệnh phụ, làm chúng tôi thôi còn thân mật bạn bè, đã dòng sông ngăn chia cách hai bờ.

– Khi nghĩ tới ông chờ tôi, làm tôi không nỡ, ông có vẻ thực tình với tôi lắm.

– Tôi phải về Aix ngày mai, Isabelle à, có một người bạn đưa đi đây đó trong một nơi lạ, kể ra cũng thú, Saint Rémy với tôi luôn là một nơi khép kín và bí mật. (Thực ra, sphải bực dọc vì chờ đợi đã khiến tôi định bảo, chớ cô giả vờ với tôi à, đêm qua. Nhưng sự trầm lặng của Isabelle lúc này làm tôi không nỡ).

Chúng tôi nói để mà nói, ngôn ngữ ở lúc này không còn quan trọng

nữa, điều cần thiết là cho nhau ánh mắt, tiếng nói, sự dằm thắm chỉ tìm thấy được ở giữa con người với nhau.

– Ông nghĩ sao về tôi? nhưng dù sao tôi không phải là loại người như ông tưởng.

Đây là phút nói thật, tìm tòi cái nguyên ủy của buổi đầu.

– Tôi cảm thấy hợp với cô lắm, cô bụi đời, cô chịu chơi, định rủ cô về ở chung với tôi, có đôi có bạn, để hẹn hò, để hết cô đơn và để thương để nhớ. Hình như cô là cái xương sườn mà tôi thiếu.

Sự hài hước không ổn thỏa lúc này, những lời tôi vừa thốt chợt lơ lửng trên cao và trơ trẽn như tấm bưu ảnh lúc nãy. Còn Isabelle nghiêm nghị đến lạnh lùng.

– Không được đâu ông, tôi đã có chồng.

Nàng giương ngón tay đeo nhẫn cho tôi xem.

Tình hình có vẻ căng thẳng đây. Tôi cảm thấy tốt hơn là giữ sự im lặng và trở về cái thế giới vỏ ốc vỏ rùa của tôi.

Ly nước cam vui mắt, tách cà phê ngào ngạt thơm ngon, nhưng không ai buồn rớ tới. Những người thực khách cuối tuần tự ra về, chỉ còn lại chúng tôi.

Nàng nói tiếp ở lúc mà tôi ngờ nàng sẽ đứng dậy, kiếu tôi đi về, không hẹn ngày gặp lại.

– Tối hôm qua vì quá buồn, đi giữa ngày hội mà tôi ngỡ mình lang thang trong hoang mạc. Tôi vui mừng vì thấy ông, tôi lén theo dõi ông. Tại một phần... (Giọng nói nàng chậm lại, dục ngầu, đôi khi hơi nghẹn lại) Tôi muốn trả thù chồng. Ông ăn chả, bà ăn nem mà lị. (Ra, chồng bà là con quỷ râu xanh). Thật ra tôi còn rất yêu thương chồng. Khó ai dễ quên được tình nghĩa của buổi đầu, phải không ông? Sống chung dưới một mái nhà, nhưng đường ai dã nấy đi. Tôi muốn đeo chiếc mặt nạ ma quái đa tình để chọc ghẹo ông, những người khác, nhưng tôi vẫn nghĩ, cái mặt nạ dễ gạt gẫm người ta nhất, là một khuôn mặt không chưng dọn điều gì. Dù thì giờ tối qua ngắn ngủi, nhưng có tiếng nói trong trái tim tôi thúc giục tìm đến ông. Kìa, ông Thường, ông nói một điều gì đi chứ... (Nàng cúi mặt).

Không cần cà phê nữa, miệng tôi đã thấy đắng rồi. Tự hờn trách sao tình cảm mình dễ bị người gạt gẫm.

– Lẽ ra bà không nên chọn tôi như một con cờ. Huống chi đây là một sự...

Tôi mím môi. Không còn lời lẽ gì để diễn tả. Mà thôi, sự đã qua rồi, vì không ai trong chúng ta là thánh, và vì trong chúng ta còn sống trong một xác thể yếu mềm.

– Serge, là tên ủa chồng bà?

Nàng gật đầu. Nàng nom đã mất thế kia, sao có ông chồng nào khờ khạo, không biết yêu thương, chìu chuộng, vỗ về?

– Bà có biết tay tình địch của mình?

Nàng trả lời, sau một khoảnh khắc im lặng dài. Ánh mắt giương tròn vẻ ngây thơ vô tội:

– Người đó là ông anh sinh đôi rất thân mến của tôi.

Sự gắng giữ sắc diện dã làm tăng thêm những nếp nhăn trên khuôn mặt, tôi chợt thấy khi một vệt nắng trưa chiếu xiên qua khung cửa kính, rẩy ánh sáng xua đuổi một góc tối. Chân lý, dù bị lớp vỏ phủ kín bao lâu, cũng ắt có ngày phải chịu nứt vỡ.

– Lẽ ra, tôi phải dấu kín chuyện này, ông Thường, tôi đã xem ông như một người bạn rất lâu rất thân... Cảm ơn ông đã sáng tỏ điều tôi không dám nghĩ tới, dã làm lơ che tai bịt mắt bấy lâu.

Ánh nắng bây giờ phủ dầy trên khuôn mặt nàng đôn hậu hiền hòa, và, màu mắt xanh long lanh của nàng là nguồn cho đôi dòng lệ chảy.

Để biểu lộ cảm thông sự đau khổ của nàng, tôi vỗ vỗ lưng bàn tay nàng, rồi đưa lên môi hôn. □

Đón đọc:

**TRẦN AI KHOAI CỦ**

Chuyện dài Nguyễn Đức Lập

Tân Thư & Thời Văn xuất bản 1991

*PHAN NI TẤN (N.D.)*

## LÝ SƠN LÂN

*

*Cũng muốn*
*dạo khúc tâm đồng*
*cho người*
*viễn phố*
*dọn lòng nghe chơi*
*ngẫm thân*
*lại*
*ngán nỗi đời*
*tơ sầu cũng oán*
*không lời*
*ai*
*ngâm*

## HƯƠNG NHÀ

*

*Ngày đi*
*trăng úa*
*sau đồi*
*cây mưa*
*cũng lạ*
*như lời*
*gió đưa.*

*LA TOÀN VINH*

# ÂM VANG NGÀY CŨ

*

*Còn tiếng hát nào, mang đến nơi đây?*
*để chút âm vang vọng lại trong ngày*
*tưởng tượng như em đang còn bên ấy*
*thấp thoáng hiền hòa, tóc xõa bờ vai...*

*Còn tiếng hát nào, đưa đến muôn nơi?*
*như bóng thời gian trải rộng cõi đời*
*cho tôi xin được, một lần bất chợt*
*vấp ngã trong hồn những phút chơi vơi*

*Và tiếng hát nào mang đến bên tôi?*
*cho trái tim son những lúc bồi hồi*
*theo gió viễn du đi về muôn lối*
*nhịp bước em qua, giẫm nát hồn tôi.*

*Rồi một lúc nào nằm nghe cô liêu,*
*bên tiếng mưa rơi, rơi mãi những chiều*
*em có còn không âm vang ngày nọ?*
*như tiếng gọi thầm, gọi mãi cô liêu...*

QUỲNH GIAO

# hoài bắc phạm đình chương, một thời đã qua...

*

*Sau bốn tháng cầm cự, nhạc sĩ Hoài Bắc Phạm Đình Chương đã giã từ âm nhạc và chúng ta một buổi sáng tháng Tám.*

Đối với gia đình và những người yêu nhạc, tin ông mất đã lấn át vụ đảo chính bất thành tại Mạc Tư Khoa. Buổi sáng 22 tháng Tám, điện thoại reo liên hồi trong giới bạn hữu của ông: không một ai từng yêu mến âm nhạc Phạm Đình Chương và tiếng hát Hoài Bắc trong ban Thăng Long mà không thấy xúc động bàng hoàng vì một mất mát lớn lao như vậy. Mấy chục năm qua, đã quen và đã yêu nhạc Phạm Đình Chương chúng ta cứ tưởng là ông không thể nào rời bỏ chúng ta được, và sẽ còn đó mãi mãi để tiếp tục làm đẹp cho tân nhạc Việt Nam. Như những đứa trẻ yêu mến tàn cây phượng vĩ trong sân trường, rực rỡ hoa đỏ từ thuở ấu thơ, từ lớp vỡ lòng, chúng ta cứ yên chí là vòm cây xanh tươi đó sẽ tồn tại mãi mãi với ngôi trường thân yêu của chúng ta.

Trong phạm vi nhỏ hẹp hơn, Hoài Bắc Phạm Đình Chương mất đi, ban hợp ca Thăng Long không còn nữa, những nghệ sĩ như Kim Tước, Anh Ngọc, Mai Hương, Lệ Thu... và người viết bài cũng sẽ không còn vui hát như xưa, như những lần đi trình diễn với nhau thật hào hứng, từ ngày còn ở quê nhà cho đến quê người. Hằng tuần, theo dõi một chương trình truyền hình Việt ngữ, khi nghe đài hiệu là bản *Ngựa Phi Đường Xa*, các bạn ông sẽ không còn thấy rộn ràng phấn khởi như xưa. Trong những dịp chung vui trong gia đình hay bạn bè, chúng ta sẽ nghẹn ngào khi hát và nghe *Ly Rượu Mừng*. Từ nay, vào dịp Xuân về hằng năm, chúng ta vẫn sẽ nghe *Xuân Tha Hương* nhưng với một tâm trạng khác, buồn thấm thía hơn... Có lẽ là trong tương lai khá lâu sau này, những bạn hữu chí thiết của Hoài Bắc Phạm Đình Chương sẽ khó

hát được những bài ca vui tươi của ông, và những ca khúc trữ tình lãng mạn của ông sẽ làm chúng ta bâng khuâng rã rời hơn trước.

Hoài Bắc Phạm Đình Chương để lại một khoảng trống quá lớn.

❦

Phạm Đình Chương là một nghệ sĩ tài hoa. Nhạc của ông đa dạng và phong phú vì ông sáng tác đủ các thể loại: trữ tình (*Thuở Ban Đầu, Xuân Tha Hương, Đêm Cuối Cùng, Nửa Hồn Thương Đau*...); tình tự quê hương (*Được Mùa, Mười Thương, Tiếng Dân Chài*...); thanh niên ca (*Hò Leo Núi, Đất Lành, Đón Xuân, Ra Đi Khi Trời Vừa Sáng, Sáng Rừng, Trăng Rừng* ...); hùng ca (*Anh Đi Chiến Dịch, Hùng Ca Dân Tộc*...), loại nào ông cũng có những bài trác tuyệt. Có một thể loại mà tôi nghĩ là chỉ ông mới đặc biệt xuất sắc, nhờ tâm hồn yêu thơ và hiểu thơ, đó là kết hợp nhạc và thơ. Từ những bài thơ của các tác giả tiền chiến như Lưu Trọng Lư, Huy Cận, Quang Dũng, Đinh Hùng, đến các sáng tác của những nhà thơ của miền Nam tự do sau 54 như Thanh Tâm Tuyền, Nguyên Sa, Trần Dạ Từ, Hoàng Anh Tuấn, Du Tử Lê và gần đây nhất những bài thơ nổi danh tại hải ngoại của Thái Tú Hạp, Hoàng Ngọc Ẩn... nhờ Phạm Đình Chương phổ nhạc mà nhiều bài đã trở thành bất hủ. Nhiều bài khác hầu như chỉ được quen biết trong ca khúc Phạm Đình Chương.

Nổi bật hơn cả là trường ca *Hội Trùng Dương*, một biểu hiệu của tài năng lớn Phạm Đình Chương, dù ông viết khi còn rất trẻ. Tôi nhớ lại lời một người bạn: "Viết nhạc, chỉ cần viết được một *Hội Trùng Dương* cũng đủ mãn nguyện."

Ông mất đi, không biết bao giờ chúng ta mới có dịp nghe một *Hội Trùng Dương* qua hòa âm trình bầy vui tươi phơi phới như khi ông còn với chúng ta.

❦

Về nhạc thuật, Phạm Đình Chương là một tác giả có đặc điểm kết hợp âm điệu tài tình. Phần đông thính giả yêu nhạc Phạm Đình Chương đều có chung một cảm tưởng là nhạc của ông có hồn và gần gũi với tâm tư Việt Nam. Phạm Đình Chương dùng âm giai Tây

phương mà vẫn giữ được nét dân tộc qua những nốt láy mềm mại, những chuyển cung đặc biệt Việt Nam (điển hình là *Lá Thư Mùa Xuân, Được Mùa, Anh Đi Chiến Dịch, Mười Thương, Mầu Kỷ Niệm*...). Ông cũng viết các ca khúc hoàn toàn sử dụng nét nhạc Tây phương mà không cầu kỳ, dễ diễn tả và dĩ nhiên dễ yêu, dễ nhớ. Những bản tình ca phổ biến nhất của ông là thuộc loại này, như *Nửa Hồn Thương Đau, Đêm Mầu Hồng, Bài Ngợi Ca Tình Yêu, Dạ "Tâm" Khúc*... Phạm Đình Chương đặc biệt yêu những nốt láy của miền Trung, mà ông thần tình sử dụng trong câu kết của bài *Đôi Mắt Người Sơn Tây* hoặc trong ca khúc phổ thơ Du Tử Lê sau này, bản *Đêm Nhớ Trăng Saigon*. Ông kết hợp một cách tự nhiên không gượng gạo, dù chẳng phải là viết những ca khúc về... Huế.

Nhờ tài năng phong phú với nét lãng mạn vừa Tây phương vừa gần gũi với tâm hồn người Việt, ông sáng tác rất nhiều mà không có bài nào không hay. Sâu xa nhất, có lẽ nhờ Phạm Đình Chương viết theo cảm hứng. Ông không viết theo thị hiếu của thị trường. Ông không bao giờ vội nên chẳng bao giờ vấp, và không bao giờ làm những người yêu nhạc ông phải thất vọng.

*

Hoài Bắc Phạm Đình Chương viết nhạc, soạn hòa âm và trình diễn trong ban hợp ca Thăng Long. Về nghề nghiệp, nơi ông sống nhiều nhất chính là phòng trà. Nhưng ông là người đem lại một không khí thanh lịch cho một nơi nghe nhạc vốn nhiều người yêu nhạc cho là thiếu... trang trọng. Nhờ ông, phòng trà "Đêm Mầu Hồng" có một phong thái riêng, một nơi nghe nhạc chọn lọc của người lịch lãm.

Ông là linh hồn của ban hợp ca đã nhiều thời lừng lẫy từ Sài-gòn ra Hà-nội, vào Sài-gòn, ra đến hải ngoại. Mấy chục năm nay, sau bao nhiêu thay đổi về nơi chốn và nhân sự, thính giả khắp nơi vẫn nghe Thăng Long. Không có Thái Hằng và Khánh Ngọc, vẫn còn Thăng Long. Không có Thái Thanh, thay thế bằng Mai Hương, vẫn là Thăng Long. Thăng Long chỉ thực sự mất khi không còn Hoài Bắc Phạm Đình Chương... Vì Thăng Long là Hoài Bắc và hòa âm Phạm Đình

Chương, là tinh thần yêu mến nghệ thuật ca hát của Phạm Đình Chương. Tôi đã không ngăn được lệ khi nhìn chú Viêm (xin được gọi nghệ sĩ Hoài Trung bằng tục danh tôi vẫn dùng) ủ dột, thất thần trong tang lễ của nhạc sĩ Phạm Đình Chương. Từ nay, Hoài Trung thật sự "lẻ loi một mình" trong một ban hợp ca mấy chục năm qua từng được mọi giới yêu thích.

*

Kỷ niệm của riêng tôi với nhạc sĩ Phạm Đình Chương rất nhiều, và những kỷ niệm trở về như mới hôm qua, như vừa chớp mắt...

Tôi nhớ lại được những ngày còn bé, căn nhà nhỏ trong khu xóm Phan Đình Phùng. Căn nhà có cái gác lửng, nơi mẹ tôi mỗi chiều chủ nhật dánh chắn với các chú Phạm Đình Chương, Phan Lạc Phúc, Thái Thủy, Văn Quang... Chú Chương không đi một mình, thường hay mang theo một thằng bé trạc 7, 8 tuổi, bằng em trai tôi bấy giờ, tên là Thành. Ngày đó bé Thành nghịch ngợm và thông minh lắm lỉnh. Mấy mươi năm sau, tôi gặp lại Thành khi cậu ra mắt tập nhạc *Mộng Dưới Hoa* giới thiệu hai mươi bài thơ phổ nhạc của Phạm Đình Chương vào trung tuần tháng Tư vừa qua.

Không thể tưởng tượng được đó là lần cuối Phạm Đình Chương sinh hoạt với chúng tôi.

Tôi còn nhớ không khí khét lẹt của Tết Mậu Thân 1968, với những hàng rào kẽm gai giăng dầy các cơ quan hành chính quân sự, rồi giới nghiêm làm ngưng đọng những sinh hoạt nghệ thuật. Các đài phát thanh phải mượn những nơi khác làm phòng thu thanh, khiến nghệ sĩ chúng tôi phải di chuyển xa xôi, diệu vợi.

Tôi gặp lại nhạc sĩ Phạm Đình Chương trong buổi tiếp tân trong giới nghệ sĩ và các giới chức chính quyền tại Dinh Độc Lập. Vẫn với dáng điệu nhẹ nhàng, chậm chạp, ông cười cười: "Này Quỳnh Giao, hát đài phát thanh bây giờ chán lắm. Đến hát cho chú đi, ở Đêm Mầu Hồng đó. Ngày xưa mẹ không cho vì còn là con gái, bây giờ cháu đã có gia đình rồi, còn ngại gì nữa. Hát phòng trà nhiều người nghe hơn, hát đài phát thanh chỉ có ai yêu nhạc lắm mới chịu khó đón nghe mình."

Tôi nghe lời ông được có một lần. Qua ngày hôm sau, tôi từ chối vì không quen hát trong phòng trà khi khán thính giả đến vì nhiều lý do khác ngoài việc thưởng ngoạn âm nhạc. Nghe tôi giải thích, ông nói: "Tiếc quá, cháu nhát quá. Chẳng ai như cháu cả, chú mời mà không hát."

Sau biến cố 1975, tôi có dôi lúc tiếc không khí ngày xưa và tiếc cả những dịp bỏ lỡ không trực tiếp trình diễn trước khán thính giả. Nhớ lại, mỗi một bài hát, mỗi một nơi chốn, mỗi một thính giả là một báu vật, một kỷ niệm mang theo...

*

Tôi nhớ lại lần gặp lại ông khi ông vượt biển sang tới Hoa-kỳ và ghé Hoa-thịnh-đốn với Hoài Trung. Lần ấy ông, Hoài Trung cùng với cặp nghệ sĩ Văn Phụng – Châu Hà và tôi đã họp mặt thật vui và làm một đêm nhạc lấy tên *Đêm Mầu Hồng*. Lần đó ông dàn cho tôi hát một ca khúc mới soạn, phổ thơ Du Tử Lê, bản *Đêm Nhớ Trăng Sàigòn*. Tôi rùng mình xúc động bởi nét nhạc quá tha thiết, lãng đãng. Ông cùng Hoài Trung và Châu Hà hát *Mưa Sàigòn, Mưa Hà Nội* làm thành một ban "Thăng Long mới". Cũng dịp đó ông và Hoài Trung với tôi cùng trình bầy *Đêm Mầu Hồng* trong một... "ban Thăng Long trẻ nhất", như ông nói.

Đó là lần đầu tôi được gặp người vợ trẻ và rất xinh đẹp của ông, được bạn bè ông yêu quý vì rất đằm và thương yêu ông. Nàng ngồi phía dưới ngước lên vùng ánh sáng rực rỡ nơi ông đứng trình diễn bằng tia nhìn trìu mến, ngưỡng mộ, và cười thật tươi khi nghe tiếng vỗ tay tán thưởng ông kéo dài, thật dài. Cuối cùng nàng làm cho cả hậu trường ngạc nhiên vì giọng ngâm thơ êm ái ngọt ngào. Đây là một tiết mục bất ngờ và đặc biệt của chương trình hôm ấy.

Sau đó, chúng tôi đã có được nhiều dịp trình diễn với nhau trong những chương trình "40 Năm Âm Nhạc Phạm Đình Chương" ở Hoa-thịnh-đốn do Lê Văn tổ chức, ở Minnesota do Cung Tiến, nhạc sĩ và bạn thân của ông, thực hiện. Thành phần nghệ sĩ do chính ông chọn và mời, ngoài ban hợp ca Thăng Long với Hoài Bắc, Hoài Trung và

Mai Hương, còn có Kim Tước, Lệ Thu và tôi. Ông cũng mời nhạc sư Nghiêm Phú Phi, nhạc sĩ lão thành Đan Thọ, nhạc sĩ vĩ cầm Hoàng Thi Thao và một người bạn thiết thường có mặt bên ông là nhà văn Mai Thảo. Gánh *cải lương* của chúng tôi (tên ông vẫn gọi đùa) làm việc với nhau rất thoải mái, thân mật mà vẫn trong khuôn phép.

Sau đó chúng tôi còn lưu diễn hai tuần vui nhộn và bận rộn do Lê Văn tổ chức tại các nước Âu-châu như Pháp, Đức, Thụy-sĩ. Đó là những năm 1985, 1986, 1987.

Giữa năm 1989, chúng tôi đi trình diễn tiếp ở nhiều nơi chương trình "45 Năm Âm Nhạc Phạm Đình Chương". Tại San Jose, do ông Nguyễn Đình Hữu của Hội Cứu Trợ Trẻ Em Tỵ Nạn Không Cha Mẹ tổ chức, tại Houston do một nhóm sinh viên và chuyên gia thực hiện, và tại Nam Cali, do ông Vũ Quang Ninh, một nhân vật quen thuộc của giới truyền thông đảm trách. Đến nơi đâu Hoài Bắc Phạm Đình Chương cũng để lại những cảm tình tốt đẹp và những thành công rực rỡ.

Sau khi tập nhạc *Mộng Dưới Hoa* ra mắt, Hoài Bắc Phạm Đình Chương còn nhiều dự tính trình diễn những buổi thật chọn lọc tại vùng Thung Lũng Hoa Vàng và tại vùng Quận Cam, với những nghệ sĩ ông yêu thích nhất như Anh Ngọc, Lệ Thu, và ban tam ca Tiếng Tơ Đồng với Kim Tước, Mai Hương và Quỳnh Giao. Nghĩa là tiếp theo buổi trình diễn mang tên *Mộng Dưới Hoa* nói trên, đáng lẽ chúng ta sẽ được gặp lại Hoài Bắc tại San Jose ngày 28 tháng 7, và tại miền Nam Cali vào giữa tháng Tám...

Chúng tôi đang chuẩn bị các buổi hát này với tinh thần rất chu đáo – một đặc tính của Phạm Đình Chương trong việc trình diễn – thì cùng với những bài hát và hòa âm trao đổi với nhau, tôi nhận được những bức hình cũ của mình. Những bức hình chụp đã lâu trong những buổi trình diễn thật xa xưa, ông lục lọi trong nhà và gửi cho với nét chữ rắn rỏi mà bay lượn: "Gửi cháu Quỳnh Giao".

Ngay tiếp đó là tin ông bị bệnh gan, do bạn hữu kín đáo báo cho nhau biết. Hơn tháng sau là tin ông mổ. Rồi tin ông ra đi. Tôi đoán là

ông biết trước mệnh mình, chu đáo gửi tặng từng người thân những kỷ niệm xưa, và tôi ứa nước mắt mỗi khi hồi tưởng lại.

Sau khi ông mất, cuộn băng hình *Mộng Dưới Hoa* được hỏi mua khắp nơi và hình như đã bán sạch. Cuộn băng trở thành một kỷ niệm đẹp ông để lại cho chúng ta. Xem và nghe cuộn băng, người yêu nhạc thấy rõ Hoài Bắc Phạm Đình Chương vẫn còn nguyên phong độ và nghệ thuật, nên càng bàng hoàng tiếc thương khi nghe tin ông tạ thế vì bạo bệnh.

*

Hoài Bắc Phạm Đình Chương mất đi, hẳn là các tác phẩm của ông sẽ còn được nâng niu mãi mãi sau này. Những người yêu nhạc Phạm Đình Chương không bao giờ quên được những thanh âm tình tứ, ngọt ngào và thật gần gũi của ông. Nhạc của ông ở trong trái tim, ở trên đầu lưỡi của họ. Nhạc của ông nhắc nhở họ đến cánh đồng, ruộng lúa, cây đa, con sông, ngọn núi, quê cha, đất mẹ, mùa Xuân, ngày Tết, hạnh phúc, khổ đau, tình yêu, chia ly, đêm trăng, thành phố...

Bạn hữu của ông, rất đông, thấy rõ một thời đã qua. Sơn-tây, Ba-vì, Hà-nội, Sài-gòn, Đêm Mầu Hồng, Pasadena, quận Cam... cùng với Hoài Bắc, tất cả chỉ còn là kỷ niệm. Điều các bạn ông quí nhất ở ông, ngoài những tác phẩm lớn cho nghệ thuật tân nhạc nước ta, là tính nhũn nhặn, thân ái. Ông giao thiệp nhiều, có bạn trong đủ mọi giới mọi ngành, mà không mất lòng một ai. Ông là điểm tụ cho nhiều sinh hoạt và nhiều kỷ niệm của giới tân nhạc trong suốt mấy chục năm qua.

Ông mất đi, ngôi nhà cũ như tắt đèn đóng cửa, và bạn hữu ông thấy trống vắng quạnh hiu...

*

Chú Chương, chú đã đi. Chú đã trở về với cát bụi. Từ cõi thiên đường, chú hãy nhìn xuống đây. Nhìn xuống những người yêu mến chú vẫn còn ngước nhìn lên vòm trời vừa có một vì sao vụt biến, mà lòng vô cùng trống vắng. Họ có một niềm an ủi cuối: nghe và hát nhạc của chú, chú có biết không?...□

# THƯ TÍN

**Anh Phan Ni Tấn (N.D)** (Canada): Cảm tạ anh đã có lòng đoái hoài tới. Nhưng, cái số kiếp nó như vậy rồi biết tính sao đây anh? Thêm vào đó, hằng tháng còn phải lo sao cho tờ báo ra đúng kỳ nữa. Nhưng có anh em ở bển ủng hộ, tụi tui thấy vững lòng vững dạ hết sức đó. Cứ tiếp tục như vậy đi nghen. Thân.

**Anh Thế Uyên** (Washington): Nghe anh kể sơ chương trình làm việc của anh thôi đã thấy phát ngộp rồi. Vậy mà còn có thì giờ viết đều dặn nữa. Phục anh thật. Văn Học có sự cộng tác quí báu của anh chắc sẽ ngày thêm khởi sắc. Tập thơ Khoa Hữu đã lên khuôn, do tổ hợp Tân Thư – Thời Văn xuất bản, hy vọng sẽ hoàn tất trong vòng đôi ba tuần nữa. Chắc chắn đó sẽ là một tập thơ giá trị gây nhiều tiếng vang. Thân.

**Anh Nguyễn Văn Tâm** (San José, California): Sẽ gửi thêm những số báo cũ đến anh để anh cổ động anh em bạn trên đó mua dài hạn. Anh nói đúng, mua báo dài hạn vẫn là cách hữu hiệu nhất để nuôi tờ báo. Văn Học vì không đủ nhân sự lo công việc trị sự nên gặp rất nhiều khó khăn trong việc thu tiền các đại lý ở xa. Có được những người như anh không quản ngại tốn kém thì giờ, sốt sắng giúp đỡ là một may mắn rất lớn cho chúng tôi. Thân.

**Anh Trần Vũ** (Pháp): Khánh Trường qua bển có làm phiền nhiễu người lắm không? Có "quậy" quá sức tưởng tượng của mọi người không? Chẳng giấu gì anh, từ hôm Khánh Trường đi khỏi, xóm Bolsa của chúng tôi êm hẳn đi, người già em bé tươi vui lên, và chị em phụ nữ không còn bẽn lẽn xấu hổ mỗi lần ra đường bất chợt nhìn thấy màu đỏ chu sa hay màu xanh chàm nữa. Đang chờ truyện ngắn mới nhất của anh. Thân.

**Một thân hữu giấu tên:** Văn Học xin cảm tạ tấm lòng ưu ái của anh. Với số tiền anh tặng chắc chắn sẽ nuôi nổi tờ báo trong ít nhất là nửa năm nữa. Phải chi các nhà sách ở xa chỉ cần "sòng phẳng" một chút, Văn Học đã không khổ như bây giờ. Chúng tôi cố gắng để khỏi "phụ" lòng anh. Thân.

# Đã Phát Hành

Nhà Xuất Bản Văn Nghệ
P.O. Box 2301
Westminster, CA 92683
Tel. (714) 527-5761
*(Giá 6 Mk, Ngoài nước Mỹ 7 Mk)*

văn nghệ

P.O. Box 2301, Westminster, CA 92683. U.S.A.
Phone: (714) 527-5761
*Ngân chi phiếu xin đề VĂN NGHỆ*

*Ngoài nước Mỹ mỗi cuốn thêm 1MK*

**Muốn an tâm khi đi mua máy Computer không gì bằng đến**

**ACS** ADVANCED COMPUTER

**Tel: (714) 648-0325**
**Fax: (714) 648-0326**

1714 E. Mc Fadden Ave. Suite O
SANTA ANA, CA 92705
Store Hours: Mon - Sat: 9AM - 7PM

- Bán sỉ và lẻ computer giá hạ
- Nhận Visa & Master Card & Trả Góp
- Nhận gửi đi xa qua UPS
- IBM COMPATIBLE 100%
- AT 286-12 / Super VGA / 40Mb HD $1195
- AT 386 SX / Super VGA / 40Mb HD $1425
- AT 386-25 / SupeR VGA / 40Mb HD $1750
- AT 386-33 / Super VGA / 40Mb HD $1995

*(All System Include 1 year Part & Labor Warranty)*

**Đặc Biệt**

- Laser Jet printer memory upgrade:
- 1 Mb $165 / 2 Mb $235 4 Mb $375

Cuốn sách đã được độc giả chờ đợi từ lâu.
Tuyển tập truyện ngắn:

# NGÀY QUANH QUẨN

của **Trần Long Hồ**

Do nhà xuất bản Minh Văn ấn hành.
Sách in đẹp, trang nhã, với bìa 4 màu của Đinh Cường, tựa của Hồ Trường An, phụ bản của Đinh Cường và Ngọc Dũng, Nguyễn Đình Hùng trình bày.
Quí vị có thể tìm mua sách tại các nhà sách trong vùng hay liên lạc thẳng về:

Nhà xuất bản Minh Văn
P.O. Box 221076
Chantilly, VA 22022
ĐT/FAX: (703) 204-9239

Giá mỗi cuốn là $10.00 US tại Hoa Kỳ, ngoài Hoa Kỳ là $12.00 US. Chi phiếu xin đề MINH VĂN.

**TRÂM ANH - THE PERFECT BRIDE**

**(714) 638-8209**

**(714) 373-1345**

13802 Brookhurst # 1A Garden Grove CA 92643 USA

(đối diện Target, cạnh Rainbow Donut)

•

CHUYÊN BÁN và CHO THUÊ ÁO CƯỚI với các hãng nổi tiếng như ILLISA, MARY, ALFRED ANGELO và TUXEDO với CHRISTIAN DIOR, PIERRE CARDIN, AFTER SIX...

Ngoài ra chúng tôi còn bán sỉ các áo cưới và áo phù dâu, dạ hội nổi tiếng đẹp nhập cảng từ Hồng Kông, Nhật Bản, Đài Loan...

Nhận cung cấp sỉ đồ cưới cho các tiệm đồ cưới trong vùng và gửi hàng đi khắp các tiểu bang Hoa Kỳ, Canada bằng UPS

•

GIÁ CẢ PHẢI CHĂNG, TIẾP ĐÃI NỒNG HẬU

Bác Sĩ

**VŨ ĐÌNH MINH**

**DIPLOMATE AMERICAN BOARD OF INTERNAL MEDICINE AND PULMONARY DISEASES**

**CHUYÊN TRỊ: BỆNH NỘI KHOA, BỆNH PHỔI**

• bệnh nội khoa: tiểu đường - mau cao...

• bệnh phổi: ho - suyễn - đau ngực - lao - khó thở

**NHẬN MEDICAL và BẢO HIỂM**

giờ làm việc: (gọi lấy hẹn)

ngày thường: 9 - 12 AM & 1 - 6 PM

thứ bảy: 9 AM - 1 PM

Tel: **(714) 641-0263**

Địa chỉ: 2740 S. Bristol # 118 Santa Ana, CA 92704

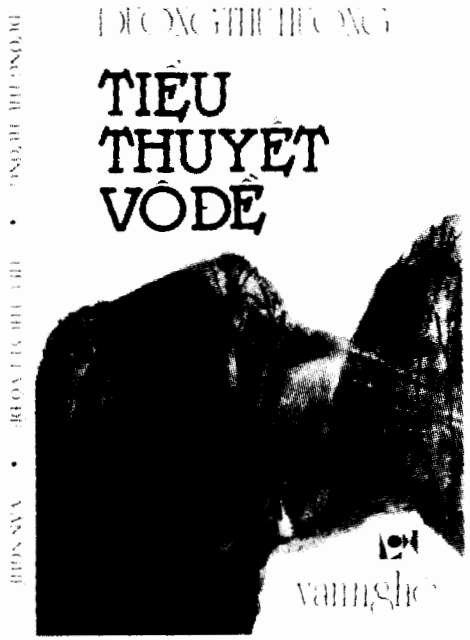


# DƯƠNG THU HƯƠNG

Từ *Bên kia bờ ảo vọng*, *Những thiên đường mù* đến các bài tham luận sắc bén đanh thép...

Mời bạn đọc tác phẩm mới nhất cùng một tác giả: *Tiểu thuyết vô đề*. Bản thảo vừa đến Pháp ba ngày là DƯƠNG THU HƯƠNG bị cộng sản bắt.

Một tác phẩm vừa mạnh bạo gân guốc vừa lãng mạn thơ mộng, do nhà VĂN NGHỆ xuất bản. 250 trang. Giá 12MK (ngoài nước Mỹ 13MK)

Sách đã bán ở các nhà sách hoặc

**VĂN NGHỆ**
**P.O. box 2301**
**Westminster, CA 92683**
**(714) 527-5761**

Đã
Phát
Hành

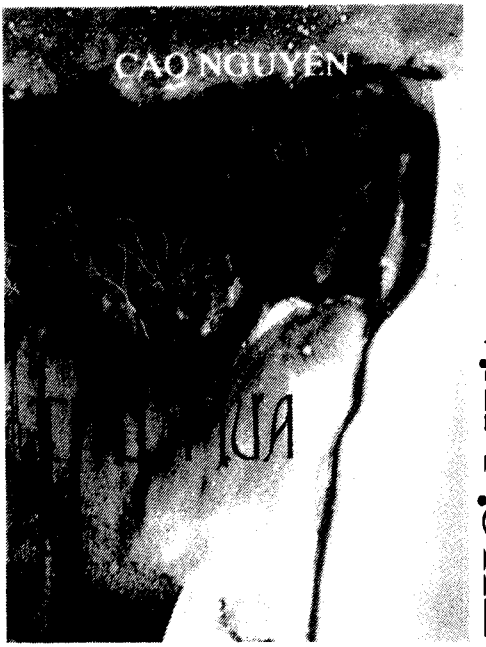


THƠ MƯA Cao Nguyên

TÂN THƯ
& THỜI VĂN

9315 Bolsa Ave. Ste. 111, Westminster, CA 92683
Tel. (714) 537-2468 * (714) 898-9074
Thư từ và bưu phiếu xin đề: Khánh Trường

## PHIẾU MUA BÁO DÀI HẠN

Họ và tên: . . . . . .

Địa chỉ: . . . . . .

. . . . . .

Zipe code . . . . . .

Country . . . . . .

Đặt mua dài hạn Văn Học từ số . . . . . đến số . . . . . .

*Mua một năm báo tại Hoa kỳ*

Gửi hạng tư . . . . . $36.00

Gửi hạng nhất . . . . . $42.00

*Mua một năm báo tại Canada*

Gửi hạng tư . . . . . $40.00

Gửi hạng nhất . . . . . $46.00

*Mua một năm báo tại Âu, Á và Úc châu*

Gửi hạng tư . . . . . $48.00

Gửi hạng nhất . . . . . $84.00

*Trả bằng Mỹ kim. Ngoài Hoa kỳ xin trả bằng International Money Order. Ngân chi phiếu đề Văn Học*

## PHIẾU TẶNG BÁO

Muốn mua một năm báo để tặng cho:

Họ và tên: . . . . . .

Địa chỉ: . . . . . .

. . . . . .

Zipe code . . . . . .

Country . . . . . .

# TÂN THƯ & THỜI VĂN

9315 Bolsa Ave. Ste. 111, Westminster, CA 92683
Tel. (714) 537-2468 * (714) 898-9074
Thư từ và bưu phiếu xin đề: Khánh Trường

Giá $12.00

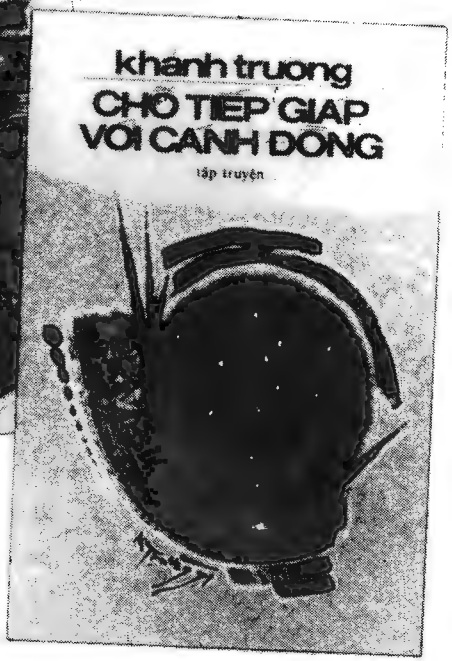


Giá $14.00

**ĐÓN ĐỌC:**
* **Thơ Quỳnh** - Hoàng Xuân Sơn
* **Thơ Khoa Hữu** - Tập thơ
được chuyển ra từ trong nước
*Tân Thư - Thời Văn*
sẽ phát hành nay mai.

*Nhà xuất bản*

văn nghệ

P.O. Box 2301, Westminster, CA 92683. U.S.A.
Phone: (714) 527-5761
*Ngân, chi phiếu xin đề VĂN NGHỆ.*

## SÁCH ĐÃ IN 1991

- **VÀI CHÚ GIẢI VỀ THIỀN ĐỐN NGỘ** — 7.00MK
  *Nguyên Giác Phan Tấn Hải*
- **TIỂU THUYẾT VÔ ĐỀ** — 12.00MK
  *Tác phẩm mới nhất của Dương Thu Hương*
- **VĂN HỌC VIỆT NAM DƯỚI CHẾ ĐỘ CỘNG SẢN 45-90** — 16.00MK
  *Biên khảo Nguyễn Hưng Quốc*
- **TRUYỆN THẬT NGẮN** — 6.00MK
  *Võ Phiến*

## ĐANG IN

- **KINH DỊCH (đạo của người quân tử)** — 20.00MK
  *Nguyễn Hiến Lê dịch, giải*

## SẼ IN

- **LỊCH SỬ VĂN MINH TRUNG QUỐC**
  *Will Durant, Nguyễn Hiến Lê dịch*
- **HỒI KÍ TẬP II**
  *Nguyễn Hiến Lê*

## *TỔNG PHÁT HÀNH*

### *Nhà xuất bản AN TIÊM:*

- **ĐỌC KINH** — 6.00MK
  *Vũ Khắc Khoan*
- **HOÀNG TỬ BÉ** — 6.00MK
  *Le Petit Prince của Saint Exupéry*
  *Bùi Giáng dịch*
- **MÙI HƯƠNG XUÂN SẮC** — 6.00MK
  *Bùi Giáng dịch*
- **TỪ CHỐN LƯU ĐÀY** — 13.00MK
  *của Hoàng Nguyên Nhuận*
- **NHÀ KHỔ HẠNH VÀ GÃ LANG THANG** — 15.00MK
  *Hermann Hesse — Trí Hải, Vĩnh Bách và Lan Nhã dịch*
- **THƯ GỬI NGƯỜI THI SĨ TRẺ TUỔI** — 6.00MK
  *Rainer Maria Rilke — Phạm Công Thiện dịch*
- **SÔNG CÔN MÙA LŨ TẬP I, II, III, IV** — (18, 20, 20, 20MK mỗi tập)
  *Trường thiên tiểu thuyết lịch sử của Nguyễn Mộng Giác*
- **LỊCH SỬ NỘI CHIẾN Ở VIỆT NAM** — 15.00MK
  *Tạ Chí Đại Trường*
- **THƠ TAGORE (Lời dâng, Tâm Tình Hiến Dâng)** — 8.00MK
  *Đỗ Khánh Hoan dịch*

*Ngoài nước Mỹ mỗi cuốn thêm 1MK*


Giá: 3.50 Mk